

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH



### NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp  
đăng ký lần đầu ngày 26/02/2004, thay đổi lần thứ 15 ngày 11/01/2024)

### NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số:...../ QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
cấp ngày.....tháng.....năm 2024)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung được cung cấp từ ngày ...../...../2024 tại:

Tổ Chức Đăng Ký niêm yết

#### NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 024. 3772 2773

Website : [www.agribank.com.vn](http://www.agribank.com.vn)

Tổ Chức Tư Vấn niêm yết

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận  
Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024. 6276 2666

Website : [agriseco.com.vn](http://agriseco.com.vn)

#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên : Lê Hồng Phúc - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại : 024. 3772 2773 - Fax: 024.3831 4069



Handwritten signatures and initials in blue ink.

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 26/02/2004, thay đổi lần thứ 15 ngày 11/01/2024)

**NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Tên Trái Phiếu	: Trái Phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2023 đáo hạn năm 2031
- Loại Trái Phiếu	: Là Trái Phiếu không chuyển đổi, không được đảm bảo bằng tài sản của Agribank, không kèm chứng quyền, thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật
- Mã Trái Phiếu	: VBA123036
- Ngày phát hành	: 05/12/2023
- Thời điểm đáo hạn	: 05/12/2031
- Lãi suất	: Lãi suất là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau: <b>Lãi Suất Trái Phiếu = LSTC + Biên độ</b> Quy định chi tiết về lãi suất được trình bày tại Khoản 12 Mục V
- Kỳ trả lãi	: 01 năm/lần
- Mệnh giá	: 100.000 đồng/Trái Phiếu (Một trăm nghìn đồng/Trái Phiếu)
- Tổng số lượng Trái Phiếu niêm yết	: 100.000.000 trái phiếu (Bằng chữ: Một trăm triệu trái phiếu)
- Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)	: 10.000.000.000.000 VND (Bằng chữ: Mười nghìn tỷ đồng)

➤ **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

- Trụ sở chính: Tầng 46, Tòa nhà Keangnam 72, E6 Phạm Hùng, phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024. 3946 1600 - Fax: 024. 3946 1601

➤ **TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:**

Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank

- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024. 6276 2666 - Fax: 024. 6276 5666

*(Handwritten signatures and stamps)*

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO..... 3

1. Rủi ro về kinh tế ..... 3

2. Rủi ro về luật pháp ..... 7

3. Rủi ro về ngành ..... 8

4. Rủi ro đối với Trái Phiếu niêm yết..... 11

5. Rủi ro khác ..... 12

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..... 13

1. Tổ Chức Niêm Yết ..... 13

2. Tổ Chức Tư Vấn..... 13

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT ..... 14

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT..... 15

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển ..... 15

2. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức niêm yết ..... 25

3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức niêm yết ..... 32

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông ..... 35

5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết..... 36

6. Hoạt động kinh doanh ..... 38

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh..... 67

8. Vị thế của Tổ chức niêm yết so với các doanh nghiệp khác cùng ngành..... 74

9. Chính sách đối với người lao động..... 77

10. Chính sách cổ tức ..... 80

11. Tình hình hoạt động tài chính..... 80

12. Hội đồng thành viên, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng ..... 85

13. Tài sản ..... 112

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2023..... 114

15. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức..... 117

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết .... 118

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết ..... 118

V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT .....	119
1. Mã Trái Phiếu .....	119
2. Loại Trái Phiếu .....	119
3. Số lượng Trái Phiếu phát hành .....	119
4. Tổng giá trị theo mệnh giá.....	119
5. Ngày phát hành.....	119
6. Ngày đáo hạn .....	119
7. Thời hạn Trái Phiếu.....	119
8. Mệnh giá.....	119
9. Mục đích phát hành Trái Phiếu .....	119
10. Nguồn thanh toán Trái Phiếu.....	119
11. Tổng số Trái Phiếu niêm yết.....	119
12. Lãi suất .....	120
13. Kỳ trả lãi .....	121
14. Mua lại Trái Phiếu .....	122
15. Các đặc điểm pháp lý khác của Trái Phiếu.....	122
16. Số lượng Trái Phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	122
17. Xếp hạng tín nhiệm .....	122
18. Phương pháp tính giá.....	123
19. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn .....	123
20. Phương thức thực hiện quyền.....	123
21. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với Trái Phiếu niêm yết .....	123
22. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo .....	125
23. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	125
24. Các loại thuế liên quan .....	125
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	127
1. Tổ Chức Kiểm Toán Báo Cáo Tài Chính.....	127
2. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết .....	127
VII. PHỤ LỤC .....	128
VIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN .....	132

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*

4-C  
INC  
HIỆ  
RI  
I  
M  
P.1

3-C  
3-TY  
H  
H  
HO  
AN

T.P

**NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**
**I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**
**1. Rủi ro về kinh tế**
**1.1. Rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng**

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro đặc thù của ngân hàng, xảy ra khi có sự chênh lệch giữa lãi suất huy động đầu vào và lãi suất đầu ra do biến động của thị trường và chênh lệch giữa các kỳ hạn huy động và kỳ hạn đầu tư. Sự biến động của lãi suất thị trường có thể tác động tiêu cực tới lợi nhuận của Ngân hàng do làm tăng chi phí, giảm thu nhập của Ngân hàng.

Rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng là rủi ro biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của Agribank phát sinh do: Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái khe hở tài sản nhạy cảm với lãi suất mà thu nhập thuần hay vốn chủ sở hữu của Agribank có thể bị ảnh hưởng.

Để phòng tránh rủi ro lãi suất, Agribank trong thời gian qua đã chủ động áp dụng một số chính sách để giảm thiểu rủi ro lãi suất như:

- HĐTV Agribank đã ban hành quy định quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng trong hệ thống Agribank. Hiện đang xây dựng và hoàn thiện quy trình quản lý rủi ro lãi suất đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 13/2018/TT – NHNN và tiến tới tuân thủ quy định của Basel II;
- Agribank đang tiến hành thử nghiệm và hoàn thiện các phương pháp, công cụ đo lường rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng nhằm theo dõi, nhận dạng, đo lường và kiểm soát rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng, đảm bảo trạng thái rủi ro luôn tuân thủ các giới hạn cho phép;
- Thiết lập các giới hạn về lãi suất huy động và lãi suất cho vay cũng như điều chỉnh lại cơ cấu giữa huy động vốn và sử dụng vốn. Để tránh rủi ro lãi suất, Agribank thường xuyên bám sát diễn biến lãi suất trên thị trường để điều hành lãi suất trên toàn hệ thống đảm bảo chênh lệch đầu ra đầu vào thực dương.

**1.2. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với Agribank.




Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ việc thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng... Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của Agribank và đòi hỏi Agribank phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Trong những năm gần đây, hoạt động của doanh nghiệp và người dân vẫn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và những diễn biến bất lợi của nền kinh tế; nhiều khoản nợ cơ cấu giữ nguyên nhóm nợ do khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 không có khả năng trả được nợ khi đến hạn theo thời hạn cơ cấu, tiềm ẩn khả năng chuyển nợ xấu; công tác thu hồi nợ đến hạn, nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro vẫn gặp nhiều khó khăn.

Rủi ro tín dụng được coi là rủi ro lớn nhất đối với các NHTM Việt Nam nói chung và Agribank nói riêng do các khoản cho vay khách hàng thường chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản của các NHTM, nguồn thu từ hoạt động tín dụng cũng chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng nguồn thu và đóng góp phần lớn vào lợi nhuận của các NHTM. Rủi ro tín dụng có thể dẫn tới tổn thất về tài sản, sụt giảm thu nhập, lợi nhuận và giảm khả năng thanh toán của ngân hàng. Do đó, Agribank thường xuyên và luôn quan tâm chú trọng đến rủi ro tín dụng, xác định giới hạn mức rủi ro hợp lý, đồng thời chủ động và kịp thời áp dụng các biện pháp quản trị nhằm duy trì rủi ro tín dụng trong mức giới hạn, đảm bảo an toàn hiệu quả.

Để kiểm soát nợ xấu, Agribank đã quyết liệt triển khai nhiều giải pháp như sau:

- Một là, theo định hướng của Ban điều hành, đảm bảo kế hoạch do NHNN giao năm 2023, Agribank đã rà soát từng chi nhánh trên cơ sở nợ xấu thực hiện năm 2022, kế hoạch chi nhánh xây dựng để giao chỉ tiêu tỷ lệ nợ nhóm 2, nợ xấu và nợ có khả năng mất vốn cho từng Chi nhánh phù hợp đảm bảo mục tiêu, định hướng nợ xấu của Agribank. Thường xuyên cập nhật, đánh giá tính khả thi của phương án xử lý nợ xấu để đảm bảo hoàn thành kế hoạch tỷ lệ nợ xấu do NHNN giao năm 2023. Đến thời điểm 31/12/2023 tỷ lệ nợ xấu sau kiểm toán của Agribank (BCTC riêng lẻ) là 1,72%/Tổng tài sản có theo Thông tư 11 (đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ nợ xấu theo kế hoạch NHNN giao năm 2023 là dưới 2%).
- Hai là, xây dựng phương án xử lý, thu hồi nợ xấu toàn hệ thống năm 2023 và phương án nợ xấu giai đoạn 2021-2025 (Thuộc phương án cơ cấu lại Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025). Trên cơ sở đó, thường xuyên nắm bắt tình hình triển khai phương án của các chi nhánh, theo dõi, đôn đốc và chỉ đạo các chi nhánh rà soát, xây dựng lộ trình, biện pháp xử lý thu hồi nợ phù hợp đối với từng khách hàng, nhóm khách hàng cụ thể cũng như cập nhật tiến độ thu hồi các khoản nợ xấu. Phân đầu đến cuối năm 2025 tỷ lệ

- nợ xấu, nợ tiềm ẩn chuyển xấu ở mức dưới 3%, hoàn thành Phương án cơ cấu lại Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025.
- Ba là, Agribank đã thành lập Ban chỉ đạo xử lý nợ có vấn đề và tổ chức triển khai hoạt động của Ban chỉ đạo tại Trụ sở chính, Văn phòng Đại diện khu vực và các Chi nhánh Loại I; phân công nhiệm vụ và triển khai một số nội dung của Ban chỉ đạo xử lý nợ có vấn đề.
  - Bốn là, bám sát việc thực hiện theo kế hoạch được giao của các chi nhánh: Cập nhật tình hình các nhóm nợ của chi nhánh để theo dõi sự biến động, cũng như hỗ trợ các Chi nhánh xử lý các tình huống phát sinh hằng ngày. Với chi nhánh có phát sinh nợ xấu cao, thành lập đoàn công tác làm việc với Chi nhánh để nắm bắt tình hình thực tế cũng như đôn đốc, hỗ trợ và chỉ đạo triển khai các biện pháp nhằm kiểm soát tốt nợ tiềm ẩn phát sinh nợ xấu, xử lý thu hồi nợ xấu.
  - Năm là, áp dụng linh hoạt, đồng bộ, có hiệu quả các cơ chế về xử lý nợ để tăng cường quản lý, giám sát và chỉ đạo các chi nhánh trong công tác xử lý, thu hồi nợ.
  - Sáu là, tăng cường rà soát các khoản nợ tiềm ẩn, nợ xấu; thường xuyên cảnh báo tới chi nhánh để kịp thời triển khai các biện pháp xử lý thu hồi nợ.
  - Bảy là, kịp thời kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo chi nhánh về việc quyết liệt triển khai các biện pháp xử lý, thu hồi nợ xấu.

### 1.3. Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro biến động bất lợi của tỷ giá, giá vàng trên thị trường khi Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trạng thái ngoại tệ, trạng thái vàng. Biến động về tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị các tài sản và khoản nợ bằng ngoại tệ, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh ngoại tệ của Ngân hàng, có thể dẫn tới suy giảm tài sản và lợi nhuận của ngân hàng. Biến động tỷ giá trên thị trường càng mạnh thì rủi ro ngoại hối càng lớn. Trong quá trình hoạt động, Agribank luôn tuân thủ nghiêm túc việc quản lý rủi ro ngoại hối theo quy định của NHNN, duy trì một tỷ lệ cân xứng giữa tài sản Nợ và tài sản Có ngoại tệ, duy trì trạng thái ở mức hợp lý, đào tạo đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao và có khả năng phân tích dự báo tình hình biến động tỷ giá của các đồng tiền và ra quyết định mua, bán các hợp đồng ngoại tệ đúng đắn. Agribank xây dựng trạng thái ngoại tệ cho các đơn vị trong toàn hệ thống và hạn mức giao dịch mua bán ngoại tệ với các Định chế tài chính có quan hệ kinh doanh ngoại tệ với Agribank. Bên cạnh đó, Agribank đã sử dụng các công cụ tài chính có khả năng phòng ngừa rủi ro như các hợp đồng Forwards, Swap... trong hoạt động kinh doanh ngoại hối. Trong những trường hợp nhất định, vẫn khó để giảm thiểu hoàn toàn rủi ro ngoại hối khi tỷ giá biến động lớn.

306  
 GAI  
 NG  
 PH  
 ON  
 VIET  
 /NI

30  
 C  
 30

#### 1.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do Agribank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc Agribank có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Agribank. Rủi ro thanh khoản có thể làm giảm thu nhập, uy tín của ngân hàng, nghiêm trọng hơn có thể khiến ngân hàng mất khả năng thanh toán. HĐQT Agribank đã ban hành quy định quản lý rủi ro thanh khoản trong hệ thống Agribank, qua đó Agribank luôn đảm bảo khả năng thanh khoản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Rủi ro thanh khoản bao gồm:

##### a) Rủi ro thanh khoản thị trường

Là tình trạng ngân hàng gặp khó khăn trong việc bù đắp thiếu hụt thanh khoản thông qua việc chuyển đổi tài sản lưu động thành tiền ở mức giá của thị trường.

##### b) Rủi ro thanh khoản nguồn vốn

Là tình trạng ngân hàng thiếu khả năng thanh toán, không đáp ứng ngay được các nghĩa vụ chi trả hiện tại và trong tương lai theo dự kiến và phát sinh đột xuất.

Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Agribank đã triển khai thực hiện đầy đủ quy định của NHNN thông qua các phương pháp sau: phương pháp dòng tiền thông qua báo cáo khe hở thanh khoản và phương pháp dựa trên chỉ số của bảng cân đối (bao gồm tỷ lệ khả năng chi trả; tỷ lệ Dự nợ cho vay/Tổng tiền gửi; tỷ lệ Vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung, dài hạn). Ban Quản lý tài sản Nợ-tài sản Có, Trung tâm Quản lý rủi ro Phi tín dụng phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên xem xét và tính toán các tỷ lệ khả năng thanh khoản và có biện pháp đảm bảo tỷ lệ khả năng thanh khoản trong từng khoảng thời gian tiếp theo. Agribank cũng đã xây dựng kế hoạch dự phòng trường hợp xảy ra khủng hoảng thanh khoản và cách đối phó trong từng thời kỳ. Với sự phát triển ổn định, khả năng nắm bắt và theo dõi kịp thời biến động vốn khả dụng, Agribank luôn đảm bảo an toàn thanh khoản và đáp ứng tối đa nhu cầu thanh toán của khách hàng.

Hơn nữa, Agribank duy trì khối lượng tài sản có tính thanh khoản cao đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện bình thường, bất thường; tuân thủ đúng các tỷ lệ về đảm bảo thanh khoản theo quy định của NHNN; và luôn sẵn sàng để tham gia nghiệp vụ thị trường mở với NHNN để đảm bảo thanh khoản của hệ thống. Agribank cũng thiết lập và duy trì quan hệ hạn mức giao dịch với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác để hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết.



### 1.5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Agribank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này đã tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng. Các hoạt động ngoại bảng (như cam kết bảo lãnh thanh toán, cam kết trong nghiệp vụ L/C, ...) là các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn do khi khách hàng vi phạm thỏa thuận với bên thứ ba, Ngân hàng sẽ phải thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba và các khoản nợ tiềm ẩn này sẽ thành nghĩa vụ nợ thực sự, dẫn tới gia tăng chi phí trích lập, giảm lợi nhuận và suy giảm tài sản của Ngân hàng.

Để giảm thiểu rủi ro từ hoạt động ngoại bảng, Agribank đã xây dựng, sửa đổi các quy trình, quy chế, quy định về công tác tín dụng; thường xuyên tổ chức kiểm tra, kiểm soát các nghiệp vụ, đảm bảo ngăn ngừa các yếu tố tiềm ẩn rủi ro; xử lý nghiêm tập thể và cá nhân liên quan các tồn tại vi phạm; tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn các quy định pháp luật, các quy định, quy trình của Agribank cho cán bộ toàn hệ thống.

### 2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là các rủi ro xảy ra khi mà các quy định của pháp luật hiện hành và/hoặc các quy định pháp luật mới được ban hành không còn phù hợp, chồng chéo hoặc chưa đáp ứng đòi hỏi với tình hình thực tiễn, xu thế của thị trường và gây ra các khó khăn, trở ngại, vướng mắc cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp và làm doanh nghiệp phải đối mặt với các chi phí và thiệt hại phát sinh do các tranh chấp pháp lý. Hiện nay, Việt Nam vẫn đang trong quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến tổ chức và hoạt động của TCTD tại Việt Nam, trong đó có Agribank. Trong thời gian qua, nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành nhằm hoàn thiện các luật cũ không còn phù hợp. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế còn đang phát triển và trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ, hệ thống pháp luật tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Vậy đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các nhà đầu tư Trái Phiếu liên quan đến các vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan có thẩm quyền.

Rủi ro pháp lý liên quan đến những sự cố hoặc sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh làm thiệt hại cho khách hàng và đối tác dẫn đến việc Agribank bị khởi kiện. Rủi ro này có thể phát sinh trong các mảng hoạt động của Agribank, đặc biệt là hoạt động tín dụng, thanh toán quốc tế. Bên cạnh đó, là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nên mọi hoạt động của Agribank chịu sự điều chỉnh của các quy định luật pháp theo từng thời kỳ như Luật các Tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, các văn bản chính sách của NHNN và các bộ

ngành liên quan khác. Mọi sự thay đổi của quy định pháp luật cũng như chính sách của NHNN đều ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Agribank.

Để phòng chống các rủi ro này, Agribank đã thực hiện cơ chế giám sát online hàng ngày qua hệ thống Core Banking và trách nhiệm này được giao cho bộ phận kiểm soát, giám sát. Theo phân cấp, tất cả các chi nhánh đều có phòng/bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Với hệ thống Core Banking nói trên, nếu xuất hiện rủi ro, hệ thống có thể cập nhật kịp thời các cảnh báo, đồng thời chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ chính, đảm bảo sự chính xác trong khâu tác nghiệp của Ngân hàng. Bên cạnh đó, Agribank chủ động tiến hành phân tích thị trường, nghiên cứu kỹ lưỡng và cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành nhằm ứng phó được với những thay đổi về khung pháp lý. Đồng thời, Agribank có các đơn vị nghiệp vụ tại trụ sở chính với chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Tổng Giám đốc ban hành các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ; thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ về tính thích hợp, tuân thủ quy định của pháp luật, thay đổi quy định liên quan của pháp luật và các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Agribank.

Agribank cũng đã xây dựng hệ thống văn bản chính sách nội bộ quy định về các nguyên tắc, tiêu chuẩn, thủ tục; hệ thống văn bản chính sách được rà soát đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật trước khi ban hành và hệ thống hóa để đảm bảo tính đồng bộ, đầy đủ và phù hợp trong quá trình triển khai văn bản. Bộ phận pháp chế của ngân hàng chịu trách nhiệm tư vấn hoàn thiện các vấn đề pháp lý theo quy định pháp luật Việt Nam đối với hoạt động tổ chức, quản lý, phù hợp với quy định pháp luật. Agribank luôn chủ động nghiên cứu, tham gia góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng để nắm bắt các thay đổi của chính sách pháp luật.

### 3. Rủi ro về ngành

#### 3.1. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Ngân hàng (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro chiến lược và rủi ro danh tiếng (ngoại trừ các tác động về danh tiếng có nguyên nhân từ rủi ro hoạt động).

Ngoài ra, xu hướng phát triển mạnh mẽ sản phẩm dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao cũng như tăng cường hợp tác hoặc thuê ngoài các bên thứ ba hiện nay có thể làm gia tăng các rủi ro hoạt động liên quan đến ứng dụng công nghệ, hợp tác bên thứ ba.

Agribank đang áp dụng 02 phương pháp đo lường rủi ro hoạt động (sử dụng các phát hiện của

C.T. P  
 N. P  
 H. P

- C  
 T  
 I. A  
 H. C  
 A. N

Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán, thu thập, phân tích số liệu tồn thất nội bộ và bên ngoài), đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN.

Căn cứ kết quả nhận dạng, đo lường và theo dõi rủi ro hoạt động, Agribank thực hiện kiểm soát rủi ro hoạt động thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ; **thiết lập hạn mức rủi ro hoạt động, giám sát mức độ rủi ro hoạt động theo hạn mức**; triển khai các biện pháp kiểm soát rủi ro hoạt động phù hợp (gồm giảm thiểu rủi ro, chuyển giao, chia sẻ rủi ro, phòng tránh rủi ro, chấp nhận rủi ro), báo cáo và trao đổi thông tin rủi ro hoạt động, xử lý kịp thời các sự kiện rủi ro hoạt động.

Xây dựng phương án, kế hoạch duy trì hoạt động liên tục trong những trường hợp gián đoạn hoạt động do: mất tài liệu, cơ sở dữ liệu quan trọng; hệ thống công nghệ thông tin bị sự cố; các sự kiện bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, chiến tranh,...) nhằm chủ động ứng phó, khôi phục các hoạt động kinh doanh trong thời gian sớm nhất, giảm thiểu các ảnh hưởng có thể xảy ra.

### 3.2. Rủi ro về Phòng, chống rửa tiền

Để có các biện pháp phòng ngừa về Rủi ro phòng, chống rửa tiền, Agribank đã xây dựng Quy chế, Quy trình Phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố; gửi báo cáo và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của Cục Phòng chống rửa tiền, Cơ quan Thanh tra, giám sát NHNN và các định chế tài chính; cập nhật hàng ngày thông tin về sự thay đổi các danh sách cấm vận UN, EU, OFAC, HMT nhằm phòng ngừa tội phạm rửa tiền, hoạt động tài trợ khủng bố và đáp ứng thông lệ quốc tế. Agribank thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố cho cán bộ để cập nhật các quy định mới của pháp luật, của Chính phủ và NHNN.

### 3.3. Tính thanh khoản của thị trường thứ cấp đối với Trái Phiếu

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của thị trường đối với Trái Phiếu và không có gì đảm bảo rằng có tồn tại một thị trường giao dịch có thanh khoản cao cho Trái Phiếu. Trái Phiếu có thể được giao dịch ở các mức giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, bao gồm cả yếu tố về lãi suất áp dụng, kết quả hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và hoạt động của thị trường dành cho các loại chứng khoán tương tự.

### 3.4. Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro do NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Hiện nay, tỷ






trọng cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt gần 70% tổng dư nợ của Agribank. Vì vậy, những thay đổi về môi trường, sự xuất hiện của dịch bệnh hay những chính sách tác động đến khu vực nông nghiệp, nông thôn có thể ảnh hưởng đến chất lượng tài sản, thu nhập, lợi nhuận và triển vọng phát triển của Agribank.

Để hạn chế rủi ro tập trung, Agribank đã ban hành quy định về quản lý rủi ro tập trung tín dụng, xây dựng hạn mức rủi ro tập trung tín dụng theo khách hàng, theo sản phẩm, ngành/lĩnh vực kinh tế; các tiêu chí nhận diện người có liên quan, quản lý nhóm khách hàng có liên quan.

### 3.5. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Ngày nay, hệ thống công nghệ thông tin là một phần rất quan trọng trong hoạt động của một ngân hàng hiện đại. Tuy nhiên, như bất kỳ hệ thống công nghệ nào khác, hệ thống công nghệ thông tin của Ngân hàng cũng mang theo các rủi ro tiềm ẩn như: rủi ro bảo mật; rủi ro liên quan đến khách hàng; rủi ro liên quan đến sự cố kỹ thuật; rủi ro liên quan đến quản lý hệ thống. Việc vận hành tốt hệ thống công nghệ thông tin liên quan đến công tác kế toán, tài chính, quản lý rủi ro, phân tích tín dụng và báo cáo, dịch vụ khách hàng và các vấn đề khác, cũng như việc đường truyền thông suốt giữa các đơn vị và trung tâm xử lý dữ liệu chính, có tính quyết định đối với công việc kinh doanh và khả năng cạnh tranh hiệu quả của ngân hàng. Các hoạt động kinh doanh có thể bị gián đoạn nếu hệ thống công nghệ thông tin vận hành không tốt.

Vì vậy, nhằm đáp ứng các quy định của Nhà nước (Thông tư số 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư 09/2020/TT-NHNN Quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng;...) và bảo vệ hệ thống công nghệ thông tin khỏi các rủi ro tiềm ẩn nêu trên. Agribank đã chủ động ban hành các chính sách, quy định nội bộ về an toàn hệ thống công nghệ thông tin. Đồng thời, Agribank cũng thường xuyên chủ động định kỳ rà soát, cập nhật rủi ro và lên phương án phòng ngừa rủi ro. Trong đó, tại Đề án chiến lược phát triển công nghệ thông tin giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030, Agribank đã đưa ra các giải pháp quản lý rủi ro hệ thống công nghệ thông tin như: Xây dựng kiến trúc an toàn thông tin đáp ứng yêu cầu mới của ứng dụng và nghiệp vụ; Giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu (DLP); Đầu tư hệ thống kiểm thử an ninh bảo mật ứng dụng; Đầu tư hệ thống quản lý lỗ hổng và bản vá tập trung; Triển khai dịch vụ an ninh bảo mật phòng chống tấn công từ xa;....

### 3.6. Rủi ro đối thủ cạnh tranh

Agribank hiện đang chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các Ngân hàng khác (bao gồm cả NHTM có vốn Nhà nước chi phối khác, NHTM cổ phần, các ngân hàng 100% vốn nước

ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam). Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa rộng hơn với các nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại đã ký kết hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ gia tăng đáng kể.

Bên cạnh đó, tại Việt Nam thời gian qua các công ty Fintech phát triển khá mạnh mẽ, tận dụng những lợi thế mạnh để cung ứng các dịch vụ, giải pháp tài chính an toàn và thuận tiện cho người sử dụng. Số lượng các công ty Fintech tham gia cung ứng dịch vụ trên thị trường Việt Nam đã tăng hơn hai lần từ con số khoảng 40 công ty cuối năm 2016 lên tới gần 100 công ty ở thời điểm hiện tại, trải rộng trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Đến nay, Việt Nam có 48 công ty Fintech và 48% công ty tham gia vào hoạt động thanh toán, cung cấp cho khách hàng và các nhà bán lẻ các dịch vụ thanh toán trực tuyến hoặc các giải pháp thanh toán kỹ thuật số (2C2P, VTPay, OnePay, VTCPay, BankPlus, VinaPay, VNPay, Senpay, NganLuong, ZingPay, BaoKim, 123Pay...). Bên cạnh đó, tại Việt Nam thời gian qua các công ty Fintech phát triển khá mạnh mẽ, tận dụng những lợi thế mạnh để cung ứng các dịch vụ, giải pháp tài chính an toàn và thuận tiện cho người sử dụng. Báo cáo thị trường Fintech Việt Nam 2022 của NHNN, trong số hơn 260 công ty hoạt động trong lĩnh vực Fintech tại Việt Nam vào cuối năm 2022, 81 công ty hoạt động trong mảng dịch vụ thanh toán (chiếm 31,1% tổng số lượng công ty Fintech tại Việt Nam), 42 công ty hoạt động trong mảng cho vay khách hàng (P2P Lending) (14,7%); 31 công ty hoạt động trong mảng Blockchain/Crypto (tiền điện tử) (11,9%).

#### 4. Rủi ro đối với Trái Phiếu niêm yết

##### 4.1. Các khoản thanh toán tiền lãi Trái Phiếu có thể bị giảm trừ hoặc khấu trừ thuế nếu pháp luật yêu cầu

Nhà đầu tư cần biết rằng tiền lãi Trái Phiếu và lợi nhuận thu được từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam. Do đó các khoản tiền mà nhà đầu tư có thể nhận được liên quan đến Trái Phiếu có thể sẽ bị khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật theo Mục V.24 Phần V.

##### 4.2. Những thay đổi đáng kể về lãi suất của Trái Phiếu

Trái Phiếu có lãi suất thả nổi. Lãi suất cho các kỳ tính lãi không phải là kỳ tính lãi đầu tiên của Trái Phiếu có thể thay đổi đáng kể phụ thuộc vào mức lãi suất trung bình của lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân, kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ bằng Đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất. Bất kỳ thay đổi đáng kể nào về lãi suất đều

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*

có thể ảnh hưởng bất lợi đến dòng lưu chuyển tiền tệ và điều kiện tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cũng như nhà đầu tư Trái Phiếu.

## 5. Rủi ro khác

### a) Điều lệ của Agribank

Agribank đã xây dựng Dự thảo Điều lệ phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017 để thay thế Điều lệ hiện hành và có văn bản ngày 20/12/2021 gửi Chủ sở hữu – NHNN xem xét. Đồng thời, ngày 04/03/2022 Agribank đã có văn bản số 101/HĐTĐ-PC, ngày 14/04/2022 Agribank đã có văn bản số 2922/NHNo-PC và ngày 16/02/2023 Agribank đã có văn bản số 1469/NHNo-PC gửi NHNN qua cơ quan Thanh tra, giám sát NHNN xem xét, có ý kiến đề Agribank tiếp thu, giải trình các nội dung tại Dự thảo Điều lệ. Ngày 22/09/2023, Tổng Giám đốc Agribank đã có văn bản số 10974/NHNo-PC gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đề nghị NHNN bố trí một buổi làm việc để Agribank có điều kiện giải trình, lĩnh hội các ý kiến còn vướng mắc về dự thảo Điều lệ mới của Agribank.

Tuy nhiên, trong quá trình xem xét Dự thảo Điều lệ của Agribank, NHNN đang xin ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về thẩm quyền ban hành Điều lệ của Agribank hiện nay có sự khác nhau giữa Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014 để xác định thẩm quyền ban hành Điều lệ của Agribank.

Ngày 18/01/2024, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được Quốc hội thông qua và chính thức có hiệu lực vào ngày 01/7/2024. Theo đó, Agribank đang thực hiện rà soát các nội dung tại dự thảo Điều lệ, đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Agribank sẽ tiếp tục trao đổi, làm việc với NHNN để được ban hành Điều lệ mới phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt Agribank sẽ thực hiện ban hành Điều lệ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

### b) Sự kiện bất khả kháng

Bên cạnh đó, một số rủi ro bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh... ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp và các ngành chế biến, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, tác động ít nhiều đến hoạt động của Agribank, đặc biệt đây là lĩnh vực đầu tư chính của Agribank.

**II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

**1. Tổ Chức Niêm Yết**

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

- Ông: **Phạm Đức Ân** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên
- Ông: **Phạm Toàn Vượng** - Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ông: **Lê Hồng Phúc** - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
- Ông: **Phùng Văn Hưng Quang** - Chức vụ: Kế toán trưởng
- Ông: **Trần Trọng Dương** - Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

**2. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK**

Đại diện được ủy quyền: Ông **Lê Sơn Tùng** – Chức vụ: Tổng Giám đốc

*(Theo Quyết định số 88A/QĐ-CT.HĐQT ngày 11/08/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật).*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu do Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng Tư vấn phát hành, Tư vấn niêm yết, Đại lý phát hành, Đại lý đăng ký, lưu ký Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2023 số 12/2023/TPRCC/AGRISECO – AGRIBANK ngày 23 tháng 08 năm 2023 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp.

*Handwritten signature*

*Handwritten signatures and initials*

174  
IÀN  
3H  
TH  
HỒ  
IÀN  
TP

P  
C  
C  
CH  
A  
G

**III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT**

Bản Cáo Bạch	: Bản Cáo Bạch này là bản cung cấp thông tin của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết về Trái Phiếu chào bán, tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư Trái Phiếu.
Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết/Agribank	: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
Tổ chức tư vấn niêm yết/AgriSeco	: Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank
NHTM	: Ngân hàng thương mại
TCTD	: Tổ chức tín dụng
CTCP	: Công ty cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
TMCP	: Thương mại cổ phần
HĐTV	: Hội đồng thành viên
BKS	: Ban Kiểm soát
BCTC	: Báo cáo tài chính
HĐKT	: Hoạt động kinh doanh
ATM	: Automated Teller Machine – Máy rút tiền tự động
KBNN	: Kho bạc Nhà nước
NSNN	: Ngân sách Nhà nước
VSDC	: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
UBCKNN	: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
CNTT	: Công nghệ thông tin


Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhưng không được giải thích/định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản Cáo Bạch này.







**IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**
**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**
**1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết**

❖ Tên tiếng Việt	: NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
❖ Tên giao dịch quốc tế	: VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT
❖ Tên viết tắt	: AGRIBANK
❖ Trụ sở chính	: Số 02 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
❖ Điện thoại	: 024. 3772 2773 - Fax: 024. 3831 4069
❖ Website	: <a href="http://www.agribank.com.vn">www.agribank.com.vn</a>
❖ Logo	
❖ Vốn thực góp của chủ sở hữu đến 31/12/2023	: 41.268.833 triệu đồng (tại thời điểm 31/12/2023 theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023)
❖ Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 11/01/2024	: 40.962.923.001.584 đồng (*)
❖ Giấy phép thành lập và hoạt động	: Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng số 24/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 26/5/2021.
❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	: Số 0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 26/02/2004, thay đổi lần thứ 15 ngày 11/01/2024.
❖ Người đại diện theo pháp luật	: Ông <b>Phạm Toàn Vượng</b> – Chức vụ: <b>Tổng Giám đốc</b>
❖ Mã số thuế	: 0100686174

(\*) *Vốn điều lệ thực góp của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2023 lớn hơn vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 11/01/2024 là do lãi Trái phiếu Chính phủ đặc biệt từ năm 2021 đến hết ngày 31/12/2023 được ghi tăng vốn điều lệ theo Thông tư số 100/2002/TT-BTC ngày 4/11/2002 của Bộ Tài chính. Agribank đang hoàn thiện thủ tục thay đổi vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Khi hoàn thiện thủ tục, Agribank sẽ công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.*




➤ **Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:**

Agribank tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động do NHNN cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Điều lệ Agribank, và phù hợp với quy định của pháp luật. Hoạt động kinh doanh chính của Agribank bao gồm:

STT	Tên ngành
1	Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2	Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; e) Bao thanh toán trong nước.
3	Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
4	Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: a) Cung ứng phương tiện thanh toán; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
5	Mở tài khoản: a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
6	Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
7	Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
8	Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
9	Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, Trái Phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
10	Mua, bán Trái Phiếu Chính phủ, Trái Phiếu doanh nghiệp.
11	Dịch vụ môi giới tiền tệ.
12	Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, Trái Phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
13	Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
14	Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
15	Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà

*Lu*

*Sam*

010  
NG  
VÔ  
Ả P  
NÔ  
VI  
ĐI

C  
T  
A  
H  
M

STT	Tên ngành
	nước Việt Nam.
16	Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
17	Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
18	Lưu ký chứng khoán.
19	Kinh doanh mua, bán vàng miếng.
20	Mua nợ.

**1.2. Quá trình hình thành, phát triển**

NĂM	MỐC LỊCH SỬ
1988	Thành lập ngày 26/03/1988 với tên gọi Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp Việt Nam.
1990	Đổi tên thành Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam.
1995	Thành lập Ngân hàng phục vụ người nghèo, nay là Ngân hàng Chính sách Xã hội, tách ra từ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam.
1996	Đổi tên thành Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank).
2003	Được phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới. Triển khai hiện đại hóa hệ thống thanh toán và kế toán khách hàng (IPCAS) tại các chi nhánh của Agribank.
2005	Mở Văn phòng đại diện nước ngoài đầu tiên tại Campuchia.
2007	Được Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) xếp hạng là Doanh nghiệp số 1 Việt Nam
2008	Kỷ niệm 20 năm thành lập.
	Được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì.
	Đảm nhận chức Chủ tịch Hiệp hội Tín dụng Nông nghiệp và Nông thôn Châu Á – Thái Bình Dương (APRACA). Top 10 Giải thưởng Sao Vàng đất Việt.
2009	Vinh dự được đón Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam tới thăm và làm việc.
	Lần thứ 2 đạt Giải thưởng TOP 10 Sao vàng đất Việt.
	Khai trương hệ thống IPCAS II, kết nối trực tuyến toàn bộ 2.300 chi nhánh và



NĂM	MỐC LỊCH SỬ
	phòng giao dịch trên toàn hệ thống.
2010	Khai trương chi nhánh tại Campuchia; Khẳng định vị trí ngân hàng số 1 Việt Nam trong lĩnh vực phát triển chủ thẻ.
	Top 10 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500).
2011	Chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.
2012	Ngân hàng thương mại có quy mô tổng tài sản lớn nhất Việt Nam.
	Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500); Doanh nghiệp tiêu biểu ASEAN; Thương hiệu nổi tiếng ASEAN; Ngân hàng có chất lượng thanh toán cao; Ngân hàng thương mại thanh toán hàng đầu Việt Nam.
2013	Kỷ niệm 25 năm ngày thành lập. Được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba về thành tích xuất sắc phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong thời kỳ Đổi mới.
2014	Thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu.
	Ngân hàng thương mại duy nhất lần thứ 5 liên tiếp thuộc Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500).
	Tổ chức xếp hạng quốc tế Fitch Ratings nâng xếp hạng tín nhiệm của Agribank lên B+.
2015	Triển khai thành công Đề án Tái cơ cấu đã được Thống đốc NHNN phê duyệt.
	Thành lập Trung tâm Vốn Agribank nhằm nâng cao tính tập trung, chuyên nghiệp và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh Vốn và Ngoại tệ.
	Ra mắt hệ thống phát hành và thanh toán thẻ CHIP theo chuẩn EMV đem lại nhiều tiện ích và an toàn hơn cho chủ thẻ Agribank.
2016	Tổng tài sản cán mốc trên 01 triệu tỷ đồng.
	Ngân hàng đứng đầu hệ thống ngân hàng theo Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, năm đầu tiên thực hiện Đề án chiến lược kinh doanh năm 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Đề án chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ giai đoạn 2016-2020, Top 20 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.
2017	Giữ vững vị trí Top 3 ngân hàng thương mại dẫn đầu thị trường thẻ.
	Top 10 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và đứng thứ 6 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất và thứ nhất trong các Ngân hàng thương mại tại Việt Nam theo bảng xếp hạng VNR500.
	Top 20 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.



<b>NĂM</b>	<b>MỐC LỊCH SỬ</b>
	Tổ chức xếp hạng quốc tế Fitch Ratings nâng mức triển vọng của Agribank từ “Ổn định” lên “Tích cực” với đánh giá xếp hạng Nhà phát hành nợ dài hạn ở mức B+.
<b>2018</b>	Kỷ niệm 30 năm thành lập.
	Được trao tặng Huân chương lao động hạng Nhất. Năm thứ 6 liên tiếp đạt Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500).
<b>2019</b>	Được tổ chức Xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody’s xếp hạng ở mức Ba3, tương đương mức tín nhiệm quốc gia; Xếp hạng thứ 142/500 Ngân hàng lớn nhất châu Á về quy mô tài sản.
	Lợi nhuận đạt mức cao kỷ lục trong 31 năm hoạt động.
<b>2020</b>	Hoàn thành thắng lợi Phương án Tái cơ cấu Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 – 2020;
	Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2277/QĐ-TTg về việc điều chỉnh mức vốn điều lệ cho Agribank tăng 3.500 tỷ đồng.
<b>2021</b>	Agribank thực hiện tăng vốn điều lệ lên 34.209.923.001.584 tỷ đồng theo Quyết định số 2277/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
	Hoàn thành và phát huy tốt “sứ mệnh kép” của ngân hàng thương mại Nhà nước hàng đầu Việt Nam, vừa phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả, vừa phát triển kinh tế- xã hội
<b>2022</b>	Được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody’s nâng hạng tiền gửi nội tệ và nhà phát hành nội tệ/ngoại tệ từ mức “Ba3” lên mức “Ba2” với triển vọng “Ổn định”
	Lợi nhuận đạt mốc gần 1 tỷ Đô la Mỹ; đi đầu trong thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vượt qua khó khăn Brand Finance xác định Agribank là thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất Việt Nam
<b>2023</b>	Đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất và Kỷ niệm 35 năm ngày thành lập. Quốc hội nhất trí chủ trương bổ sung vốn điều lệ cho Agribank 17.100 tỷ đồng (Agribank đã được cấp bổ sung vốn điều lệ 6.753 tỷ đồng theo Quyết định số 1584/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 7/12/2023)

➤ **Các giải thưởng và danh hiệu, xếp hạng tín nhiệm**

- 13 năm đạt “TOP10 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam”.
- Giải thưởng Sao Vàng đất Việt năm 2021.
- 03 năm 2018, 2020, 2022 đạt “Thương hiệu Quốc gia”.
- 03 năm liên tiếp đạt “Ngân hàng tiêu biểu vì Cộng đồng”; “Ngân hàng tiêu biểu về hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp công nghệ cao”; “Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng xanh”;





- 06 năm liên tiếp từ năm 2016 đến nay đạt 10 giải thưởng Sao Khuê do Hệ thống/phần mềm công nghệ thông tin xuất sắc trong lĩnh vực Tài chính/Ngân hàng.
- 06 năm liên tiếp từ năm 2016 đến nay thuộc Top đầu trong danh sách Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.
- Đạt 12 giải thưởng Sao Khuê từ năm 2016 đến năm 2023.
- “Ngân hàng thực hiện trách nhiệm xã hội và chương trình xanh của năm” và “Ngân hàng có giải pháp thanh toán trên điện thoại tốt nhất của năm” (phạm vi Việt Nam); “Ngân hàng bán lẻ nội địa tốt nhất năm tại Việt Nam 2020” do tổ chức Asian Banking & Finance trao tặng.
- 03 năm liên tiếp là ngân hàng xếp hạng cao nhất trong các ngân hàng Việt Nam tại bảng xếp hạng Thương hiệu ngân hàng giá trị nhất toàn cầu năm (2020, 2021, 2022) theo đánh giá của Công ty tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới Brand Finance.
- Nhiều năm liên tục nhận giải thưởng về “Tỷ lệ điện đạt chuẩn cao” do Ngân hàng Bank of New York Mellon và Citibank trao tặng.
- Ngân hàng có thứ hạng cao nhất trong số những ngân hàng Việt Nam tại bảng xếp hạng 500 ngân hàng hàng đầu khu vực Châu Á Thái Bình Dương về quy mô tài sản trong năm 2021 được tạp chí The Asian Banker công bố.
- Thương hiệu Quốc gia Việt Nam năm 2022.
- Top 10 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2022,2023 (Agribank xếp vị trí thứ 6 trong TOP 10 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam).
- Giải thưởng Doanh nghiệp Chuyển đổi số xuất sắc Việt Nam năm 2022 – Hạng mục Sản phẩm công nghệ số tiêu biểu, đồng thời Hệ thống hạ tầng thanh toán tập trung của Agribank được vinh danh tại hạng mục Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc của Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam năm 2022 do Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA) trao tặng.
- Được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody’s nâng hạng tiền gửi nội tệ và nhà phát hành nội tệ/ngoại tệ từ mức “Ba3” lên mức “Ba2” với triển vọng “Ổn định” năm 2022.
- Được vinh danh Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc và sản phẩm công nghệ số tiêu biểu năm 2022.
- Thuộc TOP10 Thương hiệu mạnh Việt Nam lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng năm 2022.
- Đạt 12 giải thưởng Sao Khuê từ năm 2016 đến năm 2023.
- 03 năm liên tiếp đạt “Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng xanh”.
- Giải thưởng Ngân hàng có mạng lưới ATM tốt nhất, dẫn đầu về chuyển đổi thẻ chip nội địa theo chuẩn VCCS do Công ty CP Thanh toán quốc gia Việt Nam (NAPAS) trao tặng. Giải thưởng Ngân hàng có tỷ lệ toàn vẹn dữ liệu cao nhất do Tổ chức thẻ quốc tế Mastercard vinh danh.
- Giải thưởng Ngân hàng dẫn đầu về tăng trưởng doanh số sử dụng thẻ ghi nợ, tăng trưởng tỷ lệ giao dịch thanh toán chạm, phát triển thẻ ghi nợ và doanh số thanh toán thẻ do các Tổ

*Handwritten signature*

*Handwritten signatures*

- chức Thẻ quốc tế trao tặng (JCB, Visa, MasterCard).
- Agribank – Ngân hàng dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng tỉ lệ giao dịch thanh toán chạm.
  - Top 10 thương hiệu mạnh ngành Ngân hàng Tài chính nhiều năm.
  - Top 10 Ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín nhiều năm.
  - Bằng khen của Thống đốc NHNN về thành tích xuất sắc trong công tác chuyển đổi số ngành Ngân hàng năm 2023.
  - Top 10 Thương hiệu Mạnh Việt Nam 2022-2023 do Tạp chí Kinh tế Việt Nam (VNEconomy) trao tặng.
  - Top 10 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam năm 2023 do Brand Finance bình chọn.
  - Top 10 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2023 theo bảng xếp hạng của VNR500.
  - Năm 2023, Agribank được Moody’s giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm ở mức Ba2, triển vọng ổn định.
  - Năm 2023, Fitch Ratings xếp hạng Agribank lần đầu ở mức BB, triển vọng tích cực và tăng lên mức BB+, bằng với trần xếp hạng quốc gia và là mức xếp hạng cao nhất trong các ngân hàng tại Việt Nam.
  - Trong 03 năm 2020, 2022 và 2023, Agribank nhận Giải thưởng “Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc” do các ngân hàng uy tín trên thế giới trao tặng (J.P Morgan, Wells Fargo, Standard Chartered Bank New York, The Bank of New York Mellon và CitiBank).
  - Giải thưởng TOP 5 Thành viên giao dịch đặc biệt do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam (VNX) trao tặng cho các thành viên giao dịch đặc biệt có thị phần giao dịch lớn nhất năm 2022.
  - Giải “Best Fixed Income Bank” dành cho ngân hàng có khối lượng giao dịch trái phiếu trên nền tảng FI Call out nhiều nhất tại Việt Nam trong năm 2022, 2023 do London Stock Exchange Group trao tặng.
- **Tầm nhìn, giá trị cốt lõi, sứ mệnh, triết lý kinh doanh**
- **Tầm nhìn** Tăng trưởng an toàn- Hiệu quả- Bền vững, đủ sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế
  - **Giá trị cốt lõi:** Trung thực, Kỷ cương, Sáng tạo, Chất lượng, Hiệu quả.
  - **Sứ mệnh:** Ngân hàng thương mại Nhà nước hàng đầu Việt Nam; giữ vai trò chủ đạo trong lĩnh vực tín dụng nông nghiệp, nông thôn.
  - **Triết lý kinh doanh:** Mang phồn thịnh đến khách hàng.

➤ **Trách nhiệm xã hội**

Là một trong các ngân hàng thương mại Nhà nước đóng vai trò chủ lực trong hệ thống ngân hàng, bên cạnh hoạt động kinh doanh, Agribank tích cực triển khai công tác hỗ trợ an ninh xã hội trên khắp cả nước, thể hiện tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, góp phần tích cực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Đảng, Nhà nước.

Hàng năm, Agribank đều dành hàng trăm tỉ đồng để thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội, tập trung vào các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, tài trợ giáo dục, y tế, giao thông nông thôn, quan tâm chia sẻ và hỗ trợ người nghèo, đồng bào vùng sâu vùng xa, dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và giảm thiểu thiệt hại thiên tai, dịch bệnh.



Năm 2022, Agribank dành nguồn kinh phí hơn 230 tỷ đồng tài trợ cho các địa phương có huyện nghèo, hỗ trợ xây dựng hơn 2.000 căn nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết cho người nghèo và đối tượng chính sách trong cả nước (tiêu biểu trao tặng 1000 căn nhà đại đoàn kết với tổng trị giá 5 tỷ đồng/tỉnh cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn). Agribank tiếp tục vận động cán bộ trong toàn hệ thống đóng góp tiền lương và sử dụng nguồn lực hoạt động kinh doanh để tiếp tục thực hiện tốt công tác từ thiện, an sinh xã hội, tập trung vào các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, tài trợ y tế giáo dục, hỗ trợ giải quyết hậu quả dịch bệnh, thiên tai... với tổng số tiền 600 tỷ đồng.

Trong năm 2023, Agribank tiếp tục phát huy công tác an sinh xã hội: hỗ trợ doanh nghiệp vùng Đồng bằng Sông Cửu Long: triển khai các chương trình ưu đãi lãi suất thấp đối với lãi suất cho vay thông thường và đối với dư nợ cho vay trung hạn hiện hữu, dự kiến tổng số tiền lãi giảm khoảng hơn 1.000 tỷ đồng; Agribank cũng đã triển khai chương trình tín dụng đối với lĩnh vực lâm, thủy sản với quy mô 3.000 tỷ đồng, lãi suất cho vay thấp hơn tối thiểu 1-2%/năm so với lãi suất cho vay bình quân cùng kỳ hạn; ủng hộ quỹ “Vì người nghèo” và an sinh xã hội thành phố Hà Nội 2 tỷ đồng; tặng trạm y tế cho xã Đắc N’Drung giá trị 05 tỷ đồng; tài trợ xây dựng 100 căn nhà đại đoàn kết cho người có công, hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo khó khăn tại các tỉnh thành; tài trợ 04 tỷ đồng xây dựng 2 công trình xã hội tại huyện Mù Cang Chải và huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái; Agribank cũng tài trợ kinh phí xây dựng 4 căn nhà tình nghĩa, trị giá 50 triệu đồng/căn cho những gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở hai huyện Duyên Hải, Cầu Ngang và tài trợ 04 tỷ đồng xây dựng trường học tại huyện Duyên Hải; Đối với các nạn nhân chất độc màu da cam trên địa bàn huyện Bình Chánh đã trao tặng sổ tiết kiệm; Đoàn công tác Agribank thăm hỏi, hỗ trợ các nạn nhân vụ cháy tại Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Với những đóng góp tích cực cho công tác an sinh xã hội trong nhiều năm qua, Agribank được các tổ chức trong nước và quốc tế ghi nhận là Ngân hàng vì cộng đồng; Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong thời kỳ đổi mới; Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và phát triển cộng đồng; Ngân hàng thực hiện tốt trách nhiệm xã hội khu vực Đông Nam Á... Hình ảnh thương hiệu gắn liền với dấu ấn “Agribank – Ngân hàng vì cộng đồng” đã lan tỏa mọi miền Tổ quốc, đến tận vùng sâu vùng xa, biên giới, hải đảo.

### 1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Đơn vị: Đồng

Năm	Số vốn tăng	Vốn sau khi tăng	Hình thức tăng	Căn cứ pháp lý
2011	118.470.000.000	21.160.111.522.375	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính



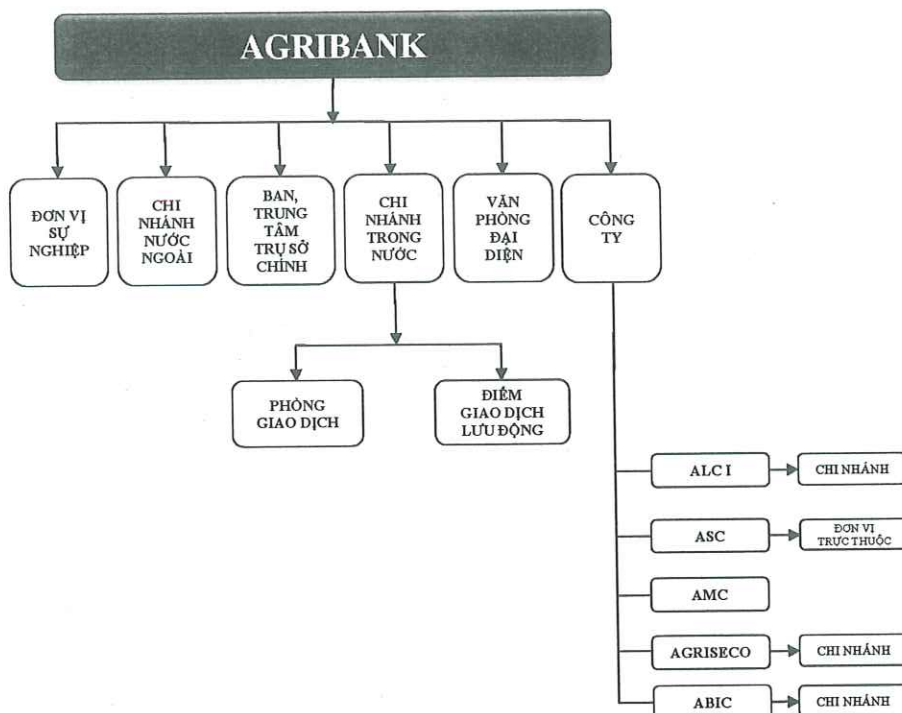
Năm	Số vốn tăng	Vốn sau khi tăng	Hình thức tăng	Căn cứ pháp lý
2012	4.700.000.000.000	25.860.111.522.375	Cấp bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định 3000/QĐ-BTC ngày 12/12/2011	Quyết định 439/QĐ – BTC ngày 2/3/2012 của Bộ Tài Chính
2012	118.470.000.000	25.978.581.522.375	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2012	100.347.057.409	26.078.928.579.784	Nguồn thu hồi nợ tồn đọng nhóm II	Quyết định số 2885/QĐ-BTC ngày 12/11/2012 của Bộ Tài Chính
2013	118.470.000.000	26.197.398.579.784	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2013	6.983.151.982	26.204.381.731.766	Tăng vốn điều lệ từ nguồn thu hồi nợ khác phục hậu quả cơn bão số 5 năm 1997 các năm 2011, 2012, 2013.	VB 791/NHNN-TCKT ngày 23/12/2008 của NHNN
2014	2.517.400.000.000	28.721.781.731.766	Cấp bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định 3000/QĐ-BTC ngày 12/12/2011	Quyết định 36/QĐ – BTC ngày 14/1/2014 của Bộ Tài Chính
2014	118.470.000.000	28.840.251.731.766	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2015	44.989.628.075	28.885.241.359.841	Nguồn thu hồi nợ tồn đọng nhóm II	Quyết định 3070/QĐ-BTC ngày 01/12/2014 (BS nợ tồn đọng nhóm 2 năm 2012, 2013) của Bộ Tài chính
2015	118.400.000.000	29.003.641.359.841	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2016	4.261.641.742	29.007.903.001.583	Tăng vốn điều lệ từ nguồn thu hồi nợ khác phục hậu quả cơn bão số 5 năm 2014, 2015.	Hạch toán theo VB 791/NHNN-TCKT ngày 23/12/2008 của NHNN
2016	118.540.000.000	29.126.443.001.583	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở KH&amp;ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 27/12/2019 (bao gồm các đợt tăng vốn năm 2011 – 2016)</li> </ul>
2017	1.109.600.000.000	30.236.043.001.583	Cấp bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định 3000/QĐ-BTC ngày 12/12/2011	Quyết định số 1264/QĐ-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính

Năm	Số vốn tăng	Vốn sau khi tăng	Hình thức tăng	Căn cứ pháp lý
2017	118.470.000.000	30.354.513.001.583	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2018	118.470.000.000	30.472.983.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2019	118.470.000.000	30.591.453.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở KH&amp;ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 22/01/2021 (bao gồm các đợt tăng vốn năm 2017 – 2019)</li> </ul>
2020	118.470.000.000	30.709.923.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính</li> <li>- Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 22/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ</li> </ul>
2021	3.500.000.000.000	34.209.923.001.584	Cấp vốn bổ sung vốn điều lệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 22/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ</li> <li>- Quyết định số 2277/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở KH&amp;ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 17/02/2021</li> </ul>
2021 (*)	118.470.000.000	34.328.393.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2022 (*)	118.470.000.000	34.446.863.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2023 (*)	68.970.000.000	34.515.833.001.584	Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt	Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính
2023	6.753.000.000.000	41.268.833.001.584	Cấp bổ sung vốn điều lệ	Quyết định số 1584/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 7/12/2023

(\*): Agribank đang hoàn thiện thủ tục thay đổi vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Kể từ khi thành lập đến nay, Agribank không có lần giảm vốn điều lệ nào.

2. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức niêm yết



(Nguồn: Agribank)

❖ Đơn vị sự nghiệp

- **Trường Đào tạo cán bộ:** Trường Đào tạo cán bộ có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT, Tổng Giám đốc về hoạt động đào tạo; trực tiếp tổ chức triển khai các hoạt động đào tạo trong hệ thống Agribank.
- **Trung tâm Công nghệ Thông tin:** Trung tâm Công nghệ Thông tin có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Tổng Giám đốc về tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống Công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật, NHNN và Agribank. Thực hiện việc nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và quản trị, vận hành, giám sát các hệ thống công nghệ thông tin của Agribank.
- **Trung tâm Thẻ:** Trung tâm Thẻ Agribank có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Tổng Giám đốc về tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống thẻ; tham gia kết nối thanh toán với các Tổ chức thẻ trong nước, quốc tế và các Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ và quản lý triển khai nghiệp vụ thẻ trong toàn hệ thống theo quy định của pháp luật, NHNN, Agribank và các Tổ chức thẻ trong nước, quốc tế mà Agribank là thành viên. Trực tiếp quản trị, giám sát, vận hành hệ thống thẻ, các chương trình phần mềm và thiết bị phần cứng liên quan đến hệ thống thẻ theo các quy định, quy trình nghiệp vụ.

*[Handwritten signatures and marks]*

❖ **Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính**

- **Ban Chính sách tín dụng:** Ban Chính sách tín dụng có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành các cơ chế chính sách, quy chế, quy trình nghiệp vụ tín dụng và triển khai các chương trình tín dụng chính sách của Chính phủ, NHNN. Thực hiện xây dựng và quản lý hạn mức cấp tín dụng đối với ngành, lĩnh vực, khách hàng, nhóm khách hàng có liên quan.
- **Ban Cổ phần hóa:** Ban Cổ phần hóa có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng kế hoạch, lộ trình cổ phần hóa Agribank; Xây dựng phương án sử dụng các tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi dự kiến chuyển giao cho Công đoàn Agribank khi cổ phần hóa; Đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, đề xuất và triển khai thực hiện công việc theo kế hoạch, lộ trình cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Triển khai các nhiệm vụ cụ thể được giao sau cổ phần hóa Agribank.
- **Ban Công nghệ:** Ban Công nghệ có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc hoạch định, xây dựng chiến lược, kế hoạch và chương trình phát triển công nghệ thông tin trong toàn hệ thống Agribank; Tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, ban hành quy chế, quy định về công nghệ thông tin; đầu mối chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện và kiểm tra, giám sát các đơn vị tại Agribank thực hiện chính sách, quy định của pháp luật, NHNN, Agribank trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
- **Ban Đầu tư:** Ban Đầu tư có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về đầu tư và quản lý vốn của Agribank đầu tư vào công ty con, doanh nghiệp khác và dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc đối tượng cơ sở ở nước ngoài (sau đây gọi là hoạt động đầu tư). Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, quy định của NHNN, Agribank trong quản lý hoạt động đầu tư.
- **Ban Định chế Tài chính:** Ban Định chế Tài chính có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng Giám đốc xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, chính sách, quy chế, quy định, quy trình quản lý hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế của Agribank. Tham mưu, đề xuất quản lý, dự báo, xây dựng và tổ chức triển khai chính sách khách hàng, phát triển sản phẩm dịch vụ đối với khách hàng là định chế tài chính và kênh phân phối cung cấp sản phẩm dịch vụ cho định chế tài chính; thiết lập, duy trì, phát triển khách hàng định chế tài chính. Tham mưu, đề xuất xây dựng quy chế, quy định, quy trình; đầu mối tiếp cận, tiếp nhận, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức quản lý nguồn vốn dự án tín dụng nước ngoài, nguồn vốn tài trợ, dự án ngân hàng phục vụ, nguồn vốn Agribank nhận ủy thác từ nước ngoài.
- **Ban Kế hoạch Chiến lược:** Ban Kế hoạch Chiến lược có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ, đề án liên quan đến chiến lược kinh doanh, công tác kế hoạch, cân đối các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh; xếp loại, xếp hạng Agribank theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước; xếp loại, xếp hạng các chi nhánh theo quy định của Agribank; công tác thống kê, dự báo kinh tế, tài chính tiền tệ. Tham mưu trong công tác xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh trung, dài hạn; kế hoạch kinh doanh hàng

*Handwritten signature*

*Handwritten signatures*

- quý, năm của toàn hệ thống Agribank.
- **Ban Khách hàng cá nhân:** Ban Khách hàng cá nhân có chức năng tham mưu giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, dự báo, xây dựng chiến lược, chính sách khách hàng đối với khách hàng cá nhân, tổ hợp tác, hộ gia đình (sau đây gọi chung là Khách hàng cá nhân). Tham mưu, đề xuất xây dựng, tổ chức triển khai, phát triển, quản lý các sản phẩm: huy động vốn, tín dụng, dịch vụ cung cấp đối với Khách hàng cá nhân; đề xuất việc phát triển các kênh phân phối để cung cấp các sản phẩm đối với Khách hàng cá nhân. Tham mưu, đề xuất trong việc thiết lập, quản lý, duy trì và phát triển Khách hàng cá nhân trong hệ thống Agribank.
  - **Ban Khách hàng doanh nghiệp:** Ban Khách hàng doanh nghiệp có chức năng tham mưu giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, dự báo, xây dựng chiến lược, chính sách khách hàng đối với khách hàng là Doanh nghiệp và Pháp nhân khác không phải là doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Khách hàng doanh nghiệp). Tham mưu, đề xuất xây dựng, tổ chức triển khai, phát triển, quản lý các sản phẩm: huy động vốn, tín dụng, dịch vụ cung cấp đối với Khách hàng doanh nghiệp; đề xuất việc phát triển các kênh phân phối để cung cấp các sản phẩm đối với Khách hàng doanh nghiệp. Tham mưu, đề xuất trong việc thiết lập, quản lý, duy trì và phát triển Khách hàng doanh nghiệp trong hệ thống Agribank.
  - **Ban Kiểm tra, giám sát nội bộ:** Ban Kiểm tra, giám sát nội bộ có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Agribank đối với các hoạt động tại các đơn vị; tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xử lý đơn thư; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm; phòng, chống khủng bố.
  - **Ban Ngân hàng số:** Ban Ngân hàng số có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc chỉ đạo, điều hành và triển khai chiến lược chuyển đổi số trong toàn hệ thống Agribank; Đề xuất và xây dựng giải pháp kỹ thuật để triển khai các sản phẩm liên quan đến ngân hàng số; Hỗ trợ các đơn vị trong quá trình chuyển đổi số.
  - **Ban Pháp chế:** Ban Pháp chế có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Tổng Giám đốc về các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Agribank. Giám sát tuân thủ việc xây dựng và ban hành văn bản trong hệ thống Agribank. Quản lý, hướng dẫn, tổ chức kiểm tra chuyên đề việc thực hiện cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban.
  - **Ban Quản lý đầu tư nội ngành:** Ban Quản lý đầu tư nội ngành có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng; đầu tư, mua sắm, thuê, cho thuê và quản lý tài sản trong hệ thống Agribank. Giám sát việc thực hiện các quy định nội bộ về lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng; đầu tư, mua sắm, thuê, cho thuê và quản lý tài sản trong hệ thống Agribank.
  - **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực có chức năng trực tiếp tổ chức quản lý dự án theo phân công của Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và Chủ đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và Chủ đầu tư về các hoạt động của mình. Tham mưu, đề xuất

*Handwritten signature*

*Handwritten signatures*

11/01/2021

HĐTV, Tổng Giám đốc trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật và của Agribank. Thực hiện một số chức năng khác theo phân công của Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và của Chủ đầu tư đúng theo quy định của pháp luật và của Agribank.

- **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Trụ sở chính Agribank:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Trụ sở chính Agribank có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc triển khai dự án đầu tư xây dựng Trụ sở chính Agribank tại Lô 23-E3 Cầu Giấy, Hà Nội; thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án theo thẩm quyền được giao và quy định của pháp luật.
- **Ban Quản lý tài sản Nợ - tài sản Có:** Ban Quản lý tài sản Nợ - tài sản Có có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc, Hội đồng ALCO, Hội đồng quản lý vốn trong công tác ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy trình nghiệp vụ liên quan đến công tác quản lý tài sản Nợ - tài sản Có và đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của Agribank; xây dựng và vận hành cơ chế điều hành vốn nội bộ. Tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong công tác phát triển hệ thống thông tin quản lý về mặt nghiệp vụ.
- **Ban Tài chính Kế toán:** Ban Tài chính kế toán có chức năng tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước về lĩnh vực tài chính kế toán, tiền tệ kho quỹ trong hệ thống Agribank. Quản lý, giám sát, kiểm tra, tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán, tiền tệ kho quỹ trong hệ thống Agribank theo quy định của Nhà nước và quy định nội bộ của Agribank. Lập, quản lý báo cáo tài chính, báo cáo kế toán, tiền tệ kho quỹ theo quy định của Nhà nước và Agribank. Quản lý, khai thác và cung cấp thông tin số liệu kế toán tài chính, tiền tệ kho quỹ của Agribank phục vụ công tác quản trị điều hành.
- **Ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng:** Ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng có chức năng tham mưu, giúp HĐTV, Tổng Giám đốc trong công tác phê duyệt các khoản cấp tín dụng vượt thẩm quyền của Chi nhánh; phê duyệt Hạn mức tín dụng đối với các Định chế tài chính. Phê duyệt các khoản cấp tín dụng theo phân cấp, ủy quyền trong từng thời kỳ.
- **Ban Thư ký tổng hợp:** Ban Thư ký tổng hợp có chức năng tham mưu, giúp Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động của Agribank. Tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phân công tổ chức triển khai thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, NHNN, các cơ quan, Bộ ngành, cấp ủy Đảng và HĐTV Agribank. Tổng hợp, theo dõi, đôn đốc các cá nhân, đơn vị thành viên Trụ sở chính thực hiện chương trình công tác và các nhiệm vụ do Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng chỉ đạo; đề xuất giám sát, kiểm tra việc tuân thủ quy định điều hành, lề lối làm việc của các cá nhân, đơn vị thành viên Trụ sở chính theo quy định.
- **Ban Tổ chức nhân sự:** Ban Tổ chức nhân sự có chức năng Tham mưu, đề xuất HĐTV, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về mô hình tổ chức, mạng lưới hoạt động, công tác nhân sự, quản lý lao động, tiền lương và các công việc có liên quan trong hệ thống Agribank; giám sát việc thực hiện các quy định nội bộ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban.

*Tr*

*Tom*

10068  
GÂN  
NG  
PHÁ  
ÔNG  
VIỆT  
NH

★  
D

- **Ban Truyền thông:** Ban Truyền thông có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về công tác truyền thông và quan hệ công chúng; phát triển thương hiệu và marketing; quản lý và phát triển văn hóa doanh nghiệp, thực hiện công tác truyền thông nội bộ trong toàn hệ thống Agribank; Phối hợp tổ chức tập huấn và đào tạo theo chuyên đề, giải đáp các vướng mắc, các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ban.
- **Ban Thi đua Khen thưởng:** Ban Thi đua – Khen thưởng có chức năng tham mưu HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về lĩnh vực thi đua, khen thưởng trong hệ thống Agribank. Tham mưu HĐQT, Tổng Giám đốc trong quản lý, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các quy định nội bộ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban.
- **Trung tâm Phòng, chống rửa tiền Agribank:** Trung tâm Phòng, chống rửa tiền Agribank có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong hệ thống Agribank; tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
- **Trung tâm Chăm sóc khách hàng:** Trung tâm Chăm sóc khách hàng có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong lĩnh vực chăm sóc, hỗ trợ khách hàng theo quy định của pháp luật và của Agribank. Tham mưu, đề xuất xây dựng, tổ chức triển khai, thực hiện công tác chăm sóc, hỗ trợ khách hàng của Agribank; tham gia nghiên cứu, khảo sát thị trường, giới thiệu, tư vấn, quảng bá các sản phẩm dịch vụ, chương trình khuyến mại, marketing của Agribank thông qua các kênh của Trung tâm.
- **Trung tâm Dịch vụ thanh toán và Kiều hối:** Trung tâm Dịch vụ thanh toán và Kiều hối có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành quy định nội bộ về lĩnh vực thanh toán trong nước, kiều hối, chuyển tiền ngoại tệ cá nhân ra nước ngoài theo quy định của Agribank, NHNN và pháp luật; Tổ chức quản lý, phát triển, triển khai sản phẩm dịch vụ thanh toán trong nước, kiều hối, chuyển tiền ngoại tệ cá nhân ra nước ngoài của Agribank.
- **Trung tâm Kinh doanh Vốn và Tiền tệ:** Trung tâm Kinh doanh Vốn và Tiền tệ có chức năng Tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc về chiến lược, chính sách, quy định, quy trình trong hoạt động kinh doanh vốn, ngoại tệ và phái sinh của Agribank. Trực tiếp kinh doanh vốn, ngoại tệ và phái sinh trên thị trường liên ngân hàng trong nước và quốc tế thuộc Sở kinh doanh theo quy định của pháp luật và Agribank. Thực hiện giao dịch các sản phẩm kinh doanh vốn, ngoại tệ và phái sinh cho Sở ngân hàng theo quy định.
- **Trung tâm Lưu trữ:** Trung tâm Lưu trữ có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về lĩnh vực lưu trữ trong hệ thống Agribank. Tổ chức tiếp nhận, lưu trữ, quản lý, khai thác và sử dụng các tài liệu lưu trữ của Trụ sở chính Agribank; quản lý, vận hành kho lưu trữ tập trung theo quy định.
- **Trung tâm Ngân quỹ Miền Bắc:** Trung tâm Ngân quỹ Miền Bắc có chức năng quản lý

*Qu*

*Sam R*

312  
HÀ  
IGI  
T  
TH  
NA  
TP

tiền mặt, kho tiền của Agribank tại Trung tâm theo quy định của NHNN và Agribank; Điều hòa tiền mặt VND cho các chi nhánh, phòng giao dịch, ATM trên địa bàn Thành phố Hà Nội và địa bàn được giao (gọi chung là địa bàn hoạt động); Tổ chức thu, chi tiền mặt; kiểm đếm, phân loại, thùng/hòm niêm phong cho các đơn vị thuộc hệ thống Agribank trên địa bàn hoạt động theo lộ trình phê duyệt của HĐQT.

- **Trung tâm Phê duyệt tín dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh:** Trung tâm Phê duyệt tín dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác phê duyệt cấp tín dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Thực hiện thẩm quyền phê duyệt các khoản cấp tín dụng áp dụng cho Trung tâm phê duyệt tín dụng khu vực theo quy định của HĐQT từng thời kỳ; Chấp thuận chủ trương trước khi triển khai quy trình cấp tín dụng đối với các trường hợp phải trình chủ trương thuộc thẩm quyền của Trung tâm.
- **Trung tâm Quản lý nợ có vấn đề:** Trung tâm Quản lý nợ có vấn đề có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong quản lý, xử lý các khoản cấp tín dụng có vấn đề (nợ nhóm 2 đến nợ nhóm 5, nợ xử lý rủi ro và các khoản nợ khác của Agribank trong từng thời kỳ). Tham mưu, đề xuất Hội đồng xử lý rủi ro Trụ sở chính trong việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng của Agribank.
- **Trung tâm Quản lý rủi ro phi tín dụng:** Trung tâm Quản lý rủi ro phi tín dụng có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý rủi ro phi tín dụng, bao gồm: Rủi ro thị trường, rủi ro tập trung đối với hoạt động giao dịch tự doanh, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản và rủi ro hoạt động; thực hiện đo lường, theo dõi và báo cáo về quản lý rủi ro (QLRR) phi tín dụng. Tham mưu, đề xuất Hội đồng rủi ro trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ về QLRR phi tín dụng theo quy định.
- **Trung tâm Quản lý rủi ro tín dụng:** Trung tâm Quản lý rủi ro tín dụng có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý rủi ro (QLRR) tín dụng; quản lý rủi ro tập trung trong hoạt động cấp tín dụng (QLRR tập trung tín dụng); thực hiện đo lường, theo dõi và báo cáo về QLRR tín dụng, QLRR tập trung tín dụng. Tham mưu, đề xuất Hội đồng xử lý rủi ro Trụ sở chính và các Hội đồng khác có liên quan trong việc theo dõi, giám sát phân loại, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng và đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp của Agribank. Tham mưu, đề xuất Hội đồng rủi ro trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ về QLRR tín dụng, QLRR tập trung tín dụng theo quy định.
- **Trung tâm Tài trợ thương mại:** Trung tâm Tài trợ thương mại có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai các cơ chế, quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ, chiến lược, chính sách phát triển hoạt động thanh toán, chuyển tiền quốc tế (bao gồm hoạt động thanh toán biên giới) và tài trợ thương mại đối với khách hàng là Doanh nghiệp và Pháp nhân khác không phải là doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Khách hàng doanh nghiệp). Thực hiện tác nghiệp tập trung nghiệp vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại tại Agribank đối với Khách hàng doanh nghiệp.
- **Trung tâm Thanh toán:** Trung tâm Thanh toán Agribank có chức năng tham mưu, đề

*Trm*

*Trm* *2* *26*

4-C.T.  
NG  
HIỆP  
RIỂN  
ÔN  
W  
HA N

P.  
C  
C  
H  
A  
C



xuất HĐQT, Tổng Giám đốc về tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống thanh toán nội bộ, tham gia thanh toán với các tổ chức thanh toán trong nước và quốc tế; Trực tiếp quản lý, giám sát về nghiệp vụ, vận hành các hệ thống/chương trình thanh toán tại Trụ sở chính theo các quy định, quy trình nghiệp vụ; Thực hiện nghiệp vụ hạch toán kế toán thuộc cân đối Trụ sở chính.

- **Văn phòng Trụ sở chính:** Văn phòng Trụ sở chính có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng giám đốc trong lĩnh vực hành chính, lễ tân, quản trị tại Trụ sở chính; kiểm soát thủ tục hành chính, quản lý công tác kế hoạch tài chính, tài sản và tổ chức thực hiện công tác hành chính, quản trị, lễ tân, quảng cáo đối với các hoạt động của Trụ sở.

❖ **Văn phòng đại diện**

- **Văn phòng Đại diện Khu vực Miền Nam:** Thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền cho lợi ích của Agribank và bảo vệ các lợi ích đó tại các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh và TP Hồ Chí Minh.
- **Văn phòng Đại diện Khu vực Miền Trung:** Thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền cho lợi ích của Agribank và bảo vệ các lợi ích đó tại các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum và TP Đà Nẵng.
- **Văn phòng Đại diện Khu vực Tây Nam Bộ:** Thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền cho lợi ích của Agribank và bảo vệ các lợi ích đó tại các tỉnh: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, An Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và TP Cần Thơ.

❖ **Chi nhánh loại I:** Chi nhánh loại I là chi nhánh chịu sự quản lý, điều hành của Agribank .

❖ **Chi nhánh loại II:** Chi nhánh loại II là chi nhánh chịu sự quản lý, điều hành của chi nhánh loại I theo phân cấp, ủy quyền của Agribank.

❖ **Phòng giao dịch:** Phòng giao dịch là đơn vị phụ thuộc, do một Chi nhánh loại I hoặc loại II trực tiếp quản lý, thực hiện một số lĩnh vực, nghiệp vụ kinh doanh theo quy định của pháp luật, NHNN và Agribank.

❖ **Công ty con và Chi nhánh ở nước ngoài:** Công ty con và Chi nhánh ở nước ngoài hoạt động theo Điều lệ (Công ty con hoạt động theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty con, chi nhánh nước ngoài hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh nước ngoài).

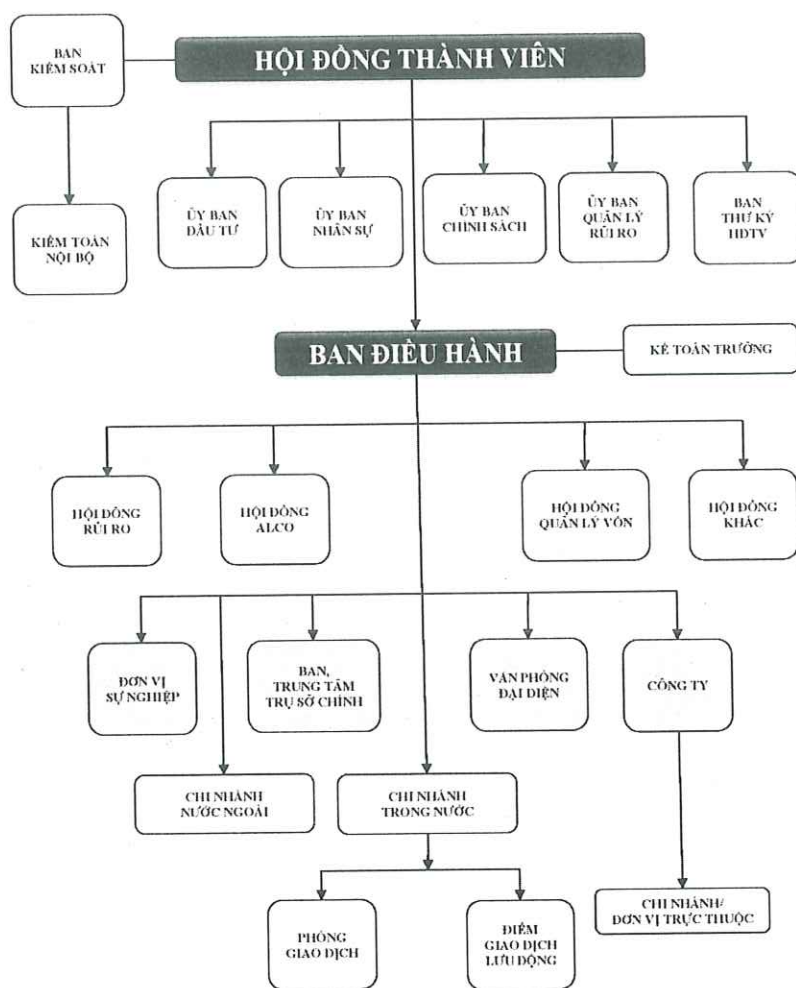
❖ **Điểm giao dịch lưu động:** Là bộ phận thuộc cơ cấu tổ chức hoạt động của một chi nhánh Agribank, được sử dụng con dấu và tư cách pháp lý của chi nhánh trực tiếp quản lý để thực hiện một số lĩnh vực, nghiệp vụ kinh doanh theo quy định của pháp luật, NHNN và Agribank.

*Trd*

*Tom R*



3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức niêm yết



(Nguồn : Agribank)

❖ Hội đồng thành viên

- Hội đồng thành viên gồm tất cả người đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu Agribank NHNN, nhân danh Chủ sở hữu Agribank tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ sở hữu Agribank theo quy định; là cơ quan quản trị Agribank, có toàn quyền nhân danh Agribank để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Agribank.
- HĐQT bao gồm tất cả các thành viên có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp HĐQT định kỳ, họp HĐQT bất thường hoặc thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
- HĐQT có nhiệm vụ xác định, quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh và các chính sách, quy chế hoạt động, cơ cấu tổ chức... của Agribank và các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Agribank.
- Các thành viên HĐQT bao gồm:

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Đức Ân	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Toàn Vượng	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên HĐQT
Ông Trần Văn Dũng	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Tuyết Dương	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thảo	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Minh Phương	Thành viên HĐQT
Ông Lê Xuân Trung	Thành viên HĐQT
Bà Từ Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Đức Tuấn	Thành viên HĐQT

❖ Các ủy ban giúp việc của Hội đồng thành viên bao gồm:

- Ủy ban Đầu tư: Ủy ban Đầu tư có chức năng tham mưu, giúp HĐQT trong hoạt động đầu tư nội ngành và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- Ủy ban Nhân sự: Ủy ban Nhân sự có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Chủ tịch HĐQT trong lĩnh vực tổ chức, nhân sự, tiền lương và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- Ủy ban Chính sách: Ủy ban Chính sách có chức năng tham mưu, giúp HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Agribank; xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- Ủy ban Quản lý rủi ro: Ủy ban Quản lý rủi ro có chức năng tham mưu, giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến quản lý rủi ro và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- Ban Thư ký Hội đồng thành viên: Ban Thư ký HĐQT có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Chủ tịch HĐQT giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank; theo dõi, đôn đốc các cá nhân, đơn vị thực hiện nhiệm vụ do HĐQT, Chủ tịch HĐQT chỉ đạo.

❖ Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Chủ sở hữu, HĐQT.
- Thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Trọng Dương	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Bùi Hồng Quảng	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Thành viên Ban kiểm soát

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*

❖ **Kiểm toán nội bộ**

- Kiểm toán nội bộ là việc thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; Đánh giá độc lập về tính thích hợp và tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong hệ thống Agribank; Đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Agribank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
- Bộ phận Kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban kiểm soát, thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ (tuyến bảo vệ thứ ba trong Hệ thống kiểm soát nội bộ của Agribank).

❖ **Ban Điều hành, Kế toán trưởng**

- Ban điều hành chịu trách nhiệm quản lý, điều hành công việc hàng ngày của Agribank theo Điều lệ của Agribank. Ban Điều hành chịu sự giám sát của HĐQT, Ban Kiểm soát.
- Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng bao gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Phạm Toàn Vượng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phùng Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Dự	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Ngọc Lưu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Văn Hưng Quang	Kế toán trưởng

❖ **Các hội đồng giúp việc của Ban điều hành**

- **Hội đồng Rủi ro:** Hội đồng Rủi ro có chức năng tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc trong việc giám sát các cá nhân, đơn vị trong việc triển khai thực hiện quản lý rủi ro của Agribank.
- **Hội đồng ALCO:** Hội đồng ALCO có chức năng tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc giám sát các cá nhân, đơn vị trong việc quản lý Tài sản/Nợ phải trả của Agribank.
- **Hội đồng Quản lý vốn:** Hội đồng Quản lý vốn có chức năng tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc giám sát, chỉ đạo các cá nhân, đơn vị trong việc thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của Agribank.
- **Các Hội đồng khác:** Các Hội đồng khác được thành lập và tổ chức hoạt động theo quyết định của các cấp có thẩm quyền, có chức năng tham mưu, đề xuất trong việc giám sát, điều hành các hoạt động khác của Agribank.

*Em*  
*Em* *R* *th*

- ❖ Đơn vị sự nghiệp: Như trình bày tại Mục 2 Phần IV.
- ❖ Hệ thống Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính: Như trình bày tại Mục 2 Phần IV.
- ❖ Văn phòng đại diện: Như trình bày tại Mục 2 Phần IV.
- ❖ Chi nhánh, Phòng giao dịch: Như trình bày tại Mục 2 Phần IV.
- ❖ Công ty con và Chi nhánh nước ngoài: Như trình bày tại Mục 2 Phần IV.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông sáng lập

Không có.

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 31/03/2024

STT	Tên cổ đông	GCNĐKDN/ Mã số giao dịch	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15/SL	49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	3.444.686.300	100%

(Nguồn: Agribank)

4.3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/03/2024

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>3.444.686.300</b>	<b>100</b>
<b>1</b>	<b>Cá nhân</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Trong đó:		
A	Trong nước	0	0
B	Ngoài nước	0	0
<b>2</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>3.444.686.300</b>	<b>100</b>
	Trong đó:		
A	Trong nước	3.444.686.300	100
B	Ngoài nước	0	0
<b>II</b>	<b>Cổ phiếu ưu đãi</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.444.686.300</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Agribank)

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*

5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

5.1. Công ty mẹ, tổ chức nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Agribank

Agribank hiện có 01 cơ quan nắm quyền kiểm soát là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cụ thể như sau:

- Tên: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)
- Địa chỉ: số 49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Ngân hàng nhà nước Việt Nam tiền thân là Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, được thành lập ngày 06/05/1951 theo sắc lệnh số 15/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 26/10/1961, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chính:
  - NHNN là cơ quan ngang bộ của Chính phủ và là Ngân hàng trung ương của Việt Nam, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng Ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các TCTD và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.
  - Hoạt động của NHNN là nhằm ổn định giá trị đồng tiền; bảo đảm sự an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các TCTD; bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- Vốn điều lệ: Không có, vì NHNN là cơ quan quản lý Nhà nước.
- Tỷ lệ vốn nắm giữ của NHNN tại Agribank (tại thời điểm 30/11/2023) là 100% vốn điều lệ.

5.2. Danh sách công ty con, công ty Agribank nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối tại ngày 31/03/2024

1	<p><b>Công ty Cho thuê Tài chính I Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("ALCI")</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trụ sở chính: 4 Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.</li> <li>• Ngày thành lập: 14/07/1998.</li> <li>• Giấy phép thành lập và hoạt động: 238/1998/QĐ-NHNN 14 tháng 7 năm 1998 do Thống đốc NHNN Việt Nam cấp.</li> <li>• Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế doanh nghiệp nhà nước: 0100780297 (số đăng ký kinh doanh cũ: 0106000597) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/12/2005, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 06/12/2019.</li> <li>• Hoạt động kinh doanh chính: Cho thuê tài chính.</li> <li>• Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 100%.</li> </ul>
---	---

<b>2</b>	<b>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam (“Công ty Dịch vụ”)</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trụ sở chính: Số 10 Chùa Bộc, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.</li> <li>• Ngày thành lập: 15/04/2011.</li> <li>• Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động: 0101452242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/04/2011, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 29/9/2022.</li> <li>• Hoạt động kinh doanh chính: In thương mại, quảng cáo thiết kế thi công các công trình xây dựng cơ bản, đào tạo và cung cấp các dịch vụ ngân quỹ cho Ngân hàng.</li> <li>• Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 100%.</li> </ul>
<b>3</b>	<b>Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Agribank (“Agribank AMC”)</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trụ sở chính: Tầng 8, tầng 9, số nhà 135 đường Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.</li> <li>• Ngày thành lập: 25/03/2013.</li> <li>• Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động: 0106134589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/03/2013, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 04/04/2023</li> <li>• Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý và khai thác tài sản.</li> <li>• Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 100%.</li> </ul>
<b>4</b>	<b>CTCP Chứng khoán Agribank (“Agriseco”)</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, Số 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.</li> <li>• Ngày thành lập: 04/05/2001.</li> <li>• Giấy phép hoạt động: 08/GPHĐKD ngày 04/5/2001 và giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK ngày 31/01/2024 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.</li> <li>• Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0101150107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/05/2001, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 21/02/2024.</li> <li>• Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh chứng khoán.</li> <li>• Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 74,92%.</li> </ul>
<b>5</b>	<b>CTCP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (“ABIC”)</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trụ sở chính: Tầng 6 – Toà nhà 29T1, Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.</li> <li>• Ngày thành lập: 18/10/2006.</li> <li>• Giấy chứng nhận đăng ký hoặc giấy phép hoạt động: 38/GP/KDBH ngày 18 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC8/KDBH ngày 30 tháng 12 năm 2022 do Bộ Tài chính cấp.</li> <li>• Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ bảo hiểm, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính.</li> <li>• Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 52,08%.</li> </ul>

(Nguồn: Agribank)

### 5.3. Danh sách công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Agribank

Agribank là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là đơn vị đại diện vốn chủ sở hữu tại Agribank.

**6. Hoạt động kinh doanh**
**6.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Agribank**
**6.1.1. Chủng loại và chất lượng sản phẩm/dịch vụ**
**Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng cá nhân**
**a) Tiền gửi**
***Tiền gửi không kỳ hạn***

- *Tiền gửi thanh toán* là sản phẩm tiền gửi mà theo đó khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để thực hiện các dịch vụ chuyển khoản, thanh toán và sử dụng các dịch vụ tiện ích gia tăng khác của Agribank, bao gồm: dịch vụ thu ngân sách Nhà nước, dịch vụ thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, học phí, viễn thông...; dịch vụ nhò thu tự động, kết nối quản lý tài khoản và thanh toán chứng khoán, chuyển và nhận tiền kiều hối; chuyển nhận tiền nhiều nơi, gửi rút tiền nhiều nơi; chuyển, nhận tiền trong nước và quốc tế cho khách hàng cá nhân không cần tài khoản; chuyển nhận tiền, thanh toán không dùng tiền mặt; thấu chi tài khoản; phát hành thẻ; đăng ký sử dụng dịch vụ khác: Mobile banking, eBanking,... Trong năm 2021, Agribank chính thức triển khai dịch vụ đăng ký mở tài khoản thanh toán trực tuyến bằng phương thức điện tử (eKYC) trên ứng dụng Agribank E Mobile Banking. Agribank triển khai chính thức dịch vụ đăng ký mở tài khoản thanh toán trực tiếp bằng phương thức điện tử (eKYC) trên Kiosk Ngân hàng số (Agribank Digital) từ năm 2022.
- *Tiết kiệm không kỳ hạn* là hình thức gửi tiền tiết kiệm mà khách hàng có thể rút tiền theo yêu cầu mà không cần báo trước vào bất kỳ ngày làm việc nào của Agribank và gửi thêm tiền không giới hạn số lần gửi tại bất kỳ thời điểm nào dưới nhiều hình thức: trực tiếp tại quầy, chuyển khoản tại quầy, qua Mobile Banking, ATM, eBanking, ủy quyền cho Agribank trích tiền từ tài khoản tiền gửi thanh toán. Khách hàng được rút tiền không giới hạn tại bất cứ Đơn vị giao dịch tiết kiệm nào; Sử dụng tài khoản tiết kiệm không kỳ hạn để chuyển khoản thanh toán; Dịch vụ thông tin tài khoản qua Mobile Banking.
- *Tiền gửi linh hoạt* là tiền gửi không kỳ hạn, trong đó khách hàng gửi tiền vào tài khoản và rút tiền một cách linh hoạt dưới nhiều hình thức; áp dụng lãi suất thả nổi bậc thang lũy tiến theo số dư bình quân tháng trên tài khoản tiền gửi linh hoạt, không vượt trần lãi suất huy động của NHNN từng thời kỳ và được niêm yết công khai tại các Điểm giao dịch.

***Tiền gửi có kỳ hạn***

- *Tiết kiệm có kỳ hạn*: Là sản phẩm tiết kiệm có kỳ hạn cho khách hàng cá nhân với đa dạng kỳ hạn gửi, kỳ hạn lĩnh lãi (như tiết kiệm có kỳ hạn trả lãi sau toàn bộ, trả lãi sau định kỳ, trả lãi trước toàn bộ, trả lãi trước định kỳ) và các tiện ích kèm theo như: giao dịch tại bất kỳ chi nhánh/phòng giao dịch của Agribank; được chuyển quyền sở hữu khi sổ tiết kiệm chưa đến hạn thanh toán; được bảo hiểm theo quy định của bảo hiểm tiền gửi, bảo mật số dư tiền gửi; được sử dụng số dư để cầm cố vay vốn, chứng minh tài chính, được lựa chọn phương thức thanh toán lãi, được tham gia các chương trình dự thưởng của Agribank, dịch vụ tài khoản qua Mobile Banking, eBanking...




010  
 NG  
 VỐP  
 Á F  
 NÒ  
 VI  
 ĐIA

010  
 NG  
 VỐP  
 Á F  
 NÒ  
 VI  
 ĐIA



- *Tiết kiệm có kỳ hạn lãi suất thả nổi*: Là sản phẩm tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn lãi suất được tự động điều chỉnh phù hợp với lãi suất thị trường và theo quy định của Agribank theo từng thời kỳ. Theo đó khách hàng có thể yên tâm gửi tiền khi có biến động về lãi suất trên thị trường. Các tiện ích khác tương tự với sản phẩm *tiết kiệm có kỳ hạn*.
- *Tiết kiệm linh hoạt*: Là sản phẩm huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, theo đó trong kỳ hạn gửi, khách hàng có thể rút trước hạn một phần hoặc toàn bộ tiền gốc. Phần tiền gửi rút trước hạn khách hàng được hưởng lãi suất không kỳ hạn. Số tiền gốc còn lại khách hàng được hưởng nguyên lãi suất khi gửi tiền.
- *Tiết kiệm gửi góp theo định kỳ*: là hình thức gửi tiền tiết kiệm tích lũy có kỳ hạn với tổng số tiền tích lũy cố định, theo đó khách hàng gửi tiền nhiều định kỳ (theo tháng) một số tiền cố định vào tài khoản tiết kiệm gửi góp dưới nhiều hình thức: trực tiếp tại quầy giao dịch, chuyển khoản từ tài khoản khác, Mobile Banking, eBanking, ATM, ủy quyền cho Ngân hàng trích tiền từ tài khoản tiền gửi thanh toán và rút tiền một lần khi đến hạn. Khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để xác nhận khả năng tài chính và được bảo hiểm theo quy định của Bảo hiểm tiền gửi; Bảo mật số dư và thông tin tài khoản.
- *Tiết kiệm gửi góp không theo định kỳ*: Là hình thức gửi tiền tích lũy, theo đó trong kỳ hạn đăng ký gửi khách hàng có thể chủ động gửi tiền thành nhiều lần không theo định kỳ, với số tiền gửi mỗi lần không cố định, khách hàng rút gốc và lãi một lần khi đến hạn. Các tiện ích khác tương tự với sản phẩm *tiết kiệm gửi góp theo định kỳ*.
- *Các sản phẩm tiền gửi được thiết kế cho từng nhóm đối tượng khách hàng đặc thù*: Ngoài các sản phẩm nêu trên, Agribank còn có các sản phẩm được thiết kế để phù hợp với từng nhóm đối tượng khách hàng như *Tiết kiệm An sinh*, *Tiết kiệm Học đường*, *Tiết kiệm Hưu trí* để giúp khách hàng đạt được các kế hoạch tài chính cụ thể như tích lũy tài chính, đáp ứng nhu cầu học tập, cuộc sống khi về hưu; sản phẩm *Tiết kiệm Tích lũy Kiềm hời* hướng đến khách hàng là các đối tượng đi lao động, học tập và làm việc tại nước ngoài có nhu cầu tích lũy tiền lương chuyển về Việt Nam để gửi tiết kiệm cho chính khách hàng hoặc người thân.
- *Tiền gửi có kỳ hạn*: Agribank cung cấp đa dạng kỳ hạn gửi và định kỳ trả lãi (Tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau định kỳ; Tiền gửi có kỳ hạn trả lãi trước toàn bộ; Tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau toàn bộ)

**Tiền gửi trực tuyến**: ngoài các kênh giao dịch truyền thống, Agribank cung cấp sản phẩm tiền gửi trên các kênh ngân hàng số như Agribank E Mobile Banking, eBanking, CDM.

**Giấy tờ có giá gồm**: Kỳ phiếu, Tín phiếu, Trái Phiếu, Chứng chỉ tiền gửi được Agribank phát hành trong từng thời kỳ với kỳ hạn đa dạng và lãi suất hấp dẫn.

#### b) Tín dụng

Các sản phẩm cho vay do Agribank cung cấp rất đa dạng, phong phú đặc biệt đối với các khách hàng cá nhân vay vốn tiêu dùng, đời sống và sản xuất kinh doanh cụ thể:

- *Cho vay tiêu dùng*: Là giải pháp tài chính đối với các khách hàng cá nhân có nhu cầu vay vốn để đáp ứng nhu cầu chi tiêu cá nhân, phục vụ nhu cầu đời sống như: Cho vay mua sắm hàng tiêu dùng vật dụng gia đình; cho vay xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mua nhà ở đối với dân cư; cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài; cho vay cầm cố giấy tờ có giá; cho vay mua phương tiện đi lại; cho vay tiêu dùng đối với khách hàng

*[Handwritten signatures and marks]*

cá nhân, hộ gia đình nhằm hạn chế tín dụng đen. Agribank không ngừng phát triển thêm nhiều sản phẩm, chương trình ưu đãi dành riêng cho đối tượng khách hàng cá nhân, đáp ứng nhu cầu vay tiêu dùng cho khách hàng.

- *Cho vay sản xuất kinh doanh*: Là giải pháp tài chính đáp ứng nhu cầu đối với khách hàng cá nhân và hộ gia đình phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với các nhu cầu đa dạng như: Bán buôn, bán lẻ, xuất nhập khẩu; hàng không, vận tải kho bãi, du lịch, giáo dục và đào tạo, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, công nghệ chế biến chế tạo; hoạt động sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, chuỗi cung ứng hàng hóa, sản xuất, mua bán nguyên vật liệu, đầu tư máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp... Là Ngân hàng phục vụ đối tượng khách hàng đa dạng từ thành thị đến nông thôn do đó các sản phẩm Agribank đưa ra đều phù hợp cả về phương thức vay và Chương trình cho vay.
  - *Chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác*: Agribank mua công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác từ người thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán. Công cụ chuyển nhượng bao gồm Hối phiếu đòi nợ; Hối phiếu nhận nợ; Séc; Các loại công cụ chuyển nhượng khác theo quy định của pháp luật. Các giấy tờ có giá khác bao gồm Tín phiếu NHNN; Trái Phiếu Chính phủ; Trái Phiếu được Chính phủ bảo lãnh; Trái Phiếu Chính quyền địa phương được NHNN cho phép tham gia thị trường mở; Kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, Trái Phiếu, sổ tiết kiệm do Agribank phát hành theo quy định của NHNN; Kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, Trái Phiếu do tổ chức khác phát hành và được chiết khấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
  - *Bảo lãnh*: Agribank cung cấp các loại hình bảo lãnh đa dạng như: Bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh đối ứng, xác nhận bảo lãnh, bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm, đồng bảo lãnh và các bảo lãnh khác theo yêu cầu của khách hàng.
- c) **Dịch vụ thanh toán**: Agribank cung cấp các dịch vụ thanh toán đa dạng, đáp ứng tối ưu mọi nhu cầu thanh toán và quản lý dòng tiền của khách hàng cá nhân. Theo đó khách hàng cá nhân có thể thực hiện các dịch vụ: Thanh toán, chuyển tiền, Nộp ngân sách Nhà nước, thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, học phí, viễn thông...; dịch vụ nhờ thu tự động, Séc, nhờ thu, kết nối quản lý tài khoản và thanh toán chứng khoán, chuyển và nhận tiền kiều hối; chuyển nhận tiền nhiều nơi, gửi rút tiền nhiều nơi; chuyển, nhận tiền trong nước và quốc tế... Khách hàng có thể thực hiện các giao dịch thanh toán qua các kênh giao dịch khác nhau của Agribank (tại quầy, Điểm giao dịch lưu động, Mobile banking, Internet banking, ATM, CDM, POS).

Agribank liên tục mở rộng, gia tăng tiện ích dịch vụ và số hóa các giao dịch cho khách hàng cá nhân thông qua liên kết trực tuyến với các fintech, sàn thương mại điện tử, ví điện tử, trung gian thanh toán... ; Triển khai các giải pháp thanh toán hỗ trợ lĩnh vực nông nghiệp nông thôn như ứng dụng QR code cho Chợ dân sinh không dùng tiền mặt,...

Năm 2023, đối với lĩnh vực y tế, giáo dục, Agribank đã triển khai kết nối thêm với 3.353 trường học và bệnh viện, triển khai dịch vụ thanh toán với tổng giá trị thanh toán trên 4,83 nghìn tỷ đồng. Đối với lĩnh vực ngoài y tế, giáo dục, triển khai kết nối mới với 25 đối tác,

*Handwritten signature*

*Handwritten signature and initials*

174  
HÀN  
IGHI  
TR  
TH  
NAM  
TP.

IG  
PI  
: K  
: B

thực hiện thanh toán cho hơn 51,83 triệu giao dịch với tổng giá trị gần 65,4 nghìn tỷ đồng).

#### d) Dịch vụ ngân hàng điện tử

Dịch vụ ngân hàng điện tử là dịch vụ ngân hàng Agribank cung cấp cho khách hàng cá nhân, theo đó khách hàng cá nhân có thể thực hiện thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm:

- *Dịch vụ Mobile Banking*, bao gồm:
  - + *Dịch vụ Agribank E-Mobile Banking*: Là dịch vụ do Agribank cung cấp, cho phép khách hàng thực hiện giao dịch với Agribank thông qua ứng dụng Agribank E-Mobile Banking được cài đặt trên các thiết bị di động có kết nối GPRS/3G/4G/Wifi... Theo đó, khách hàng có thể thực hiện giao dịch với hạn mức giao dịch cao, an toàn, phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng như: Chuyển khoản, Gửi tiền trực tuyến, thanh toán hóa đơn, thanh toán Qrpay, đặt vé máy bay, vé tàu, vé xe, đặt phòng khách sạn, check in vé máy bay, đặt hoa, mua vé xem phim, mua sắm trực tuyến, dịch vụ dành cho khách hàng VIP,...
  - + *Dịch vụ SMS Banking*: Dịch vụ do Agribank cung cấp, cho phép khách hàng thực hiện giao dịch với Agribank thông qua tin nhắn điện thoại di động hoặc thiết bị có chức năng nhắn tin khác. Khách hàng có thể cập nhật tức thì biến động số dư tài khoản tiền gửi, nhắc nợ tiền vay...
  - + *Dịch vụ BankPlus của Viettel tại Agribank*: Dịch vụ cho phép khách hàng thực hiện chuyển tiền vào tài khoản khách hàng tại Agribank, thanh toán hóa đơn, nạp tiền cho thuê bao Viettel.
  - + *Dịch vụ liên kết ví điện tử*: cho phép khách hàng có tài khoản/thẻ ghi nợ nội địa tại Agribank thông qua ứng dụng tích hợp trên Ví điện tử có thể nạp tiền vào tài khoản Ví điện tử từ tài khoản thanh toán/ tài khoản liên kết thẻ tại Agribank để thanh toán hàng hóa, dịch vụ trên ứng dụng Ví điện tử hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ trên ứng dụng ví điện tử trực tiếp bằng thẻ ghi nợ nội địa đã liên kết. Ngoài ra khách hàng có thể rút tiền từ tài khoản Ví điện tử về tài khoản thanh toán/ thẻ của chính khách hàng tại Agribank.
- *Dịch vụ Agribank eBanking*: Là dịch vụ ngân hàng điện tử do Agribank cung cấp cho khách hàng thông qua hệ thống Agribank eBanking, bao gồm các kênh sau:
  - + Qua website tại địa chỉ <https://ebanking.agribank.com.vn>; và/hoặc
  - + Qua ứng dụng *Agribank Retail eBanking* dành cho khách hàng cá nhân được cài đặt trên điện thoại thông minh/máy tính bảng.
- *Dịch vụ Ngân hàng số trong lĩnh vực thẻ (Agribank Digital)*: Là mô hình ngân hàng tự động 24/7, bao gồm thiết bị phần cứng và giải pháp phần mềm, có chức năng định danh, nhận diện khách hàng bằng công nghệ sinh trắc học để được thực hiện các dịch vụ theo quy định của Agribank.

C.T.T.P  
S  
P  
N  
Y  
A  
N

T  
A  
/C  
/

e) Thẻ

Agribank cung cấp đa dạng các loại thẻ và dịch vụ thẻ cho khách hàng cá nhân, các sản phẩm thẻ hiện nay của Agribank cung cấp cho khách hàng cá nhân bao gồm:

- *Thẻ ghi nợ nội địa*: Là thẻ ghi nợ do Agribank phát hành cho chủ thẻ để thực hiện giao dịch trong phạm vi số tiền và/hoặc hạn mức thấu chi (nếu có) trên tài khoản thanh toán của chủ thẻ mở tại Agribank. Thẻ ghi nợ nội địa có thể thực hiện giao dịch thẻ trong lãnh thổ Việt Nam và ngoài lãnh thổ Việt Nam trong trường hợp giao dịch tại Tổ chức thanh toán thẻ nước ngoài kết nối qua NAPAS. Thẻ ghi nợ nội địa kết nối thanh toán với trung gian thanh toán Ví điện tử để thực hiện các dịch vụ liên kết, nạp rút Ví và thanh toán hàng hóa dịch vụ bằng thẻ đã liên kết. Thẻ ghi nợ có thể sử dụng ứng dụng SamsungPay được cài đặt trên điện thoại Samsung để thực hiện thanh toán hàng hóa dịch vụ trên Pos của Agribank và các Tổ chức thanh toán thẻ khác có triển khai chấp nhận dịch vụ SamsungPay. Hiện nay thẻ ghi nợ nội địa của Agribank bao gồm: Thẻ ghi nợ nội địa hạng chuẩn – Success, Thẻ ghi nợ nội địa hạng vàng – Plus success, các loại thẻ: thẻ liên kết sinh viên, thẻ “Lập nghiệp” (sản phẩm thẻ liên kết giữa Agribank và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam), thẻ liên kết thương hiệu Co-brand Card.
- *Thẻ ghi nợ quốc tế*: Là thẻ ghi nợ do Agribank phát hành cho chủ thẻ để thực hiện giao dịch thẻ trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam. Thẻ ghi nợ quốc tế của Agribank bao gồm các sản phẩm thẻ: Thẻ ghi nợ quốc tế mang thương hiệu Visa (hạng chuẩn, hạng vàng), thẻ ghi nợ quốc tế mang thương hiệu MasterCard (hạng chuẩn, hạng vàng), thẻ ghi nợ quốc tế mang thương hiệu JCB (hạng vàng).
- *Thẻ tín dụng quốc tế*: Là thẻ cho phép chủ thẻ sử dụng trong phạm vi hạn mức tín dụng do Agribank cấp. Thẻ tín dụng được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam; ứng tiền mặt; không được sử dụng thẻ tín dụng để chuyển khoản (hoặc ghi Có) vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước. Thẻ tín dụng quốc tế của Agribank bao gồm các sản phẩm: Thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu Visa (hạng chuẩn, hạng vàng), thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu MasterCard (hạng vàng, hạng bạch kim), thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu JCB (hạng vàng, hạng bạch kim).
- *Thẻ phi vật lý*: là thẻ không hiện hữu bằng hình thức vật chất, tồn tại dưới dạng điện tử và chứa các thông tin trên thẻ cho phép chủ thẻ giao dịch trên môi trường Internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động; không bao gồm các trường hợp thẻ vật lý có đăng ký chức năng để giao dịch trên môi trường Internet, các chương trình ứng dụng trên thiết bị di động. Hiện nay, Agribank đang triển khai 03 sản phẩm thẻ phi vật lý gồm: Thẻ phi vật lý ghi nợ nội địa (Dcard), Thẻ phi vật lý ghi nợ quốc tế thương hiệu MasterCard (Vcard), Thẻ phi vật lý ghi nợ quốc tế thương hiệu JCB (Jcard).”
- *Thẻ Lộc Việt*: là sản phẩm thẻ chip nội địa theo chuẩn VCCS được phát triển trên nền tảng công nghệ hiện đại tích hợp 02 ứng dụng thẻ ghi nợ nội địa và thẻ tín dụng nội địa trên cùng một chip.
- *Thẻ trả trước*: bao gồm thẻ trả trước định danh và thẻ trả trước vô danh. Thẻ trả trước vô

danh không được rút tiền mặt, nạp thêm tiền vào thẻ; không được sử dụng thẻ thực hiện giao dịch thẻ trên môi trường Internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động; không được phát hành lại, trường hợp chủ thẻ làm mất thẻ coi như mất tiền mặt. Thẻ trả trước vô danh chỉ được sử dụng để thực hiện giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ hợp pháp tại thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán trên lãnh thổ Việt Nam.

- f) **Dịch vụ chuyển tiền ngoại tệ cá nhân và kiều hối:** đáp ứng nhu cầu của khách hàng như chuyển học phí, sinh hoạt phí cho học sinh du học, chuyển tiền phục vụ khám, chữa bệnh ở nước ngoài, trợ cấp cho thân nhân ở nước ngoài, ... và mục đích khác theo quy định của pháp luật: dịch vụ nhận và chi trả kiều hối qua Western Union, qua hệ thống SWIFT, chi trả kiều hối với các đối tác song phương tại các thị trường: Mỹ, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản...

g) **Dịch vụ liên kết ngân hàng – bảo hiểm – chứng khoán, liên kết khác**

**Bảo hiểm phi nhân thọ:** Agribank phối hợp với Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC) phân phối sản phẩm bảo hiểm đa dạng, đáp ứng nhu cầu khách hàng cá nhân như: Bảo hiểm chủ thẻ; Bảo an tín dụng, Bảo hiểm ô tô; Bảo hiểm xe máy; Bảo hiểm toàn diện nhà tư nhân; Bảo hiểm tài sản kỹ thuật và cháy nổ; Bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm tàu thuyền... Trong năm 2022, Agribank đã triển khai cung cấp dịch vụ đại lý bảo hiểm đối với sản phẩm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự cho chủ xe moto-xe máy trên ứng dụng Agribank E-mobile Banking; Bảo hiểm bảo an Tài khoản, đáp ứng nhu cầu khách hàng trước các rủi ro mất tiền trong tài khoản thanh toán, rủi ro về bị trộm cắp danh tính trong bối cảnh sự gia tăng không ngừng của tội phạm công nghệ cao. Khách hàng có thể dễ dàng lựa chọn và tham gia sản phẩm tại các chi nhánh, phòng giao dịch Agribank trên toàn quốc.

**Bảo hiểm nhân thọ:** trong năm 2021 Agribank liên kết với Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam, hoàn thiện công tác chuẩn bị triển khai dịch vụ liên kết bảo hiểm nhân thọ FWD. Năm 2022 Agribank chính thức phân phối các sản phẩm bảo hiểm FWD Việt Nam qua hệ thống chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc.

**Chứng khoán:** Agribank hợp tác với Agriseco triển khai dịch vụ chứng khoán Agriseco trên ứng dụng Agribank E-Mobile Banking như dịch vụ mở tài khoản, nạp tiền chứng khoán, giao dịch, đầu tư trái phiếu, tư vấn đầu tư,...

**Dịch vụ liên kết khác:** Agribank triển khai dịch vụ thu hộ tiền bán vé máy bay...

**Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng tổ chức**

a) **Nhóm sản phẩm huy động vốn**

- *Tiền gửi không kỳ hạn (tiền gửi thanh toán)* là sản phẩm tiền gửi mà theo đó khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để thực hiện các dịch vụ chuyển khoản, thanh toán và đăng ký sử dụng các dịch vụ tiện ích gia tăng khác của Agribank.
- *Tiền gửi rút gốc linh hoạt:* là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn, theo đó trong thời hạn gửi tiền, bên gửi tiền có thể rút một phần hoặc toàn bộ số tiền gửi trước hạn.
- *Tiền gửi có kỳ hạn:* Doanh nghiệp có thể chủ động lựa chọn kỳ hạn gửi tiền với đa dạng

*Handwritten signatures and marks in blue ink at the bottom right of the page.*

hình thức lĩnh lãi: trả lãi trước/sau toàn bộ hoặc theo định kỳ khách hàng đăng ký. Khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để vay vốn tại Agribank theo quy định từng thời kỳ.

- *Tiền gửi Tích lũy*: Là hình thức gửi tiền có kỳ hạn của khách hàng tổ chức, theo đó khách hàng được gửi thêm tiền vào tài khoản không theo định kỳ (gửi tiền tại bất kỳ thời điểm nào trong thời gian giao dịch của ngân hàng mà không cần theo định kỳ), phù hợp với các doanh nghiệp muốn tích lũy một khoản vốn để thực hiện kế hoạch mua sắm tài sản hoặc đầu tư dự án trong tương lai.
- *Tiền gửi trực tuyến*: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau được thực hiện trên kênh Agribank eBanking của Agribank.
- *Tiền gửi đầu tư tự động*: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, trả lãi sau toàn bộ. Theo đó khách hàng ủy quyền cho Agribank tự động đầu tư số tiền tạm thời nhàn rỗi từ tài khoản thanh toán sang tài khoản tiền gửi đầu tư tự động. Hết thời hạn gửi tiền, tổng số tiền gốc và lãi của tài khoản tiền gửi đầu tư tự động được tự động chuyển về tài khoản thanh toán của khách hàng khi gửi tiền.
- *Giấy tờ có giá*: bao gồm kỳ phiếu, tín phiếu, Trái Phiếu, chứng chỉ tiền gửi được Agribank phát hành trong từng thời kỳ với kỳ hạn đa dạng và lãi suất hấp dẫn.

**b) Tín dụng khách hàng pháp nhân:**

- *Cho vay*, bao gồm:
  - + Cho vay từng lần, cho vay hạn mức tín dụng: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã/ liên hiệp hợp tác xã cần vốn cho chi phí sản xuất, kinh doanh.
  - + Cho vay theo dự án đầu tư: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã/ liên hiệp hợp tác xã cần vốn phục vụ chi phí đầu tư tài sản cố định như máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ để thực hiện dự án.
  - + Cho vay dự án cơ sở hạ tầng: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã/ liên hiệp hợp tác xã cần vốn để thực hiện các dự án hoặc phương án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.
  - + Cho vay hợp vốn: Agribank cùng một hoặc một số tổ chức tín dụng khác thực hiện cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của doanh nghiệp.
  - + Cho vay theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã/ liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu sử dụng vốn vay cho chi phí sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn.
  - + Cho vay các dự án theo chỉ định của Chính phủ: Agribank hỗ trợ chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh thuộc các dự án bằng nguồn vốn chỉ định của Chính phủ cho khách hàng doanh nghiệp có nhu cầu, đáp ứng đủ điều kiện vay vốn của dự án.

*Mr*

*Signature*

JO68  
GÂN  
NG  
PHÁ  
ÔNG  
IẾT  
VH

- + Cho vay theo dự án, chương trình bằng vốn tài trợ nước ngoài: Agribank hỗ trợ khách hàng doanh nghiệp chi phí phục vụ tiểu dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc dự án chương trình được tài trợ bằng vốn nước ngoài.
  - + Cho vay ưu đãi xuất khẩu: Agribank hỗ trợ chi phí để thu mua, sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu thông qua sản phẩm tín dụng “cho vay ưu đãi xuất khẩu” đối với khách hàng doanh nghiệp có tín nhiệm, có hợp đồng xuất khẩu, có nguồn thu ngoại tệ, thanh toán qua Agribank và có hợp đồng kỳ hạn bán ngoại tệ cho Agribank.
- **Bảo lãnh:** Agribank cung cấp các loại hình bảo lãnh đa dạng như: Bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh đối ứng, xác nhận bảo lãnh, bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm, đồng bảo lãnh và các bảo lãnh khác theo yêu cầu của khách hàng.
  - **Chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá:** Agribank nhận chiết khấu, tái chiết khấu tối đa bằng nhu cầu của khách hàng doanh nghiệp là chủ sở hữu của Tín phiếu NHNN, Trái Phiếu phát hành theo quy định của Nhà nước (bao gồm Tín phiếu Kho bạc, Trái Phiếu Kho bạc, Trái Phiếu công trình trung ương, Trái Phiếu đầu tư, Trái Phiếu ngoại tệ, công trái xây dựng Tổ quốc, Trái Phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái Phiếu chính quyền địa phương), tín phiếu, kỳ phiếu, Trái Phiếu và giấy tờ có giá khác do các tổ chức tín dụng, tổ chức khác phát hành, hối phiếu đòi nợ, hối phiếu nhận nợ, séc.
- c) Dịch vụ thanh toán trong nước:** bao gồm dịch vụ gửi rút nhiều nơi; dịch vụ chuyển nhận nhiều nơi (Agri-Pay); cung ứng séc trong nước, thanh toán thu hộ séc; thanh toán hóa đơn; thu hộ, chi hộ với đối tác (đơn vị quản lý tài chính công, đơn vị sự nghiệp, tổ chức, doanh nghiệp, định chế tài chính); thu ngân sách nhà nước; kết nối thanh toán với khách hàng; quản lý vốn tập trung; sổ phụ điện tử; thu, chuyển trả kinh phí công đoàn.
- d) Thanh toán và chuyển tiền quốc tế**
- Agribank hiện đang cung cấp 40 sản phẩm dịch vụ liên quan đến thanh toán, chuyển tiền quốc tế cho khách hàng pháp nhân, với các sản phẩm vượt trội trong lĩnh vực thanh toán xuất nhập khẩu, như: L/C, nhờ thu, bảo lãnh, chiết khấu, UPAS L/C (hình thức L/C trả chậm có điều khoản thanh toán trả ngay) với sự tham gia tài trợ của 26 ngân hàng đại lý lớn (Wells Fargo, JP Morgan Chase, Standard Chartered, Shinhanbank, Citibank, ...), tài trợ thanh toán nhập khẩu đối với hàng hóa là nông sản Mỹ theo chương trình GSM – 102 của Bộ Nông nghiệp Mỹ,... Agribank là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam vận hành SWIFT GPI (Global Payments Innovation) – Sáng kiến đổi mới toàn cầu của Tổ chức SWIFT, sử dụng phương thức API với phần mềm SWIFT Microgateway hiện đại nhất.
  - Trên cơ sở hợp tác với các định chế tài chính lớn tại Trung Quốc và Lào, Agribank đã và đang cung cấp dịch vụ thanh toán biên giới cho các khách hàng có hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc bằng VND và CNY, qua biên giới Việt Nam – Lào bằng VND và LAK.
  - Cung cấp các dịch vụ thanh toán quốc tế đến các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước như: dịch vụ tài khoản, thu hộ chi hộ; thông báo, xác nhận L/C cho khách hàng của Agribank; phát hành bảo lãnh trên cơ sở bảo lãnh đối ứng.

6174.  
HÀN  
NGH  
T TR  
TH  
NAM  
- TP.

*lv*

*Stom*

**e) Mua bán ngoại tệ**

Bao gồm mua bán ngoại tệ giao ngay, mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ.

**f) Thẻ**

- Đơn vị chấp nhận thanh toán là tổ chức, cá nhân chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt theo hợp đồng ký kết với Agribank. Trở thành đơn vị chấp nhận thẻ của Agribank mang đến các lợi ích như: Sử dụng phương thức thanh toán hiện đại qua đó thu hút thêm khách hàng, giảm thiểu rủi ro về tiền giả, tiền rách, kiểm đếm, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tham gia các chương trình marketing, khuyến mại, quảng bá thương hiệu do Agribank triển khai,...
- Đơn vị chấp nhận thanh toán trực tuyến (E-merchant): Là tổ chức hoặc cá nhân chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ qua Internet theo hợp đồng thanh toán thẻ ký kết với Agribank.
- Dịch vụ chi lương qua tài khoản phát hành thẻ: Dịch vụ chi lương của Agribank là dịch vụ tự động chi trả lương cán bộ, nhân viên phát hành thẻ Agribank từ tài khoản của doanh nghiệp mở tại Agribank.
- Thẻ tín dụng quốc tế MasterCard dành cho công ty: Là sản phẩm thẻ do Agribank phát hành cho khách hàng là pháp nhân. Pháp nhân đứng tên đề nghị phát hành thẻ, chỉ định cá nhân được ủy quyền quản lý, sử dụng thẻ. Thẻ có thể sử dụng để ứng tiền và được chấp nhận thanh toán trên phạm vi toàn cầu mang lại sự thuận tiện cho khách hàng mọi nơi mọi lúc. Thẻ tín dụng quốc tế Agribank MasterCard dành cho tổ chức có một hạng thẻ duy nhất: Hạng thẻ Vàng.

**g) Dịch vụ ngân hàng điện tử**

Dịch vụ ngân hàng điện tử là dịch vụ ngân hàng được thực hiện thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm:

- *Dịch vụ SMS Banking*: Với dịch vụ SMS Banking, khách hàng có thể vấn tin số dư tài khoản của mình, được tự động thông báo biến động số dư.
- *Dịch vụ Agribank eBanking*: Là dịch vụ ngân hàng điện tử do Agribank cung cấp cho khách hàng thông qua hệ thống Agribank eBanking, bao gồm các kênh sau:
  - + Qua website tại địa chỉ <https://ebanking.agribank.com.vn/corporate/>; và/hoặc
  - + Qua ứng dụng *Agribank Corporate eBaking* dành cho khách hàng tổ chức được cài đặt trên điện thoại thông minh/máy tính bảng.
- Dịch vụ Ngân hàng số trong lĩnh vực thẻ (Agribank Digital): Là môi hình ngân hàng tự động giao dịch 24/7, bao gồm thiết bị phần cứng và giải pháp phần mềm, có chức năng định danh, nhận diện khách hàng bằng công nghệ sinh trắc học để thực hiện các dịch vụ theo quy định của Agribank bao gồm các cấu phần: Kiosk, ATM/CMD, và hệ thống Web Admin và Web Counter.

**h) Dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ**

Agribank cung cấp các loại hình dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ đa dạng như: Thu đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông; Kiểm đếm, giao nhận tiền mặt với khách hàng; Thu chi




C.T. P  
 G  
 P  
 N  
 4  
 N  
 1A N

11/3  
 C  
 C  
 H  
 A  
 A



tiền mặt lưu động tại địa chỉ của khách hàng; Thu tiền theo túi niêm phong; Dịch vụ bảo quản tài sản; Dịch vụ cho thuê tủ/két an toàn...

**i) Dịch vụ liên kết khác**

Dịch vụ thu hộ tiền bán vé máy bay, Dịch vụ liên kết Ngân hàng – Bảo hiểm (Bảo hiểm ô tô; Bảo hiểm tài sản; Bảo hiểm cháy nổ,...).

**6.1.2. Hoạt động huy động vốn**

Xác định huy động vốn là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quản trị điều hành hoạt động kinh doanh, Agribank đã tập trung chỉ đạo, linh hoạt điều hành công tác huy động vốn phù hợp với tình hình thị trường, đảm bảo nguồn vốn cho tăng trưởng tín dụng theo đúng định hướng; triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, quyết liệt để huy động nguồn vốn từ dân cư và tổ chức kinh tế; đa dạng hóa sản phẩm huy động vốn, phát huy công tác quản lý vốn huy động tập trung tại Trụ sở chính đối với nguồn tiền gửi lớn của các tổ chức, tập đoàn kinh tế lớn; thường xuyên theo dõi tình hình cân đối vốn và sử dụng vốn của toàn hệ thống, đảm bảo thanh khoản và cân đối đủ vốn để cho vay; Kiểm soát và điều hành tăng trưởng vốn huy động phù hợp tốc độ và cơ cấu tăng trưởng tín dụng; Thực hiện điều chuyển kịp thời vốn thanh toán và vốn tiền mặt trong hệ thống, đáp ứng nhu cầu hoạt động của các chi nhánh Agribank.

Phát huy thế mạnh về mạng lưới, nguồn vốn huy động của Agribank tiếp tục tăng trưởng ổn định, khẳng định mức độ tín nhiệm lớn của khách hàng đối với uy tín, thương hiệu không ngừng được nâng cao của Agribank. Tính đến thời điểm 31/12/2023, tổng nguồn vốn huy động hợp nhất của Agribank đạt 1.885.586 tỷ đồng (tăng 8,009 % so với cuối năm 2022), tổng nguồn vốn huy động riêng của Agribank đạt 1.888.732 tỷ đồng (tăng 7,967% so với cuối năm 2022). Tiền gửi của Khách hàng là kênh huy động vốn chính của Agribank (chiếm khoảng 96% tổng huy động vốn). Bên cạnh đó, từ năm 2018 đến nay, Agribank cũng liên tục tăng cường huy động vốn trung và dài hạn thông qua việc phát hành Trái Phiếu riêng lẻ và phát hành Trái Phiếu ra công chúng giúp gia tăng vốn cấp 2, đảm bảo an toàn trong hoạt động.

**Tình hình huy động vốn của Agribank**

Đơn vị: Tỷ đồng

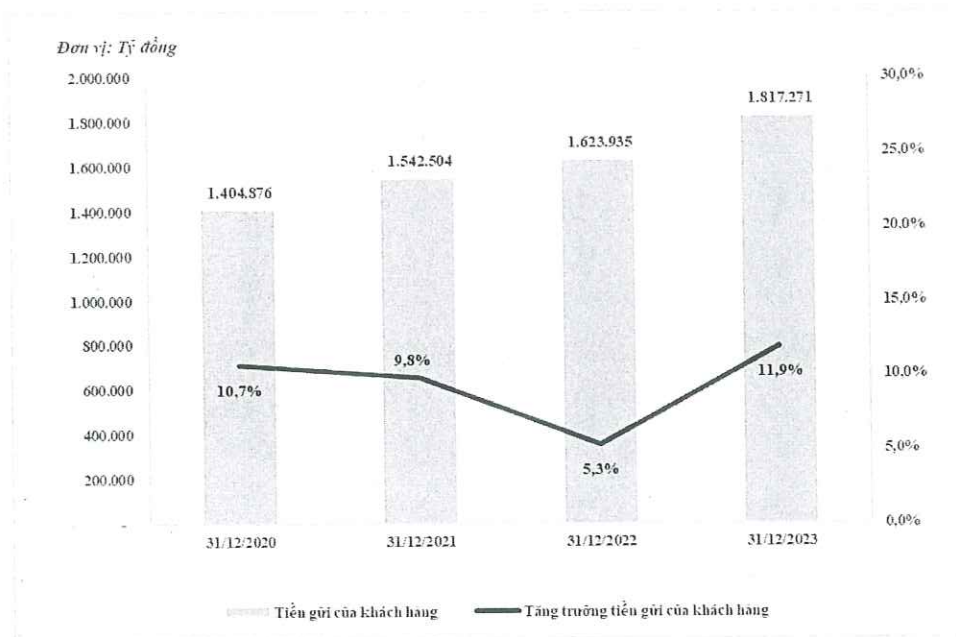
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng (giảm) 2023/2022
Vay NHNN	552	384	-30,435%
Tiền gửi của KBNN	5.355	892	-83,343%

*Handwritten signatures and stamps in blue and red ink.*

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng (giảm) 2023/2022
Tiền gửi và vay các TCTD khác	32.502	2.743	-91,561%
Tiền gửi của khách hàng	1.623.935	1.817.271	11,905%
Vốn tài trợ ủy thác đầu tư cho vay TCTD chịu rủi ro	4.957	3.737	-24,612%
Phát hành giấy tờ có giá	78.463	60.559	-22,818%
<b>Tổng vốn huy động</b>	<b>1.745.764</b>	<b>1.885.586</b>	<b>8,009%</b>
<b>Tăng trưởng huy động</b>	<b>10,371%</b>	<b>8,009%</b>	

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)

**Tình hình tiền gửi khách hàng của Agribank qua các năm**



(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021, 2022 và 2023)

**Cơ cấu huy động vốn theo loại tiền của Agribank**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng (giảm) 2023/2022
Vay NHNN	552	384	-30,435%
Bằng VND	552	384	-30,435%
Bằng ngoại tệ	-	-	-
<b>Tiền gửi của KBNN</b>	<b>5.355</b>	<b>892</b>	<b>-83,343%</b>

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng (giảm) 2023/2022
Bảng VND	5.351	888	-83,405%
Bảng ngoại tệ	4	4	0%
<b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	<b>32.502</b>	<b>2.743</b>	<b>-91,561%</b>
Bảng VND	7.733	2.139	-72,339%
Bảng ngoại tệ	24.769	604	-97,561%
<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>1.623.935</b>	<b>1.817.271</b>	<b>11,905%</b>
Bảng VND	1.609.637	1.803.969	12,073%
Bảng ngoại tệ	14.298	13.302	-6,968%
<b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay NHNo chịu rủi ro</b>	<b>4.957</b>	<b>3.737</b>	<b>-24,612%</b>
Bảng VND	4.114	3.540	-13,952%
Bảng ngoại tệ	843	197	-76,631%
<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>78.462</b>	<b>60.559</b>	<b>-22,818%</b>
Bảng VND	78.462	60.559	-22,817%
Bảng ngoại tệ	0,271	-	-100%
<b>Vốn huy động</b>	<b>1.745.764</b>	<b>1.885.586</b>	<b>8,009%</b>
Huy động vốn VND	1.705.849	1.871.479	9,710%
Huy động vốn ngoại tệ	39.915	14.107	-64,657%
<b>Tỷ trọng huy động vốn VND</b>	<b>97,714%</b>	<b>99,252%</b>	<b>1,574%</b>
<b>Tỷ trọng huy động vốn ngoại tệ</b>	<b>2,286%</b>	<b>0,748%</b>	<b>-67,278%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)

Đồng nội tệ chiếm phần lớn tỷ trọng trong cơ cấu huy động vốn theo loại tiền của Agribank, tại ngày 31/12/2023, giá trị vốn huy động bằng tiền Việt Nam hợp nhất chiếm hơn 99% tổng nguồn vốn. Trong khi đó, tỷ trọng vốn ngoại tệ của Ngân hàng từ năm 2020 đến nay đều không vượt quá 3% và chủ yếu đến từ hoạt động huy động tiền gửi và vay các TCTD khác và tiền gửi của khách hàng.

Với đặc điểm là NHTM chủ lực trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nguồn tiền gửi của Agribank đến chủ yếu từ khách hàng cá nhân (chiếm khoảng 80%). Xét về cơ cấu tiền gửi, tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) của Agribank giao động quanh mức 10 – 13%.

Vốn huy động tăng trưởng bền vững, phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh và gắn với đảm bảo khả năng thanh khoản và các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN.

Về điều hành lãi suất huy động, Agribank bám sát tình hình kinh tế vĩ mô, diễn biến thị trường để điều hành linh hoạt, đồng bộ công cụ phí, lãi suất phù hợp theo hướng tiết giảm chi phí huy động vốn. Triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của NHNN về trần lãi




suất tiền gửi, Agribank đã ban hành các văn bản về lãi suất huy động đối với khách hàng cá nhân, tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng), duy trì lãi suất huy động ở mức thấp và điều chỉnh giảm linh hoạt theo tín hiệu thị trường, góp phần định hướng mặt bằng lãi suất thị trường theo chủ trương của Chính phủ, NHNN.

### 6.1.3. Hoạt động tín dụng

#### 6.1.3.1. Hoạt động cho vay khách hàng

Với vị trí là NHTM lớn nhất, đóng vai trò chủ lực trên thị trường tài chính nông thôn, Agribank đã vượt qua nhiều khó khăn để có thể hoàn thành tốt hai nhiệm vụ: vừa phục vụ các chính sách tín dụng nông nghiệp, nông thôn theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN vừa đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn và phát triển.

Luôn xem trọng lợi ích của doanh nghiệp, lấy khách hàng làm trọng tâm trong mục tiêu hướng tới phát triển bền vững, Agribank đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm mở rộng tín dụng có hiệu quả, tiên phong triển khai mạnh mẽ các chương trình tín dụng ưu đãi đối với các đối tượng khách hàng pháp nhân và cá nhân. Cho vay nông nghiệp, nông thôn là lĩnh vực có chi phí hoạt động cao, rủi ro lớn do thiên tai, biến đổi khí hậu, thị trường tiêu thụ hàng hóa, lãi suất cho vay thấp theo chính sách ưu đãi lãi suất, phần nào ảnh hưởng đến năng lực tài chính, khả năng tự tăng vốn tự có từ lợi nhuận và thu nhập của người lao động.

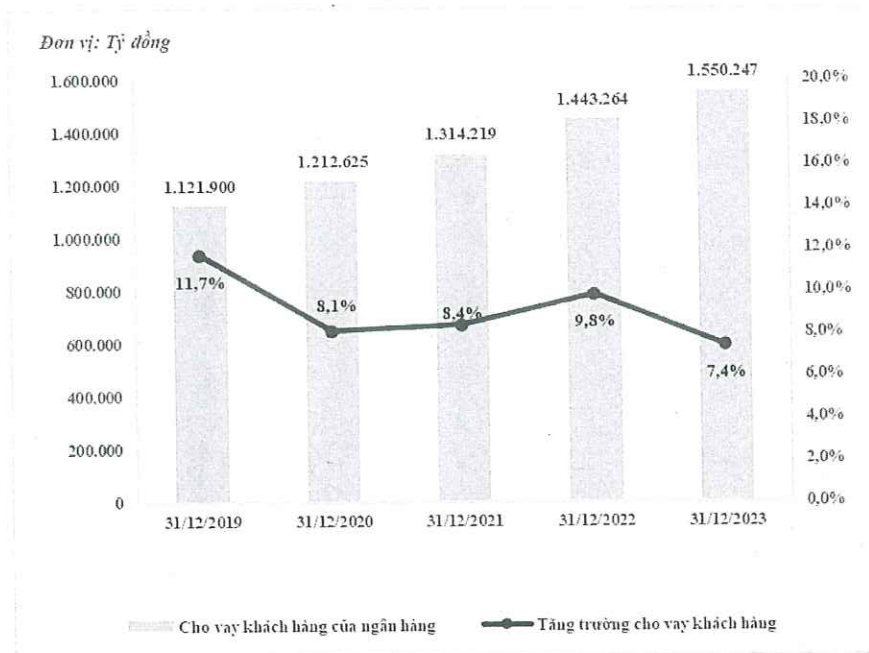
Với ưu tiên hàng đầu tiếp tục đẩy mạnh đầu tư tín dụng phát triển nông nghiệp an toàn, hiệu quả và bền vững, Agribank đưa ra nhiều giải pháp hiệu quả như: ban hành đồng bộ chính sách ưu đãi về lãi suất tiền gửi, tiền vay, phí thanh toán, phí dịch vụ và các chính sách khác để khách hàng có thể sử dụng nhiều gói sản phẩm, dịch vụ có tính liên kết; tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi khách hàng truyền thống, thu hút khách hàng mới, khách hàng tiềm năng. Năm 2022, Agribank đã nỗ lực triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 2 năm (2022-2023) thông qua hệ thống các NHTM với tổng số tiền hỗ trợ lên tới 40.000 tỷ đồng là chương trình hỗ trợ lãi suất từ nguồn ngân sách Nhà nước có quy mô lớn nhất từ trước tới nay với mục tiêu phục hồi nhanh nền kinh tế. Sang năm 2023, trên cơ sở tiết giảm chi phí huy động đầu vào, Agribank đã thực hiện tám lần điều chỉnh giảm lãi suất cho vay, theo đó lãi suất cho vay đã giảm mạnh từ 1,3-4%/năm so với đầu năm. Bên cạnh đó, Agribank còn triển khai nhiều chương trình chính sách lãi suất cho vay như cho vay lĩnh vực lâm thủy sản, chương trình hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP; chương trình cho vay nhà ở xã hội theo Nghị quyết 33/NQ-CP, cho vay hỗ trợ các cá nhân hưởng lương ngân sách, cho vay hỗ trợ đối với cán bộ nhân viên y tế; chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ngành lúa gạo Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long... Cùng với giảm lãi suất cho vay, Agribank đã triển khai 03 chương trình giảm lãi suất đối với dư nợ hiện hữu của gần 2 triệu khách hàng với số tiền giảm lãi ước tính lên tới hơn 1.000 tỷ đồng trong năm 2023 và sẽ tiếp nối thực hiện trong năm 2024.

Tính đến cuối năm 2023, tổng dư nợ cho vay khách hàng hợp nhất tăng 7,4% so với thời điểm




31/12/2022, đạt 1.550.247 tỷ đồng hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng do NHNN và HĐTV giao, tiếp tục là một trong những trụ cột cung cấp tín dụng cho nền kinh tế. Chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN. Cơ cấu tín dụng được điều chỉnh theo hướng tập trung cho vay ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch; kiểm soát chặt chẽ việc cấp tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao như đầu tư, kinh doanh bất động sản, chứng khoán, BOT, BT giao thông, tiêu dùng.

**Tình hình cho vay khách hàng của Agribank qua các năm**



(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021, 2022 và 2023)

**Dư nợ cho vay theo kỳ hạn của Agribank**

Đơn vị: Tỷ đồng

Phân tích dư cho vay KH theo kỳ hạn	31/12/2022		31/12/2023		% tăng (giảm) 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	876.470	60,728%	943.343	60,851%	7,630%
Nợ trung hạn	386.032	26,747%	402.574	25,968%	4,285%
Nợ dài hạn	180.762	12,525%	204.330	13,180%	13,038%
<b>Tổng dư nợ cho vay</b>	<b>1.443.264</b>	<b>100%</b>	<b>1.550.247</b>	<b>100%</b>	<b>7,413%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)

Tính đến thời điểm 31/12/2023, theo báo cáo tài chính hợp nhất, tổng dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn tăng 7,413% so với thời điểm 31/12/2022, đạt 1.550.247 tỷ đồng (không bao gồm khoản cho vay của công ty con). Trong đó cho vay ngắn hạn tiếp tục có tỷ trọng cao nhất khi phân tích dư nợ cho vay khách hàng phân theo kỳ hạn. Cụ thể, nợ ngắn hạn đạt 943.343 tỷ

*Handwritten signatures and stamps in blue ink.*

đồng tương đương 60,851%; nợ trung, dài hạn chiếm tỷ trọng lần lượt là 25,968% và 13,180%. Số liệu phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn trên BCTC riêng và hợp nhất là tương tự nhau.

**6.1.3.2. Chất lượng tín dụng và tỷ lệ nợ xấu**

Chất lượng tín dụng luôn được Agribank ưu tiên và kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN bằng những giải pháp quyết liệt và đồng bộ. Nhờ quy mô tăng trưởng tốt, cơ cấu chuyển dịch tích cực đi cùng với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, hiệu quả từ hoạt động tín dụng tiếp tục được nâng cao đóng góp quan trọng cho kết quả kinh doanh chung của Ngân hàng.

**Chất lượng tín dụng của Agribank**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng (giảm) 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.381.920	95,750%	1.489.187	96,061%	7,762%
Nợ cần chú ý	35.280	2,444%	32.340	2,086%	-8,333%
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.888	0,269%	3.880	0,250%	-0,206%
Nợ nghi ngờ	3.176	0,220%	5.593	0,361%	76,102%
Nợ có khả năng mất vốn	19.000	1,316%	19.247	1,242%	1,300%
<b>Tổng dư nợ cho vay khách hàng</b>	<b>1.443.264</b>	<b>100%</b>	<b>1.550.247</b>	<b>100%</b>	<b>7,413%</b>
Số dư nợ xấu	26.064	1,806%	28.720	1,853%	10,190%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)

Tại thời điểm 31/12/2023, tổng nợ xấu là 28.720 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,853%/Tổng dư nợ cho vay khách hàng, tăng 10,194% so với cuối năm 2022 đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ nợ xấu Ngân hàng nhà nước giao năm 2023 (dưới 2%).

**6.1.3.3. Rủi ro lãi suất và phân loại trích lập dự phòng rủi ro tín dụng**

Rủi ro lãi suất được Agribank thực hiện kiểm soát thông qua việc thiết lập các giới hạn về lãi suất huy động và lãi suất cho vay nhằm đảm bảo chênh lệch lãi suất đầu vào và đầu ra thực dương sau khi trừ các loại chi phí về huy động vốn, chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, mặt bằng lãi suất thị trường để đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Agribank. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất có thể phát sinh, Agribank áp dụng đồng bộ các biện pháp như: quy định chính sách lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay trung, dài hạn; quy định các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất trong hợp đồng tín dụng để đảm bảo luôn chủ động trước những biến động của thị trường.

Tính đến thời điểm 31/12/2023, số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng hợp nhất của Agribank là 38.013 tỷ đồng.

**Số dư dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng của Agribank**
*Đơn vị: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng (giảm) 2023/2022
<b>Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng</b>	<b>36.835</b>	<b>38.013</b>	<b>3,198%</b>
Dự phòng cụ thể	26.237	26.600	1,384%
Dự phòng chung	10.598	11.413	7,690%

*(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)*

Agribank chủ động sàng lọc khách hàng để phản ánh chất lượng nợ phù hợp với năng lực tài chính thực tế của khách hàng. Với các biện pháp quản lý các khoản nợ sát sao, đa dạng các ứng xử tín dụng, chất lượng nợ của Agribank luôn được duy trì ở mức cao trong các năm qua.

Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể được thực hiện theo các quy định của NHNN, trong đó loại trừ giá trị khấu trừ tài sản đảm bảo theo tỷ lệ quy định của NHNN.

Ngày 02/04/2021, NHNN đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 của Thống đốc NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 17/05/2021.

Ngày 30/07/2021, NHNN đã ban hành Thông tư số 11/2021/TT-NHNN quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 11). Thông tư 11 thay thế thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 21/01/2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 02) và thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18/03/2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 (Thông tư 09). Thông tư 11 có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2021. Kể từ ngày 01/10/2021, Agribank đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 11.

Ngày 23/04/2023, NHNN đã ban hành Thông tư số 02/2023/TT-NHNN Quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 24/04/2023.

**6.1.3.4. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)**

Agribank luôn bảo đảm và đáp ứng các nguyên tắc về quản trị rủi ro, cũng như tuân thủ các quy định của NHNN về tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động và tỷ lệ an toàn vốn.

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	Quy định (*)
Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ (CAR)	10,6%	9,2%	≥ 8%
Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất (CAR)	10,8%	9,1%	≥ 8%

*(Nguồn: Agribank)*



(\*) Từ 01/01/2020 đến 31/12/2022: Agribank áp dụng quản lý, tính toán tỷ lệ CAR theo Thông tư số 22/2019/TT-NHNN, quy định CAR (riêng và hợp nhất) tối thiểu là 9%.

Từ 01/01/2023, Agribank áp dụng quản lý, tính toán theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, quy định CAR (riêng và hợp nhất) tối thiểu là 8%.

#### 6.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

##### 6.1.4.1. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Agribank là NHTM hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh ngoại hối và cung cấp các dịch vụ ngoại hối đa dạng cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Agribank luôn đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu của khách hàng cá nhân bằng việc cung cấp tỷ giá cạnh tranh và phương thức giao dịch linh hoạt, qua đó góp phần hỗ trợ phát triển các hoạt động khác của Ngân hàng. Với lợi thế về mạng lưới, nguồn dự trữ ngoại hối dồi dào và nhân sự giàu kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ, Agribank không chỉ kịp thời đáp ứng nhu cầu của khách hàng nói chung mà còn hỗ trợ tích cực cho khách hàng doanh nghiệp phòng tránh rủi ro trong hoạt động kinh doanh thông qua việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngoại hối đặc thù, phù hợp với thực trạng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Agribank luôn chú trọng đến công tác phát triển khách hàng nhằm khai thác tối đa các kênh khách hàng hiện hữu và tăng trưởng khách hàng mới trên tất cả các phân khúc. Lãi kinh doanh ngoại tệ của Agribank trong năm 2022 và 2023 lần lượt đạt 2.858 tỷ đồng và 2.007 tỷ đồng.

##### 6.1.4.2. Hoạt động thanh toán

###### a) Hoạt động thanh toán trong nước

Agribank đã phát triển các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng hệ thống công nghệ thông tin, chủ động áp dụng các giải pháp ứng dụng cách mạng công nghệ 4.0 để phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, mở rộng tiện ích, nâng cao chất lượng dịch vụ E-Banking: Mở tài khoản trực tuyến trên ứng dụng Agribank E-Mobile Banking; Triển khai phiên bản mới của dịch vụ Agribank E-Mobile Banking có tính năng hiện đại, độ tùy biến cao, chức năng được sắp xếp khoa học, rõ ràng hơn, màu sắc tươi trẻ, hiện đại và khách hàng có thể chủ động trong việc thiết lập các chức năng ưu tiên ngay trên ứng dụng theo nhu cầu; Triển khai dịch vụ chuyển khoản qua mã VietQr; Bổ sung chức năng chọn tài khoản nguồn; Bán bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc mô tô – xe máy trên ứng dụng Agribank E-Mobile Banking; Triển khai dịch vụ thu nợ tiền vay trên ứng dụng; Nạp tiền vào tài khoản giao thông ePass; Nộp ngân sách Nhà nước; Tra cứu thông tin hóa đơn điện tử trên ứng dụng; Bổ sung thêm nhiều tiện ích trên ứng dụng Agribank E-Mobile Banking (tính năng quét QR, gọi taxi, đặt món ăn, đặt sân Golf; mua sắm trực tuyến, đặt vé tàu xe, giao hàng, thanh toán hóa đơn, dịch vụ mua gói học trực tuyến...); Triển khai thí điểm Agribank E-Banking, hệ thống phần mềm cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử thông qua các thiết bị có kết nối Internet (dịch vụ thanh toán, tài khoản tiền gửi, tín dụng, thanh toán quốc tế, thương mại điện tử, thẻ, dịch vụ phi tài chính và các dịch vụ khác...); Phát triển sản phẩm Tiền gửi trực tuyến trên ứng dụng Agribank E-Mobile Banking đáp ứng nhu cầu gửi tiền trực tuyến, giảm tải giao dịch tại quầy; Cập nhật bổ sung đặc điểm, tiện ích tiền gửi có kỳ hạn theo quy định của NHNN; Liên kết hợp tác, ký kết thỏa thuận hợp

*[Handwritten signatures and stamps]*



tác với các đối tác, công ty fintech để phát triển dịch vụ ví điện tử, thu hộ, chi hộ... đáp ứng nhu cầu thanh toán không dùng tiền mặt của nền kinh tế; Triển khai phát hành thẻ chip nội địa không tiếp xúc theo chuẩn VCCS, ứng dụng kết nối POS với phần mềm hệ thống kế toán của Đơn vị chấp nhận thẻ; Triển khai thí điểm sản phẩm thẻ liên kết bệnh viện; Triển khai Đề án phát triển dịch vụ thẻ tại thị trường nông nghiệp, nông thôn. Xác định hướng phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ trên nền tảng công nghệ thông tin, Agribank tập trung phát triển mạnh dịch vụ ngân hàng điện tử, dịch vụ ứng dụng giải pháp công nghệ 4.0, triển khai các công việc ban đầu để phát triển ngân hàng số, thực hiện chuyển đổi số. Dịch vụ ngân hàng điện tử có sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về số lượng tiện ích và chất lượng dịch vụ. Tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu ngày càng tăng, tạo nguồn thu đáng kể cho Agribank. Đây là nhóm dịch vụ sẽ là kênh phân phối khách hàng ưa thích sử dụng.

Năm 2022, Agribank ra mắt và triển khai sản phẩm thẻ chip nội địa Lộc Việt theo chuẩn VCCS sử dụng công nghệ hiện đại nhất hiện nay, tích hợp hai ứng dụng thẻ ghi nợ và tín dụng trên cùng một chip, giúp khách hàng linh hoạt và chủ động trong lựa chọn phương thức thanh toán. Vừa qua, sản phẩm Thẻ Lộc Việt của Agribank đã dành Giải Sao Khuê 2022 cho hệ thống công nghệ thông tin xuất sắc lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Cũng trong năm 2022, Agribank triển khai Dự án Ngân hàng số trong lĩnh vực thẻ (Agribank Digital) giai đoạn 1, mô hình được bình chọn là Giải pháp xuất sắc của ngành phần mềm, công nghệ thông tin Việt Nam và được vinh danh Giải thưởng Sao Khuê 2023.

Năm 2023, Agribank triển khai bổ sung một số sản phẩm, chức năng, tiện ích mới, như: Sản phẩm thẻ First Class; bổ sung một số chức năng mới trên ứng dụng Agribank E-Mobile Banking (Đăng ký phát hành/phát hành lại thẻ, chuyển đổi thẻ chip nội địa, mở khóa thẻ, định danh thẻ); Đơn vị chấp nhận thẻ trực tuyến (E-Merchant) chấp nhận thẻ nội địa; Thí điểm chức năng giao dịch bằng CCCD gắn chip tại ATM; Thí điểm chức năng rút tiền bằng mã QR tại ATM.

#### ***b) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại***

Tính đến ngày 31/03/2024, với 172 chi nhánh loại I trong nước và 01 chi nhánh nước ngoài tại Campuchia được phép thực hiện thanh toán quốc tế trực tiếp cùng 48 chi nhánh được xử lý thanh toán quốc tế tập trung tại Trung tâm Tài trợ Thương mại, Agribank hiện đang cung cấp khoảng 40 sản phẩm thanh toán quốc tế tới hơn 167 quốc gia. Một số sản phẩm có tính năng vượt trội so với ngân hàng khác như: dịch vụ chuyển tiền đa tệ, chuyển tiền Campuchia – Việt Nam qua kênh chuyển tiền nội bộ, UPAS L/C... Trong nhiều năm qua, Agribank liên tục nhận được các giải thưởng về “Tỷ lệ điện đạt chuẩn cao” được Bank of New York Mellon (Mỹ) và Citibank (Mỹ) trao tặng, “Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc” do Wells Fargo (Mỹ) trao tặng với tỷ lệ điện chuẩn đạt 100%, Giải “Chất lượng thanh toán xuất sắc và tỷ lệ điện thanh toán chuẩn (MT103)” do J.P Morgan Chase (Mỹ) trao tặng. Ngoài ra, để hỗ trợ khách hàng, Agribank tích cực khai thác các chương trình tài trợ thương mại, và các sản phẩm dịch vụ khác từ các ngân hàng đại lý của Agribank.

**c) Hoạt động thanh toán biên giới**

Thanh toán biên giới là một trong những thế mạnh của Agribank và Agribank cũng là ngân hàng đầu tiên triển khai nghiệp vụ này vào năm 1996 tại thị trường Trung Quốc. Hiện nay, Agribank đang triển khai hoạt động này với thị trường Trung Quốc và Lào. Tính đến năm 2023, Agribank có 07 chi nhánh đầu mối trực tiếp thanh toán biên giới với Trung Quốc và 01 chi nhánh đầu mối trực tiếp thanh toán biên giới với Lào. Hoạt động thanh toán biên giới của Agribank được thực hiện qua Hệ thống thanh toán biên giới qua Internet Banking (CBPS) là hệ thống thanh toán, chuyển tiền quốc tế hoàn chỉnh do Agribank xây dựng và giữ bản quyền trên nền tảng công nghệ Internet tiên tiến, áp dụng các giải pháp bảo mật cao cấp của Agribank. Hệ thống này đã được Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam (VINASA) trao giải thưởng Sao Khuê 2017.

Việc triển khai thanh toán biên giới qua CBPS đã giúp Agribank nâng cao chất lượng và mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, đáp ứng chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt, đồng thời góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy quan hệ hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu tại biên giới.

Năm 2022, tổng doanh số thanh toán biên giới (TTBG) đạt 20.917 tỷ đồng và tổng phí TTBG đạt 15,9 tỷ đồng. Doanh số TTBG qua Agribank năm 2023 đạt 37.512 tỷ đồng và tổng phí TTBG đạt 18 tỷ đồng, tăng 79% so với năm 2022.

**6.1.4.3. Dịch vụ kiều hối**

Để tăng doanh thu từ dịch vụ kiều hối, năm 2020 Agribank đã ký sửa đổi bổ sung Hợp đồng với Western Union, trong đó đã bỏ điều khoản độc quyền. Từ đó tạo cơ sở cho Agribank mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác là Công ty chuyển tiền ở những thị trường tiềm năng như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan. Năm 2022, doanh số chi trả kiều hối Agribank đạt 1.050 triệu USD. Năm 2023, lượng kiều hối Agribank đạt 1,23 tỷ USD.

**6.1.5. Hoạt động đầu tư**

**6.1.5.1. Hoạt động đầu tư chứng khoán**

Bên cạnh hoạt động tín dụng và nguồn vốn, Agribank cũng chú trọng đến phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm đầu tư hiện đại. Danh mục đầu tư giấy tờ có giá liên tục được điều chỉnh theo hướng tăng khả năng sinh lời nhưng vẫn đảm bảo dự trữ thanh khoản cho toàn hệ thống. Tính đến 31/12/2023, quy mô đầu tư chứng khoán hợp nhất của Agribank đạt 174.332 tỷ đồng, giảm 18,544% so với cuối năm 2022. Trong đó, Trái Phiếu Chính phủ chiếm tỷ trọng khoảng 78,020% trong tổng danh mục đầu tư giấy tờ có giá của Agribank.

**Danh mục đầu tư của Agribank**

Đơn vị: Tỷ đồng

Danh mục đầu tư	31/12/2022	31/12/2023	% tăng (giảm) 2023/2022
Chứng khoán kinh doanh	11	10	-
Chứng khoán vốn	11	10	-9,09%

*Tuy*

*Am*

Danh mục đầu tư	31/12/2022	31/12/2023	% tăng (giảm) 2023/2022
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>	<b>154.788</b>	<b>97.780</b>	<b>-36,830%</b>
<i>Chứng khoán nợ</i>	<i>154.733</i>	<i>97.725</i>	<i>-36,843%</i>
Trái phiếu chính phủ	114.843	79.394	-30,867%
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	3.990	7.729	93,709%
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	35.500	10.602	-70,135%
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	400	-	-100%
<i>Chứng khoán vốn</i>	<i>54.630</i>	<i>54.629</i>	<i>-0,002%</i>
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	54,630	54,629	-0,002%
<b>Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>59.874</b>	<b>77.212</b>	<b>28,957%</b>
Trái phiếu Chính phủ đặc biệt	2.090	690	-66,986%
Trái phiếu Chính phủ	45.452	56.452	24,201%
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	11.563	18.198	57,381%
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	-	1.103	-
Trái phiếu Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (“DATC”)	170	170	-
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	599	599	-
<b>Dự phòng rủi ro chứng khoán</b>	<b>(650)</b>	<b>(669)</b>	<b>2,968%</b>
<i>Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh</i>	<i>(1)</i>	<i>(0,291)</i>	<i>-70,900%</i>
<i>Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</i>	<i>(50)</i>	<i>(35)</i>	<i>-30,000%</i>
<i>Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>(599)</i>	<i>(634)</i>	<i>5,843%</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>214.023</b>	<b>174.332</b>	<b>-18,545%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)

#### 6.1.5.2. Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn

Trong những năm gần đây, ngành ngân hàng đã đẩy mạnh thoái vốn dần các khoản đầu tư góp vốn, không chỉ thoái vốn khỏi các TCTD khác, các ngân hàng cũng đã thoái vốn khỏi các khoản đầu tư ngoài ngành. Hiện nay, Agribank không còn nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết của một TCTD nào khác.

Đến thời điểm 31/12/2023, giá gốc các khoản đầu tư vào công ty con của Agribank là 1.765.005 triệu đồng; giá gốc các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn khác là 26.800 triệu đồng.

Tổng giá trị dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn tính đến thời điểm 31/12/2023 là 466.503 triệu đồng. Số liệu chi tiết như sau:

	31/12/2022		31/12/2023		% tăng (giảm) 2023/2022
	Tỷ lệ năm giữ (%)	Giá gốc Triệu VND	Tỷ lệ năm giữ (%)	Giá gốc Triệu VND	
<b>❖ Đầu tư vào công ty con</b>					
Công ty Cho thuê Tài chính I Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	100	172.087	100	172.087	-
Công ty Cho thuê Tài chính II Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	100	294.416	100	294.416	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam	100	288.249	100	288.249	-
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank	100	30.000	100	30.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	74,92	1.250.916	74,92	1.250.916	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam	51,51	195.840	51,74	195.840	-
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con		(466.503)		(466.503)	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.765.005</b>		<b>1.765.005</b>	<b>-</b>
<b>❖ Góp vốn, đầu tư dài hạn khác</b>					
Quỹ Bảo Lãnh Tín dụng Yên Bái	7,23	1.800	7,23	1.800	-
Công ty Cổ phần Chuyên mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam	8	25.000	8	25.000	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>26.800</b>		<b>26.800</b>	<b>-</b>
<b>❖ Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn</b>					
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(466.503)		(466.503)	-

(Nguồn: Agribank)

(\*) Ngày 31 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 1009/2018/QĐ-TBPS tuyên bố phá sản và chấm dứt hoạt động của Công ty Cho thuê Tài chính II Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("ALCII"), công ty con của Ngân hàng với tỷ lệ sở hữu là 100%. Ngày 8 tháng 9 năm 2018, Cục Thi hành án dân

 617  
 I HÀ  
 NGI  
 ÁT T  
 G TH  
 T NA  
 H - T

sự Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2936/QĐ-CTHADS về việc thi hành án chủ động của ALCII và phân công chấp hành viên chịu trách nhiệm tổ chức thi hành án. Kể từ thời điểm này, Ngân hàng không còn quyền kiểm soát đối với ALCII và vì vậy, ALCII không còn thỏa mãn điều kiện ghi nhận là công ty con theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Theo Công văn số 9457/NHNN-TCKT ngày 11 tháng 12 năm 2018 của NHNN, Ngân hàng đã ngừng hợp nhất báo cáo tài chính của ALCII vào báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con.

Agribank đã trích lập dự phòng toàn bộ 100% vốn đầu tư của Agribank tại ALCII (294,4 tỷ đồng) trong Báo cáo tài chính từ năm 2009 và theo Văn bản số 7453/NHNo-HĐTĐ ngày 29/12/2010 của Tổng Giám đốc Agribank.

Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vẫn đang trong quá trình thực hiện xử lý tài sản của ALCII để phân chia cho đối tượng liên quan của ALCII nên Agribank chưa xác định được số tiền được phân chia với vai trò là chủ nợ, chủ sở hữu ALCII để xác định số tiền thiệt hại làm cơ sở cho việc xử lý tổn thất.

#### 6.1.6. Hoạt động hợp tác quốc tế, ngân hàng đại lý và các dự án quốc tế

##### 6.1.6.1. Hoạt động hợp tác quốc tế và ngân hàng đại lý

Agribank luôn duy trì và phát triển mạng lưới ngân hàng đại lý (“NHĐL”) đa dạng, an toàn; tích cực trao đổi, làm việc với các đối tác, thắt chặt quan hệ, tìm kiếm cơ hội và nâng cao hiệu quả trong các lĩnh vực hợp tác; đánh giá và so sánh trong việc lựa chọn tối ưu các định chế tài chính cung cấp sản phẩm dịch vụ.

Tính đến 31/03/2024, số lượng ngân hàng đại lý của Agribank là 651 ngân hàng tại 79 quốc gia và vùng lãnh thổ. Mạng lưới ngân hàng đại lý hiện tại tập trung nhiều nhất ở Châu Á (374 ngân hàng, chiếm 57% tổng số lượng NHĐL), tiếp đến là Châu Âu (191 ngân hàng, chiếm 29%), Châu Mỹ (70 ngân hàng, chiếm 11%), châu Úc (12 ngân hàng, chiếm 2%), ít nhất là Châu Phi (4 ngân hàng, chiếm 1%). Agribank đang triển khai 129 thỏa thuận hợp tác quốc tế về tài trợ thương mại, sản phẩm dịch vụ ngân hàng, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, chia sẻ phí,... với các định chế tài chính trong nước và đối tác nước ngoài. Không dừng lại ở hợp tác song phương, Agribank còn là thành viên tích cực của các hiệp hội quốc tế như Hiệp hội Các tổ chức tín dụng nông nghiệp và Nông thôn Châu Á - Thái Bình Dương (APRACA), Hiệp hội Các tổ chức Tín dụng Nông nghiệp Quốc tế (CICA), Hiệp hội Ngân hàng Tiết kiệm và bán lẻ Thế giới (WSBI) và Hiệp hội Ngân hàng Châu Á (ABA).

Agribank tích cực kết nối, phối hợp với các Hiệp hội quốc tế (ABA, WSBI...), Tổ chức quốc tế (WB, ADB, JICA, AFD, USAID...), Đại sứ quán, các NHĐL tổ chức và tham gia gần 100 hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế nhằm mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác với đối tác. Một số hội nghị tiêu biểu: Hội nghị "Tài chính toàn diện" của ABA tại Philippines, Hội nghị thường niên ADB lần thứ 56 tại Hàn Quốc, Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam - Cuba, Sự kiện kỷ niệm 30 năm quan hệ đối tác Việt Nam - IFAD, Hội nghị Định chế tài chính toàn cầu của Citibank tại Hy Lạp, Hội nghị thường niên APRACA và diễn đàn chính sách khu vực lần thứ 76 tại Trung Quốc, Hội nghị Sibos năm 2023 của tổ chức SWIFT tại Toronto - Canada, Hội nghị thượng đỉnh ESG tại Thượng Hải - Trung Quốc, Hội nghị thượng đỉnh Trung Quốc - Asean lần thứ 15 tại Trung Quốc, Hội nghị thường niên 2023 của AIIB tại Ai Cập, Hội nghị thường niên của Ngân hàng thế giới (WB) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) tại Ma Rốc, Hội nghị




1-C  
NG  
HIỆP  
RIỀ  
ÔN  
M  
P. H

song phương năm 2023 giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Quốc gia Campuchia; Tham dự Phiên đối thoại Cộng đồng kinh tế ASEAN lần thứ 10;...

Agribank được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's nâng xếp hạng tiền gửi và nhà phát hành nội tệ và ngoại tệ dài hạn; xếp hạng rủi ro đối tác và đánh giá rủi ro đối tác nội tệ và ngoại tệ dài hạn mức "Ba2" - mức xếp hạng cao nhất Việt Nam. Fitch Ratings xếp hạng Agribank lần đầu ở mức BB, triển vọng tích cực và tăng lên mức BB+, bằng với trần xếp hạng quốc gia và là mức xếp hạng cao nhất trong các ngân hàng tại Việt Nam. Bên cạnh đó, Agribank tiếp tục được nhận nhiều giải thưởng do các ngân hàng uy tín trên thế giới (J.P Morgan, Wells Fargo, Standard Chartered Bank New York và The Bank of New York Mellon, CitiBank...) trao tặng về chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc.

**6.1.6.2. Dự án quốc tế**

Agribank luôn là đối tác được tín nhiệm của các nhà tài trợ quốc tế trong việc triển khai các dự án tín dụng, phục vụ các dự án ODA, đồng thời được Chính phủ và các Bộ, Ngành tin tưởng, giao thực hiện nhiều dự án lớn. Đến 31/3/2024, nguồn vốn Dự án quốc tế đạt 3.403,5 tỷ đồng, dư nợ cho vay khách hàng từ nguồn vốn Dự án đạt 3.146 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức thấp 0,17%. Hiện nay, Agribank đang thực hiện vai trò ngân hàng phục vụ cho 30 dự án với tổng số tiền tương đương 1,65 tỷ USD. Lũy kế đến nay, Agribank đã tiếp nhận và triển khai 182 Dự án ngân hàng phục vụ với tổng số vốn tương đương 9,3 tỷ USD. Vốn từ các dự án giúp Agribank tăng thu phí dịch vụ, có thêm nguồn ngoại tệ ổn định với lãi suất hợp lý để đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền nông nghiệp nước nhà và nâng cao đời sống người dân.

**6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn**

**6.2.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng**

Agribank cơ bản hoàn thiện các quy trình, chính sách và các hạn mức quản lý rủi ro, liên tục rà soát, cập nhật định kỳ nhằm phù hợp với quy định hiện hành của NHNN, đẩy mạnh công tác quản lý an toàn thông tin, phòng chống gian lận bằng các giải pháp công nghệ, tăng cường các công cụ hỗ trợ quản lý rủi ro; tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ trong toàn hệ thống.

**Đối với Rủi ro tín dụng,** Agribank đã ban hành: (i) Quy chế, quy trình về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 11/2021/TT-NHNN; (ii) Quy định về cảnh báo sớm rủi ro tín dụng trong hệ thống Agribank và hướng dẫn các chi nhánh sử dụng, vận hành hệ thống cảnh báo sớm; (iii) Quy định về Khung Quản lý rủi ro trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; (iv) Quy định về Quản lý rủi ro tín dụng và quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN; (v) Ban hành Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của Agribank đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 11/2021/TT-NHNN.

*tw*

*[Handwritten signatures]*



*[Vertical red stamp text]*

**Đối với rủi ro thị trường:** Agribank đã ban hành các quy định, quy trình quản lý rủi ro thị trường, hướng dẫn định giá giá trị thị trường đối với các danh mục chịu rủi ro thị trường, quy định hạn mức rủi ro thị trường và các văn bản có liên quan đảm bảo đáp ứng yêu cầu của NHNN tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN, phù hợp với tình hình thực tiễn tại Agribank. Cơ chế giám sát và xử lý kịp thời giúp Agribank hạn chế tối đa việc vượt hạn mức rủi ro thị trường và khắc phục nhanh chóng các vi phạm phát sinh (nếu có).

**Đối với rủi ro hoạt động,** Agribank đã ban hành chính sách quản lý rủi ro hoạt động bao gồm Quy định và các văn bản hướng dẫn có liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu của NHNN tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN, phù hợp với tình hình thực tiễn tại Agribank.

**Đối với rủi ro thanh khoản:** Agribank thực hiện công tác quản lý rủi ro thanh khoản thống nhất toàn hệ thống, tập trung tại Trụ sở chính nhằm đáp ứng các tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định của NHNN và hiệu quả kinh doanh. Quy trình quản lý rủi ro thanh khoản được xây dựng rõ ràng, cụ thể, phù hợp với bản chất và mức độ phức tạp của các hoạt động của Agribank. Năm 2023, các tỷ lệ an toàn thanh khoản của Agribank luôn đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN và duy trì mức an toàn cao. Nguồn vốn của Agribank tăng trưởng ổn định, trong đó vốn huy động từ dân cư chiếm tỷ trọng lớn, tài sản có tính thanh khoản cao luôn duy trì đủ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong mọi điều kiện.

**Để hạn chế rủi ro tập trung,** Agribank đã ban hành quy định về quản lý rủi ro tập trung tín dụng, xây dựng hạn mức rủi ro tập trung tín dụng theo khách hàng, theo sản phẩm, ngành/lĩnh vực kinh tế; các tiêu chí nhận diện người có liên quan, quản lý nhóm khách hàng có liên quan.

**Đối với rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng:** Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng của Agribank hiện đang được quản lý với nội dung cơ bản như thiết lập các giới hạn về lãi suất huy động và lãi suất cho vay; quy định lại lãi suất cho vay tối thiểu trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; thường xuyên bám sát diễn biến lãi suất trên thị trường, theo dõi chênh lệch lãi suất đầu ra-đầu vào (thực dương), giảm thiểu tổn thất do rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.

#### 6.2.2. *Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế*

Trong năm 2022, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 cũng như ảnh hưởng của cuộc xung đột giữa Nga và Ukraina đã tác động tiêu cực đến đời sống và hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp trên cả nước. Agribank đã triển khai nhiều biện pháp kiểm soát chất lượng nợ, nhận diện sớm các lĩnh vực/khách hàng tiềm ẩn rủi ro để phân luồng thu hồi xử lý nợ kịp thời, giảm tổn thất cho ngân hàng. Agribank giữ vững vai trò chủ lực trong đầu tư phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, với tỷ trọng đầu tư “Tam nông” chiếm trên 65%/tổng dư nợ, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong thị phần tín dụng đầu tư nông nghiệp, nông thôn tại Việt Nam. Với hiệu quả trong công tác phòng chống dịch và triển khai các biện pháp phục hồi kinh tế của Chính phủ, công tác tín dụng của Agribank tăng trưởng tích cực, tập trung vào sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên, cùng với đó, kiểm soát chặt chẽ cho vay đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao. Agribank nghiêm túc triển khai chỉ đạo

*Handwritten signatures and stamps:*  
 - A red circular stamp on the right edge contains the text: "AN H... IG NG... PHÁT T... ONG TH... VIET N... DINH - 1...".  
 - Several blue ink signatures are present at the bottom right of the page.

của Chính phủ, NHNN về các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng dịch Covid-19, Chương trình phục hồi kinh tế - xã hội: Chủ động triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; tiên phong triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn Ngân sách Nhà nước đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; kéo dài thời gian triển khai chương trình tín dụng ưu đãi đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 quy mô 100.000 tỷ đồng; Cho vay ưu đãi khách hàng doanh nghiệp lớn quy mô 30.000 tỷ đồng. Công tác trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được triển khai tuân thủ quy định của pháp luật và NHNN. Nhờ vậy tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2022 đã được kiểm soát ở mức 1,71%.

Ngay từ đầu năm 2023, Agribank tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện, gia tăng tiện ích và tăng cường các giải pháp ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn, bảo mật. Mặt khác, Agribank thực hiện nghiêm túc kết luận của Thường trực Chính phủ, chỉ đạo của NHNN về việc tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vay vốn vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất kinh doanh, Agribank triển khai Chương trình tín dụng ưu đãi đối với KHDN quy mô 100.000 tỷ đồng và 500 triệu USD, Chương trình tín dụng ưu đãi đối với khách hàng xuất nhập khẩu quy mô 25.000 tỷ đồng, Chương trình cho vay ưu đãi đối với khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023 quy mô 10.000 tỷ đồng, Chương trình cho vay ưu đãi tài trợ Dự án đầu tư dành cho KHDN năm 2023 quy mô 10.000 tỷ đồng, Chương trình cho vay ngắn hạn ưu đãi đối với khách hàng doanh nghiệp lớn năm 2023 quy mô 20.000 tỷ đồng. Ngoài ra để hỗ trợ khách hàng trả nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch Covid-19, Agribank không áp dụng lãi suất phạt quá hạn, lãi chậm trả, các loại phí từ ngày phát sinh nợ quá hạn đến ngày khách hàng thực hiện trả nợ.

Ngoài việc tiếp tục triển khai các chương trình ưu đãi năm 2023 đến 31/03/2024, Agribank đã triển khai mới các chương trình tín dụng ưu đãi đối với Khách hàng doanh nghiệp năm 2024 như sau: Chương trình cho vay ngắn hạn ưu đãi đối với khách hàng pháp nhân của Tập đoàn-Tổng Công ty thuộc Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước năm 2024 - Quy mô chương trình: 20.000 tỷ đồng; Chương trình cho vay ưu đãi khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2024 - Quy mô chương trình: 10.000 tỷ đồng; Chương trình cho vay ngắn hạn ưu đãi đối với Khách hàng doanh nghiệp lớn năm 2024 - Quy mô chương trình: 20.000 tỷ đồng; Chương trình cho vay ưu đãi tài trợ Dự án đầu tư dành cho Khách hàng doanh nghiệp năm 2024 - Quy mô chương trình: 15.000 tỷ đồng.

### **6.3. Thị trường hoạt động**

#### **6.3.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện**

Ngân hàng có Trụ sở chính đặt tại Số 02 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tổng số điểm mạng lưới của Ngân hàng là ba (03) văn phòng đại diện, ba (03) đơn vị sự nghiệp, một trăm bảy mươi một (171) chi nhánh loại I, bảy trăm sáu mươi tám (768) chi nhánh loại II, một (01) chi nhánh tại Campuchia và một nghìn hai trăm tám mươi tư (1.284) phòng giao dịch.





**6.3.2. Mạng lưới khách hàng và các dịch vụ cho khách hàng**

**6.3.2.1. Mạng lưới khách hàng**

- Khách hàng tổ chức kinh tế: quy mô khách hàng tổ chức kinh tế có số dư tiền gửi đạt trên 261.000 khách hàng. Số lượng khách hàng tổ chức kinh tế tại Agribank phân bổ đều tại các khu vực trên toàn hệ thống. Một số khu vực có tỷ trọng khách hàng tổ chức kinh tế lớn: Khu vực Đồng bằng Sông hồng (13,69%), Khu 4 cũ (13,55%), Khu vực Tây Nam Bộ (12,43%).
- Khách hàng cá nhân: quy mô khách hàng cá nhân đạt trên 24 triệu khách hàng, tăng 2,1% so với đầu năm 2023; tốc độ tăng trưởng quy mô khách hàng cá nhân bình quân hàng năm đạt 11,6%/năm. Số lượng khách hàng cá nhân tập trung chủ yếu tại khu vực nông nghiệp, nông thôn. Một số khu vực có khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn như: Khu vực đồng bằng sông Hồng (14,7%), khu vực Tây Nam Bộ (14,5%), khu vực khu 4 cũ (bao gồm 12 chi nhánh loại I thuộc các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế) (13,6%). Khu vực nước ngoài (Campuchia) có số lượng khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng nhỏ với trên 700 khách hàng.
- Số lượng ngân hàng đại lý của Agribank là 651 ngân hàng tại 79 quốc gia và vùng lãnh thổ. Mạng lưới ngân hàng đại lý hiện tại tập trung nhiều nhất ở Châu Á (374 ngân hàng, chiếm 57% tổng số lượng NHĐL), tiếp đến là Châu Âu (191 ngân hàng, chiếm 29%), Châu Mỹ (70 ngân hàng, chiếm 11%), châu Úc (12 ngân hàng, chiếm 2%) và Châu Phi (4 ngân hàng, chiếm 1%).

**6.3.2.2. Sản phẩm và dịch vụ cho Khách hàng**

**Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng cá nhân**

- *Tiền gửi*: gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi trực tuyến và giấy tờ có giá.
- *Tín dụng*: gồm cho vay tiêu dùng, cho vay sản xuất kinh doanh, chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác và bảo lãnh.
- *Dịch vụ thanh toán*.
- *Dịch vụ ngân hàng điện tử*: gồm dịch vụ Mobile Banking và dịch vụ Agribank eBanking.
- *Thẻ*: gồm thẻ ghi nợ nội địa, thẻ ghi nợ quốc tế, thẻ tín dụng quốc tế, thẻ phi vật lý, thẻ Lộc Việt và thẻ trả trước.
- *Dịch vụ chuyển ngoại tệ cá nhân và kiều hối*.
- *Dịch vụ liên kết ngân hàng – bảo hiểm- chứng khoán, liên kết khác*: gồm bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ và dịch vụ liên kết khác.

**Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng tổ chức**

- *Nhóm sản phẩm huy động vốn*: gồm tiền gửi không kỳ hạn (tiền gửi thanh toán), tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi rút gốc linh hoạt, tiền gửi tích lũy và giấy tờ có giá.
- *Tín dụng khách hàng pháp nhân*: gồm cho vay, bảo lãnh và chiết khấu, tái chiết khấu giấy

từ có giá.

- Dịch vụ thanh toán trong nước.
- Thanh toán và chuyển tiền quốc tế.
- Mua bán ngoại tệ.
- Thẻ: gồm thẻ liên kết sinh viên, thẻ Lập nghiệp, thẻ liên kết thương hiệu, thẻ tín dụng quốc tế MasterCard hạng vàng dành cho công ty.
- Dịch vụ ngân hàng điện tử: gồm dịch vụ Internet Banking, dịch vụ SMS Banking và dịch vụ Agribank eBanking.
- Dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ.
- Dịch vụ liên kết khác.

(Chi tiết sản phẩm và dịch vụ của Agribank được trình bày tại Mục 6.1.1 Phần IV)

**6.3.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu (tại ngày 31/12/2023)	Dư nợ cho vay	Tiền gửi của khách hàng
Agribank	1.550.247	1.817.271
Toàn hệ thống NHTM	13.568.978	12.855.295
Thị phần của Agribank	11,425%	14,136%

(Nguồn: NHNN & BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 của Agribank)

Agribank hiện nay là NHTM có thị phần đứng thứ hai nếu xét trên chỉ tiêu tổng tài sản. Tiền gửi của khách hàng của Agribank chiếm 14,136% và dư nợ cho vay chiếm 11,425%.

**6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện**

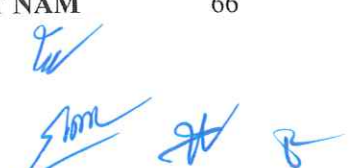
Để thực hiện các mục tiêu chiến lược đề ra, Agribank đã và đang triển khai nhiều dự án nhằm phát triển hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động phù hợp với các quy định hiện hành của NHNN và xu thế của các NHTM trong nước và trên thế giới, cụ thể Agribank đang thực hiện Phương án triển khai tuân thủ yêu cầu về vốn theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN và các dự án liên quan đến quản trị kinh doanh, công nghệ thông tin, quản trị rủi ro...

Liên quan đến dự án công nghệ thông tin (CNTT), quản trị rủi ro công nghệ thông tin, tại Đề án chiến lược phát triển CNTT giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Agribank đã được HĐQT phê duyệt, Agribank đã xây dựng các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể phục vụ phát triển hoạt động kinh doanh của Agribank, trong có các giải pháp, nhiệm vụ trọng điểm sau:

Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Agribank
Công nghệ thông tin	Giải pháp kho dữ liệu doanh nghiệp và công cụ phân tích thông minh (Enterprise Data Warehouse Business Intelligent)	Hệ thống Kho dữ liệu doanh nghiệp và công cụ phân tích thông minh (EDW&BI) phục vụ phân tích khách hàng, sản phẩm và lợi nhuận. Đáp ứng các yêu cầu luật định, quản trị rủi ro, quản trị kinh doanh và các yêu cầu phát triển kinh doanh. Cung cấp các báo cáo phân tích nâng cao cho lãnh đạo.
	Triển khai Thông tư 41	Việc hoàn thành dự án đã giúp Agribank tuân thủ Thông tư 41 theo đúng quy định của NHNN, đồng thời cũng là tuân thủ theo các thông lệ quốc tế về quản trị rủi ro tốt nhất (Basel 2), giúp ngân hàng định hướng điều chỉnh hoạt động kinh doanh theo hướng an toàn, hiệu quả hơn, đảm bảo cân bằng giữa mục tiêu lợi nhuận và rủi ro, đồng thời tạo tiền đề để Agribank tiếp tục triển khai các dự án quản trị rủi ro khác theo quy định của NHNN và thông lệ quốc tế.
	Ứng dụng AI trong chăm sóc khách hàng (Virtual e-banker)	Giải pháp hỗ trợ các nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn, giải đáp các câu hỏi thường gặp của khách hàng.
	Nghiên cứu, xây dựng phương án, giải pháp và lộ trình thay thế hệ thống IPCAS, các giải pháp liên quan đến hệ thống CoreBanking theo yêu cầu về mô hình, nghiệp vụ ngân hàng hiện đại	Corebanking là một hệ thống nền tảng xử lý các giao dịch ngân hàng hàng ngày, hạch toán giao dịch đến các tài khoản và hồ sơ tài chính liên quan. Agribank xác định Corebanking là giải pháp hạt nhân, đầu não chính trong toàn bộ hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của Agribank. Corebanking lấy trải nghiệm người dùng làm trọng tâm để tự động hóa xử lý các quy trình nghiệp vụ lõi của Agribank, tạo nền tảng hình thành hệ sinh thái dịch vụ tài chính ngân hàng mở, qua đó gia tăng trải nghiệm người dùng, chủ động quản lý rủi ro và hỗ trợ Agribank phát triển bền vững.
	Giải pháp biểu mẫu thông minh	Giải pháp biểu mẫu thông minh (Smart Form) là ứng dụng hỗ trợ số hóa nghiệp vụ kênh giao dịch tại quầy để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dùng trong cùng một thời điểm, qua đó giúp Ngân hàng phục vụ khách hàng nhanh hơn, nhiều hơn, giảm thiểu các bước làm thủ công. Smart Form giúp giao dịch viên giảm thời gian giao dịch, đẩy mạnh việc bán sản phẩm dịch vụ theo gói và trang bị các thiết bị hỗ trợ giúp tăng trải nghiệm khách hàng.
	Kế hoạch kết nối dữ liệu dân cư	Kế hoạch kết nối dữ liệu dân cư sẽ cho phép Agribank được kết nối trực tuyến với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ các hoạt động nghiệp vụ của Agribank (bao gồm làm sạch dữ liệu khách

*Tr*  
*Tran* *th* *8*

Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Agribank
		hàng mở tài khoản thanh toán tại Agribank, xác thực trực tuyến, rà soát đối tượng nghi ngờ giả mạo các loại giấy tờ với dữ liệu sinh trắc của căn cước công dân phục vụ phòng chống tội phạm, tích xanh tài khoản đảm bảo, chấm điểm tín dụng, xác thực thông tin đa chiều)
	Giải pháp Hỗ trợ kinh doanh bảo hiểm (Banca)	Giải pháp hỗ trợ kinh doanh bảo hiểm sẽ hỗ trợ các Giao dịch viên/Đại lý viên trong việc cập nhật thông tin khách hàng để cấp giấy chứng nhận bảo hiểm ngay trên nền tảng số; hỗ trợ truy xuất thông tin liên quan đến hợp đồng về phần phí đóng định kỳ, minh họa và mô phỏng quyền lợi của các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng, theo dõi xử lý khiếu nại kịp thời, chính xác. Bên cạnh đó, Giải pháp còn hỗ trợ Agribank về việc theo dõi kết quả bán bảo hiểm, hoa hồng đại lý và các dịch vụ thanh toán phí giữa Agribank và đối tác Bảo hiểm. Giải pháp này không chỉ giúp gia tăng trải nghiệm khách hàng trên nền tảng số, mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững của Agribank.
Quản trị kinh doanh	Hệ thống định giá điều chuyển vốn nội bộ (Hệ thống FTP)	Triển khai việc mua, bán vốn giữa Trụ sở chính Agribank và các chi nhánh, quản lý cấu trúc bảng cân đối kế toán theo mục tiêu, quản lý thanh khoản, quản lý lợi nhuận và định giá sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
Quản lý rủi ro	Triển khai giải pháp quản lý rủi ro	Hiện đại hóa công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu cho việc triển khai quản lý rủi ro theo quy định của NHNN, của Agribank và thông lệ quốc tế.
Marketing và quan hệ khách hàng	Giải pháp quản lý quan hệ khách hàng (CRM)	Giải pháp Quản lý quan hệ khách hàng (CRM) giúp Agribank quản lý toàn diện thông tin khách hàng hiện tại và khách hàng tiềm năng trong suốt vòng đời khách hàng, giúp ngân hàng nhanh chóng tiếp cận khách hàng, duy trì và phân tích mối quan hệ cũng như cập nhật góc nhìn khách hàng 360 độ để đưa ra các sản phẩm, dịch vụ được cá nhân hóa, qua đó tăng cường sự gắn bó của khách hàng với ngân hàng giúp Agribank quản lý hiệu quả trong quá trình tiếp cận cũng như cung ứng các dịch vụ của ngân hàng.
Thẩm định và tín dụng	Giải pháp khởi tạo khoản vay (LOS)	Giải pháp Khởi tạo khoản vay (LOS) cung cấp chức năng quản lý công tác thẩm định và giải ngân khoản vay hiệu quả, minh bạch và nhanh chóng gồm các hạng mục: xử lý nghiệp vụ từ quy trình thẩm định tín dụng cho đến giải ngân và phạt chậm trả một cách tự động. Giải pháp cũng cung cấp một cơ sở dữ liệu lịch sử về thông tin tín dụng của từng khách



Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Agribank
		hàng (gồm khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp), nhằm tái sử dụng với các hồ sơ mới từ khách hàng. Giải pháp còn mở rộng chức năng ứng dụng ECM hiện có để số hóa các tài liệu liên quan đến LOS và tích hợp xuyên suốt với hệ thống BPM để kiểm soát luồng nghiệp vụ và đồng bộ dữ liệu.
Tài chính, kế toán	Giải pháp Báo cáo tài chính chuẩn IFRS	Giải pháp xây dựng báo cáo tài chính theo IFRS cung cấp công cụ quản lý nợ xấu, bao gồm hỗ trợ theo dõi quy trình thu hồi nợ, từ đó lập và xây dựng các báo cáo định kỳ nhằm đưa ra những thông tin có giá trị để phân loại nợ cũng như thiết kế các quy tắc/quy định kiểm soát nợ xấu và xử lý nợ xấu theo nhiều cấp độ. Giải pháp giúp tạo ra các nguồn thông tin tốt hơn để đưa ra các quyết định chiến lược kinh doanh, sản phẩm, giải ngân khoản vay, giám sát tín dụng và nhân lực.
Quản lý nợ có vấn đề	Giải pháp Quản lý Khoản cấp tín dụng có vấn đề	Giải pháp quản lý các khoản cấp tín dụng có vấn đề cung cấp công cụ xác định, phân loại và quản lý các khoản tín dụng có vấn đề, bao gồm hỗ trợ theo dõi quy trình thu hồi nợ, đưa ra những dữ liệu có giá trị để thiết kế các quy tắc/quy định kiểm soát nợ xấu và xử lý các khoản tín dụng có vấn đề theo nhiều cấp độ khách hàng trong toàn hệ thống Agribank.

(Nguồn: Agribank)

**7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Agribank trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất**

**7.1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh**

**Kết quả hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm 2023/2022
Tổng tài sản	1.874.839	2.044.927	9,072%
Vốn chủ sở hữu	86.998	100.536	15,561%
Thu nhập lãi thuần	60.190	55.965	-7,019%
Tổng thu nhập hoạt động	77.861	76.138	-2,213%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	49.711	45.206	-9,062%

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm 2023/2022
Lợi nhuận trước thuế	22.539	25.859	14,730%
Lợi nhuận sau thuế	18.043	20.696	14,704%
Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ (*)	-	-	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	144	155	7,639%
Lợi nhuận thuần trong năm	17.899	20.541	14,761%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)

(\*) Agribank không phải là Công ty cổ phần nên không có Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ

**Kết quả hoạt động kinh doanh (Công ty mẹ)**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm 2023/2022
Tổng tài sản	1.873.685	2.042.976	9,035%
Vốn chủ sở hữu	84.500	97.931	15,895%
Thu nhập lãi thuần	59.839	55.610	-7,067%
Tổng thu nhập hoạt động	76.802	75.038	-2,297%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	49.247	44.905	-8,817%
Lợi nhuận trước thuế	22.087	25.525	15,566%
Lợi nhuận sau thuế	17.680	20.467	15,765%

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023)

Theo BCTC hợp nhất, tổng tài sản năm 2023 tăng trưởng 9,072% so với năm 2022, đạt 2.044.927 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần trong năm 2023 đạt 20.541 tỷ đồng, tăng 2.642 tỷ đồng tương đương 14,761% so với năm 2022.

**7.1.2. Các chỉ tiêu khác**

**a) Cơ cấu Thu nhập lãi và các khoản tương tự**

**Thu nhập lãi và các khoản tương tự (Hợp nhất)**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng (giảm) 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Thu nhập lãi tiền gửi	4.714	3,682%	6.188	4,028%	31,269%
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	119.371	93,232%	139.192	90,601%	16,605%

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng (giảm) 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán	3.650	2,851%	7.916	5,153%	116,877%
Thu nhập từ nghiệp vụ cho thuê tài chính	1	0,001%	0,145	0,000%	-85,500%
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	300	0,234%	331	0,215%	10,333%
Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	1	0,001%	4	0,003%	300,000%
<b>Tổng thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự</b>	<b>128.037</b>	<b>100%</b>	<b>153.631</b>	<b>100%</b>	<b>19,990%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)

**Thu nhập lãi và các khoản tương tự (Công ty mẹ)**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng (giảm) 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Thu nhập lãi tiền gửi	4.669	3,652%	6.123	3,991%	31,142%
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	119.214	93,257%	139.053	90,634%	16,642%
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán	3.650	2,855%	7.915	5,159%	116,849%
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	300	0,235%	331	0,216%	10,333%
Thu khác từ hoạt động tín dụng	1	0,001%	1	0,001%	-
<b>Tổng thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự</b>	<b>127.834</b>	<b>100%</b>	<b>153.423</b>	<b>100%</b>	<b>20,017%</b>

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023)

**b) Cơ cấu Tổng thu nhập hoạt động**

**Tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng (giảm) 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Thu nhập lãi thuần	60.190	77,304%	55.964	73,503%	-7,021%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.767	6,122%	4.566	5,997%	-4,216%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	2.858	3,671%	2.007	2,636%	-29,776%
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	14	0,018%	5	0,007%	-64,286%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	137	0,176%	2.977	3,910%	2072,993%
Lãi thuần từ hoạt động khác	9.842	12,640%	10.529	13,829%	6,980%

*(Handwritten signatures and stamps)*

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng (giảm) 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	53	0,068%	90	0,118%	69,811%
<b>Tổng cộng</b>	<b>77.861</b>	<b>100%</b>	<b>76.138</b>	<b>100%</b>	<b>-2,213%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)

**Tổng thu nhập hoạt động (Công ty mẹ)**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng (giảm) 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Thu nhập lãi thuần	59.839	77,913%	55.610	74,109%	-7,067%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.111	5,353%	3.726	4,965%	-9,365%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	2.857	3,720%	2.007	2,675%	-29,751%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(0,04)	-0,000%	-	0,000%	-100,000%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	123	0,160%	2.965	3,951%	2310,569%
Lãi thuần từ hoạt động khác	9.825	12,793%	10.504	13,998%	6,911%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	47	0,061%	226	0,301%	380,851%
<b>Tổng cộng</b>	<b>76.802</b>	<b>100%</b>	<b>75.038</b>	<b>100%</b>	<b>-2,297%</b>

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023)

c) **Cơ cấu Chi phí hoạt động**

**Chi phí hoạt động (Hợp nhất)**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng (giảm) 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Chi phí nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	196	0,696%	198	0,640%	1,020%
Chi phí cho nhân viên	16.139	57,332%	17.730	57,319%	9,858%
Chi về tài sản	3.702	13,151%	3.988	12,893%	7,726%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	5.342	18,977%	6.019	19,459%	12,673%
Chi nộp bảo hiểm bảo toàn tiền gửi của khách hàng	1.915	6,803%	2.088	6,750%	9,034%
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	14	0,050%	(9)	-0,029%	-164,286%
Chi phí hoạt động khác	842	2,991%	918	2,968%	9,026%
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.150</b>	<b>100%</b>	<b>30.932</b>	<b>100%</b>	<b>9,883%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*



**Chi phí hoạt động (Công ty mẹ)**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng (giảm) 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	167	0,606%	156	0,518%	-6,587%
Chi phí cho nhân viên	15.799	57,338%	17.331	57,513%	9,697%
Chi về tài sản	3.696	13,414%	3.970	13,174%	7,413%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	5.043	18,302%	5.649	18,746%	12,017%
Chi nộp bảo hiểm bảo toàn tiền gửi của khách hàng	1.992	7,229%	2.109	6,999%	5,873%
Trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	14	0,051%	1	0,003%	-92,857%
Chi phí hoạt động khác	843	3,059%	918	3,046%	8,897%
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.554</b>	<b>100%</b>	<b>30.134</b>	<b>100%</b>	<b>9,363%</b>

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023)

**d) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu**

**Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu (Hợp nhất)**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng (giảm) 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Vốn của TCTD	34.889	40,104%	41.847	41,624%	19,943%
- Vốn điều lệ	34.447	39,596%	41.269	41,049%	19,804%
- Vốn khác	442	0,508%	578	0,575%	30,769%
Các quỹ của TCTD	31.149	35,805%	42.872	42,643%	37,635%
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	223	0,256%	223	0,222%	0,000%
Lợi nhuận chưa phân phối	19.456	22,364%	14.246	14,170%	-26,778%
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	1.280	1,471%	1.348	1,341%	5,313%
<b>Tổng cộng</b>	<b>86.997</b>	<b>100%</b>	<b>100.536</b>	<b>100%</b>	<b>15,563%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)

**Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu (Công ty mẹ)**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng (giảm) 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Vốn của TCTD	34.652	41,008%	41.474	42,351%	19,687%
- Vốn điều lệ	34.447	40,626%	41.269	42,141%	19,804%
- Vốn khác	205	0,243%	205	0,209%	0,000%
Quỹ của TCTD	30.659	36,283%	42.401	43,297%	38,299%

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng (giảm) 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Lợi nhuận chưa phân phối	19.189	22,709%	14.055	14,352%	-26,755%
<b>Tổng cộng</b>	<b>84.500</b>	<b>100%</b>	<b>97.930</b>	<b>100%</b>	<b>15,893%</b>

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023)

## 7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

Trong năm 2022, xung đột Nga - Ukraina gây nhiều hệ lụy đến kinh tế toàn cầu, đại dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng, lạm phát tăng cao nhất trong 40 năm qua và giá cả hàng hóa leo thang dẫn đến các quốc gia tăng cường thắt chặt tiền tệ, thương mại quốc tế suy giảm và xu hướng bảo hộ tăng cao gây nên mối lo ngại về suy giảm kinh tế toàn cầu ảnh hưởng tiêu cực tới dòng vốn đầu tư. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ còn 3,19%, thấp hơn mức dự đoán ban đầu 4,4% của IMF.

Trong bối cảnh đó, Chính phủ Việt Nam với tư duy đột phá và nhạy bén, hành động khẩn trương và sự đồng lòng, nỗ lực của toàn hệ thống chính trị đã tạo điều kiện tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đưa nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng 8,02%, cao gấp 2,5 lần tỷ lệ lạm phát; Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa cả năm vượt mốc 730 tỷ USD, cán cân thương mại xuất siêu ở mức cao, đạt 11,2 tỷ USD góp phần giảm bớt áp lực tỷ giá trên thị trường ngoại tệ. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam là điểm sáng của nền kinh tế trong bối cảnh đầu tư và thương mại quốc tế suy giảm; vốn FDI thực hiện đạt 22,4 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm 2021.

Bên cạnh đó, năm 2022, do kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính tiền tệ có nhiều biến động, huy động vốn của ngành Ngân hàng nói chung và Agribank nói riêng gặp nhiều khó khăn; tăng trưởng huy động vốn của toàn ngành Ngân hàng thấp hơn nhiều so với tăng trưởng tín dụng, cân đối vốn khó khăn. Trong điều kiện đó, Agribank đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp có hiệu quả để tăng trưởng huy động vốn phù hợp gắn với cân đối vốn, đáp ứng kịp thời nhu cầu tăng trưởng tín dụng, đảm bảo thanh khoản và các tỷ lệ an toàn hoạt động, quán triệt trong toàn hệ thống chấp hành nghiêm túc quy định lãi suất huy động, kiểm soát việc tăng lãi suất huy động để tránh tạo ra cuộc đua lãi suất, góp phần ổn định thị trường tiền tệ, an toàn hệ thống ngân hàng; tiết giảm tối đa chi phí hoạt động để giữ ổn định và phân đầu giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh. Đến 31/12/2022, nguồn vốn huy động đạt 1.711.585 tỷ đồng, tăng 130.808 tỷ đồng (tăng 8,3%) so với đầu năm, đạt 103,8% kế hoạch NHNN giao (tăng 8%-11%, điều chỉnh phù hợp với tăng trưởng tín dụng).

Trong năm 2022, NHNN đã điều chỉnh tăng lãi suất điều hành với tổng mức tăng 2%/năm, lãi suất tiền gửi VND bình quân tăng 1,19%/năm, lãi suất cho vay VND bình quân tăng 1,21%/năm. Việc điều chỉnh tăng lãi suất là phù hợp với xu hướng chung trên toàn thế giới để ưu tiên kiểm soát lạm phát, giữ ổn định tỷ giá, tạo dư địa thích ứng mới với các biến động trên




thị trường. Trong 9 tháng đầu năm 2022, Agribank với vai trò là công cụ thực hiện chính sách tiền tệ của NHNN đã áp dụng chính sách lãi suất bình ổn để hỗ trợ nền kinh tế. Từ tháng 10/2022, lãi suất trên thị trường biến động mạnh. Trước tình hình lãi suất cạnh tranh trên thị trường, Agribank đã điều hành linh hoạt lãi suất tiền gửi và cho vay thông qua 03 lần điều chỉnh lãi suất niêm yết và 10 lần điều chỉnh biên độ mức lãi suất lũy tiến theo số dư tiền gửi, đồng thời ban hành nhiều cơ chế khuyến khích huy động vốn để đảm bảo nguồn vốn đáp ứng nhu cầu tăng trưởng tín dụng.

Hoạt động tín dụng của toàn ngành Ngân hàng năm 2022 được điều hành phù hợp với định hướng, đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên; Tăng cường kiểm soát đối với các hoạt động tín dụng tiềm ẩn rủi ro. Là một trong những ngân hàng đầu ngành, Agribank luôn tiên phong trong việc triển khai các chủ trương, chính sách của Chính phủ, NHNN.

Trong bối cảnh nền kinh tế và thị trường tài chính, tiền tệ có nhiều biến động, đặc biệt trong những tháng cuối năm, thị trường chứng khoán, Trái Phiếu doanh nghiệp, bất động sản diễn biến phức tạp, nợ xấu có xu hướng tăng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết các ngành, lĩnh vực; Agribank đã triển khai đồng bộ, linh hoạt nhiều giải pháp về tài chính nhằm ổn định và tăng trưởng hoạt động kinh doanh, nâng cao hiệu quả và năng lực tài chính như xây dựng kế hoạch tài chính năm 2023 phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh, tiếp tục quản lý và cân đối hợp lý chi phí cho tăng trưởng gắn với yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nỗ lực tiết giảm chi phí để có điều kiện miễn, giảm phí dịch vụ, ổn định và giảm lãi suất cho vay hỗ trợ khách hàng; thực hiện trích lập dự phòng; xử lý rủi ro theo đúng quy định và khả năng tài chính, đảm bảo thu nhập, đời sống cho người lao động. Để ứng phó linh hoạt với những biến động thị trường, Agribank thực hiện phân tích tình hình tài chính định kỳ và đột xuất đối với toàn hệ thống và đánh giá thực trạng tài chính của từng chi nhánh, đề xuất kịp thời các phương án xử lý để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu tài chính năm, đánh giá chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để đưa ra các giải pháp tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Trong năm 2023, tình hình thế giới vẫn diễn biến phức tạp theo hướng khó khăn, thách thức gia tăng, ảnh hưởng tiêu cực đến triển vọng phục hồi và tăng trưởng kinh tế toàn cầu, kinh tế trong nước vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Trước bối cảnh trên, thời gian qua, thực hiện chủ trương của Quốc hội, Chính phủ, NHNN và ngành Ngân hàng đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho người dân, doanh nghiệp. 9 tháng đầu năm 2023, doanh số cho vay của Agribank đạt gần 1,6 triệu tỷ đồng, cao hơn 69 nghìn tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022. Dư nợ cho vay nền kinh tế đạt hơn 1,49 triệu tỷ đồng, tăng hơn 51 nghìn tỷ đồng so với 31/12/2022, trong đó tháng 8-9/2023 tín dụng tăng trưởng đều từ 16 - 17 nghìn tỷ đồng, tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu dùng, các khu vực kinh tế trọng điểm đều có tốc độ tăng trưởng tín dụng cao. Agribank chủ động dùng nguồn lực tài chính để giảm lãi suất cho vay, chia sẻ khó khăn cho khách hàng. Với 5 lần giảm lãi suất, sàn lãi suất cho vay ngắn hạn giảm từ 1,3% - 4%/năm, sàn lãi suất cho vay trung dài hạn giảm từ 0,3% - 1,5%/năm. Hiện tại, lãi suất cho vay của Agribank thuộc nhóm thấp trên thị trường. Cùng với đó, giảm lãi suất trực tiếp đối với 440 nghìn tỷ đồng dư nợ hiện hữu với tổng số tiền lãi đã giảm khoảng 850 tỷ đồng cho 1,7 triệu khách hàng. Agribank triển khai



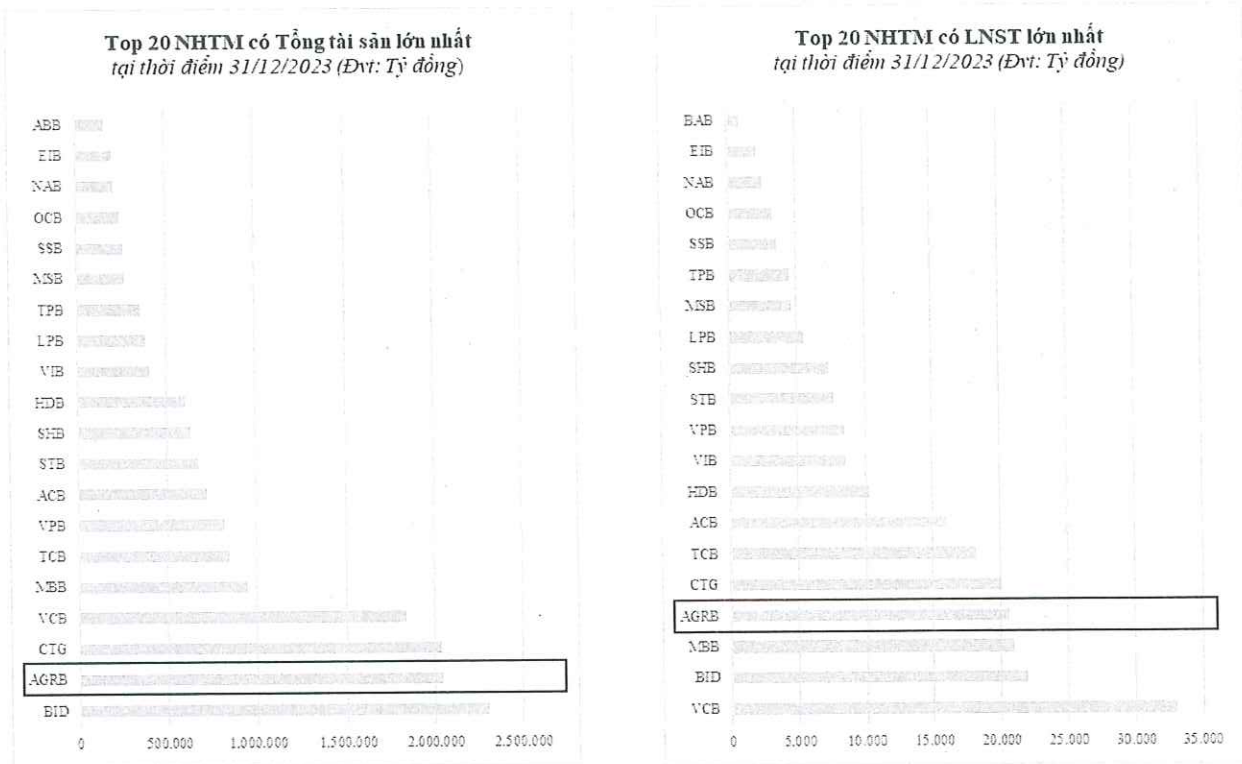
nghiêm túc, quyết liệt các chương trình, chính sách tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, NHNN. Ngay khi Nghị định số 31/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 03/2022/TT-NHNN của NHNN được ban hành, Agribank đã hướng dẫn thực hiện tổ chức hội nghị triển khai đến toàn bộ chi nhánh, điểm giao dịch trên cả nước. Đến 30/9/2023, Agribank đã thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khoảng 1.000 khách hàng với hơn 8.750 khoản giải ngân, hơn 1.220 hợp đồng với doanh số cho vay đạt trên 13.300 tỷ đồng, dư nợ trên 4.560 tỷ đồng, số tiền hỗ trợ lãi suất là 77 tỷ đồng. Ngoài ra, theo rà soát của Agribank có hơn 61.000 khách hàng với dư nợ hơn 36.000 tỷ đồng đủ điều kiện nhưng từ chối nhận hỗ trợ lãi suất.

**8. Vị thế của Tổ chức niêm yết so với các doanh nghiệp khác cùng ngành**

**❖ Vị thế Tổ chức niêm yết trong ngành**

Xét về quy mô, Agribank là ngân hàng có tổng tài sản lớn thứ hai trong số các NHTM tại Việt Nam. Tính đến 31/12/2023, tổng tài sản hợp nhất của Agribank đạt 2.044.927 tỷ đồng.

Xét về kết quả kinh doanh, với lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2023 đạt 20.696 tỷ đồng, Agribank đứng vị trí thứ 4 trong ngành ngân hàng.



(Nguồn: Tổng hợp từ BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 của các NHTM)

**❖ Triển vọng phát triển của ngành**

Về cơ bản, năm 2023 là một năm đầy thách thức mà Việt Nam và toàn bộ nền kinh tế toàn cầu phải đối mặt. Những biến động kinh tế toàn cầu đã tác động đáng kể đến Việt Nam như tăng trưởng kinh tế chậm lại, áp lực lên tỉ giá USD/VND, lạm phát cao hơn gây ra thách thức và áp lực cho ngành Ngân hàng Việt Nam. Ngân hàng Standard Chartered dự báo Việt Nam đạt

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*

mức tăng trưởng GDP 6,7% trong năm 2024 (6,2% trong nửa đầu năm 2024 và 6,9% trong nửa cuối năm 2024); lạm phát sẽ tăng lên 5,5% vào năm 2024 từ mức 3,25% vào năm 2023, tăng trưởng kinh tế trung bình là 6,5 - 7,0% trong giai đoạn 2021 - 2025. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng khoảng 15% vào năm 2024 là khả thi sau mức tăng trưởng tín dụng 13,71% vào năm 2023.

Ngành Ngân hàng Việt Nam sẽ có những bước phát triển tích cực trong năm 2024. Chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) thực hiện góp phần tạo môi trường kinh tế ổn định và kiểm soát lạm phát. Những nỗ lực kiểm soát lạm phát và đảm bảo ổn định tiền tệ đóng vai trò rất quan trọng nhằm duy trì tăng trưởng kinh tế. Sự ổn định của ngành Ngân hàng cho thấy cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc hỗ trợ nền kinh tế phục hồi và phát triển.

Bối cảnh phương tiện thanh toán phát triển nhanh chóng, cùng với sự phát triển của nền tảng thanh toán qua bên thứ ba và Fintech cũng như môi trường pháp lý thay đổi sẽ tiếp tục tạo ra nhiều thách thức cho hoạt động ngân hàng, đồng thời sẽ mang đến nhiều cơ hội hợp tác và phát triển. Thực tế cho thấy, thông qua việc đổi mới liên tục và tăng cường mở rộng hợp tác sẽ tạo ra sự kết nối và hội nhập rộng rãi hơn, giúp Việt Nam đạt được sự tăng trưởng bền vững và mạnh mẽ trong tương lai.

**❖ So sánh một số chỉ tiêu tài chính của Agribank với các ngân hàng trong cùng ngành (thời điểm 31/12/2023)**

Đơn vị: Tỷ đồng

	AGRB	BID	CTG	VCB	MBB	TCB
Vốn điều lệ	41.269	57.004	53.700	55.891	52.141	35.225
Vốn chủ sở hữu	100.536	122.867	125.872	165.013	96.711	131.616
Tổng tài sản	2.044.927	2.300.869	2.032.614	1.839.613	944.954	849.482
Tiền gửi của khách hàng	1.817.271	1.704.690	1.410.899	1.395.698	567.533	454.661
Cho vay khách hàng	1.550.247	1.777.665	1.473.345	1.270.359	611.049	518.642
Thu nhập lãi thuần	55.964	56.136	52.957	53.621	38.684	27.691
Tổng thu nhập hoạt động	76.138	73.013	70.548	67.723	47.306	40.061
Lợi nhuận sau thuế	20.696	21.977	20.045	33.054	21.054	18.191

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2023 của các NHTM)

**❖ Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Agribank với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Trong năm 2024, Ngân hàng thế giới dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2024 đạt 2,4%, thấp nhất trong ba năm liên tiếp (từ mức 6,0% năm 2021 xuống 3,0% năm 2022, 2,6% năm 2023 và 2,4% năm 2024). Mức sụt giảm tăng trưởng này phản ánh tác động trễ của các chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm kiểm chế lạm phát cao, các điều kiện tín dụng hạn chế cũng như thương mại và đầu tư toàn cầu yếu. Triển vọng năm 2024 cũng cho thấy mức tăng trưởng chậm lại ở

các nền kinh tế phát triển (dự báo chỉ đạt 1,2%), nhưng cải thiện phân nạo tại các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển (dự báo đạt 3,9%)..

Ngày 15/01/2023, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2024. NHNN xác định mục tiêu và nhiệm vụ tổng quát của ngành Ngân hàng trong năm 2024, cụ thể:

- **Một là**, điều hành chính sách tiền tệ (CSTT) chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát mục tiêu năm 2024 bình quân khoảng 4-4,5%, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối và hệ thống ngân hàng.
- **Hai là**, điều hành tín dụng hài hòa với diễn biến kinh tế vĩ mô nhằm góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an toàn hoạt động của TCTD. Điều hành tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống các TCTD năm 2024 khoảng 15%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế; nghiên cứu đổi mới công tác điều hành tăng trưởng tín dụng.
- **Ba là**, triển khai quyết liệt, hiệu quả Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”, góp phần phát triển hệ thống các TCTD hoạt động lành mạnh, chất lượng, hiệu quả, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật và tiệm cận, đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Tập trung thực hiện có hiệu quả phương án xử lý các TCTD yếu kém, triển khai cơ cấu lại các ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Chỉ đạo các TCTD đẩy mạnh công tác xử lý, thu hồi nợ xấu; nâng cao chất lượng tín dụng, ngăn ngừa, hạn chế nợ xấu mới phát sinh.
- **Bốn là**, tập trung nghiên cứu, chỉnh sửa, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định về tổ chức, hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng; tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát ngành Ngân hàng. Tập trung thanh tra, kiểm tra, giám sát các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro nhằm ngăn chặn, phát hiện và xử lý nghiêm các rủi ro, tồn tại và sai phạm của TCTD, góp phần bảo đảm an ninh, kỷ luật trên thị trường tiền tệ, ngân hàng.
- **Năm là**, hực hiện có hiệu quả Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025; Chiến lược phát triển công nghệ thông tin ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tiếp tục triển khai các giải pháp đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, hoạt động ngân hàng số và đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật trong hoạt động ngân hàng.
- **Sáu là**, tăng cường kỷ cương, kỷ luật thị trường trong việc chấp hành chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc NHNN và các quy định trong hoạt động ngân hàng.
- **Bảy là**, cải cách mạnh mẽ quy định, thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính.







- **Tóm lại**, tiếp tục triển khai, giám sát có hiệu quả việc thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và các Chương trình, Kế hoạch, Đề án đã ban hành.

Để thực hiện hóa các mục tiêu, Agribank đã triển khai đồng bộ nhiều chương trình tín dụng ưu đãi đến khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân nhằm đồng hành, hỗ trợ khách hàng tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi để thúc đẩy sản xuất - kinh doanh, đáp ứng nhu cầu về tiêu dùng, nhà ở... Ngay từ đầu năm 2024, Agribank đã chủ động điều chỉnh giảm lãi suất cho vay, triển khai các chương trình tín dụng quy mô hơn 120.000 tỷ đồng với lãi suất cho vay thấp hơn từ 2,5-3% so với lãi suất thông thường để khuyến khích, hỗ trợ khách hàng. Trong thời gian tới, Agribank sẽ chủ động cân đối để phân đầu tiếp tục giảm lãi suất cho vay, cơ cấu lại nợ hỗ trợ khách hàng, nhất là doanh nghiệp; cải tiến, đơn giản hóa thủ tục, quy trình cho vay để nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng. Đồng thời, chủ động triển khai đồng bộ, linh hoạt nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng tín dụng có hiệu quả gắn với kiểm soát, nâng cao chất lượng tín dụng, hướng dòng vốn tín dụng vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên, các doanh nghiệp phục vụ cho các động lực tăng trưởng của nền kinh tế.

**9. Chính sách đối với người lao động**

**9.1. Số lượng lao động**

**Bảng: Tình hình lao động của Agribank tính đến 31/03/2024**

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Trình độ Đại học và trên Đại học	38.532	95,2%
Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	874	2,1%
Trình độ Sơ cấp	1.090	2,7%
Lao động phổ thông	0	0%
<b>Tổng số</b>	<b>40.496</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Agribank)

**9.2. Các chính sách đối với người lao động**

**9.2.1. Chế độ, điều kiện làm việc**

- Agribank thực hiện theo quy định tại Nội quy Lao động trong hệ thống Agribank số 429/NQLĐ-HĐTV-TCNS ngày 25/07/2022: Thời giờ làm việc bình thường không quá 08 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần. Người sử dụng lao động hoặc người sử dụng lao động theo ủy quyền (sau đây gọi chung là người sử dụng lao động) có thể quy định làm việc theo giờ hoặc ngày hoặc tuần; trường hợp theo tuần thì thời giờ làm việc bình thường không quá 10 giờ trong 01 ngày nhưng không quá 48 giờ trong 01 tuần. Căn cứ

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*

- yêu cầu hoạt động kinh doanh, người sử dụng lao động có thể rút ngắn thời giờ làm việc nhưng không thấp hơn 08 giờ trong 01 ngày, 40 giờ trong 01 tuần.
- Việc thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng hưởng nguyên lương, nghỉ không hưởng lương: Agribank thực hiện theo quy định tại Nội quy lao động và quy định pháp luật hiện hành .
  - Agribank bố trí nơi làm việc với đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, thuê lao động dịch vụ phục vụ bếp ăn, vệ sinh nơi làm việc, địa điểm làm việc, đảm bảo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, từ đó nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động kinh doanh.
  - Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... đối với người lao động Agribank luôn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

**9.2.2. Chính sách phúc lợi**

Trên cơ sở quy định của pháp luật và quy định trả lương, thù lao trong hệ thống Agribank, người lao động được hưởng lương theo vị trí gắn với chất lượng, hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh của đơn vị.

Ngoài ra, Agribank cũng có những chính sách về tiền thưởng cho các ngày lễ trong năm và các chế độ phúc lợi khác như: Du lịch, nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ, hiếu hi,...; các chương trình hỗ trợ người lao động (hỗ trợ người thân là thương bệnh binh...), tổ chức thăm hỏi động viên người lao động hoặc người thân nhân người lao động ốm đau, bệnh tật, tử tuất,...

**9.2.3. Chính sách đào tạo**

Hàng năm, Agribank xây dựng kế hoạch đào tạo và kiểm tra, tổ chức triển khai các chương trình đào tạo, đánh giá và báo cáo kết quả đào tạo toàn hệ thống. Các hình thức đào tạo Agribank triển khai bao gồm: đào tạo tập trung và đào tạo trực tuyến qua hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning. Nội dung các chương trình đào tạo được xây dựng hướng đến mục tiêu: (i) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước đưa hoạt động đào tạo dựa trên cơ sở khung năng lực, khung đào tạo và vị trí công việc góp phần đánh giá năng lực cán bộ, nâng cao hiệu quả công việc theo chỉ đạo của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Agribank lần thứ X nhiệm kỳ 2020-2025; (ii) Đáp ứng yêu cầu hoạt động ngân hàng thời kỳ 4.0, hỗ trợ nâng cấp sản phẩm dịch vụ ngân hàng theo hướng hiện đại, hiệu quả để gia tăng lợi nhuận đóng góp vào thành công chung của hoạt động kinh doanh; (iii) Bám sát xu hướng phát triển ngân hàng số để xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo phù hợp đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Áp dụng công nghệ trong đào tạo (E-learning), kết hợp hài hòa giữa đào tạo trực tiếp và đào tạo trực tuyến.

Năm 2023, toàn hệ thống đã tổ chức đào tạo cho 325.832 lượt người (tăng 78,7% với năm 2022), tổng số ngày đào tạo là 398.877 ngày (tăng 20,8% so với năm 2022), số ngày đào tạo bình quân đạt khoảng 9,84 ngày/người (tăng 14% so với năm 2022), trong đó Trụ sở chính

*(Handwritten signatures and stamps)*

0686  
GÂN  
NG N  
PHÁ  
ÔNG  
VIỆT  
ĐÌNH

G  
H  
KH  
3A



(đầu mỗi là Trường đào tạo cán bộ) đã thực hiện đào tạo theo Kế hoạch đào tạo và kiểm tra trong hệ thống, các Chi nhánh đã thực hiện kế hoạch tự đào tạo tại đơn vị, kết quả cụ thể như sau:

**9.2.3.1. Kết quả đào tạo theo kế hoạch đào tạo của các đơn vị trong toàn hệ thống Agribank.**

- Đào tạo tập trung do Trụ sở chính thực hiện: đến 31/12/2023 đã có 27 chương trình với 156 lớp học được tổ chức (tăng 9,9% so với năm 2022), số lượng học viên là 87.303 lượt người, số ngày đào tạo là 93.871 ngày, số ngày đào tạo tập trung bình quân đạt khoảng 2,3 ngày/người (trong đó có 04 chương trình đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng cho cán bộ làm công tác tín dụng, quan hệ khách hàng; 11 chương trình về nghiệp vụ chuyên sâu, kiến thức quản trị điều hành, đạo đức nghề nghiệp, ý thức tuân thủ pháp luật cho đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ giữ chức vụ và trong diện quy hoạch; 04 chương trình qua hệ thống E-learning; 08 chương trình đào tạo phát sinh theo nhu cầu thực tế).
- Đào tạo tại các đơn vị (tự đào tạo): đến 31/12/2023, các đơn vị trong hệ thống đào tạo được 238.529 lượt người (tăng 40,2% so với năm 2022), tổng số ngày tự đào tạo là 305.006 ngày (tăng 20,8% so với năm 2022), số ngày tự đào tạo bình quân đạt khoảng 7,5 ngày/người (tăng 13,6% so với năm 2022). Hoạt động tự đào tạo trong toàn hệ thống bao phủ khắp các lĩnh vực, từ đào tạo nghiệp vụ ngân hàng (tín dụng, kế toán, thanh toán quốc tế...) đến các lĩnh vực bổ trợ, phục vụ hoạt động kinh doanh (pháp luật, công nghệ thông tin, sản phẩm dịch vụ, marketing...).

**9.2.3.2. Tổ chức thi, kiểm tra nghiệp vụ trong hệ thống**

Năm 2023, Agribank đã tổ chức 07 đợt thi, kiểm tra nghiệp vụ quy mô toàn hệ thống với 6.630 lượt người dự thi, kết quả cụ thể như sau:

- Tổ chức kiểm tra nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác KTGS nội bộ tại TSC, VPĐD, các Chi nhánh trên địa bàn TP.Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh (tổ chức trong tháng 3/2023) với 393 người, thi trắc nghiệm trên hệ thống E-learning và thi tự luận tập trung tại Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh và các VPĐD.
- Tổ chức hội thi cán bộ tín dụng giỏi Agribank toàn quốc năm 2023 (tổ chức trong tháng 3/2023) với 12.445 người thi vòng 1 tại các CN và 328 người thi tập trung tại Hà Nội.
- Tổ chức 02 đợt kiểm tra nghiệp vụ năm 2023 đối với cán bộ tại TSC và VPĐD (đợt 1 trong tháng 7/2023, đợt 2 trong tháng 10/2023) với 2.397 lượt người qua 02 đợt, thi trắc nghiệm trên hệ thống E-learning tập trung tại Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh và các VPĐD (đợt 1 có sự giám sát trực tiếp của Trường ĐTCB; đợt 2 giám sát qua camera).
- Tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng cán bộ tín dụng trên địa bàn TP.Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh (tổ chức trong tháng 7/2023) với 2.618 người, kiểm tra trắc nghiệm trên hệ thống E-learning và tự luận tại Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh.
- Tổ chức kiểm tra nghiệp vụ cho Trường phòng cấp tín dụng tại Chi nhánh loại I và Giám đốc Chi nhánh loại II (tổ chức trong tháng 9/2023) với 894 người, thi trắc nghiệm trên hệ thống E-learning tại các đơn vị trong hệ thống (giám sát qua camera).

*(Handwritten signatures and stamps)*

74-C  
HÀNG  
GHIẾP  
TRIE  
THÔN  
NAM  
TP. H

T.C  
Y  
N  
JAN  
IK  
P.V

Bên cạnh đó, trong tháng 12/2023, các đơn vị trong hệ thống đã tổ chức thi giao dịch viên giỏi vòng 1 tại các chi nhánh và đã lựa chọn 288 người sẽ tiếp tục tham gia thi vòng 2 toàn quốc trong Quý I/2024

### 10. Chính sách cổ tức

Do là ngân hàng có 100% vốn của Nhà nước nên chính sách lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Agribank được quyết định bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

### 11. Tình hình hoạt động tài chính

#### 11.1. Chỉ tiêu chủ yếu

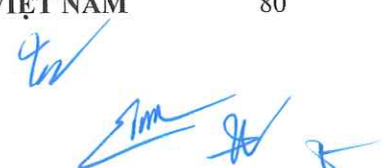
Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
<b>1. Quy mô vốn</b>		
- Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	34.447	41.269
- Tổng tài sản có (Tỷ đồng)	1.874.839	2.044.927
- Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (riêng lẻ)	10,6%	9,2%
<b>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>		
- Huy động tiền gửi khách hàng (Tỷ đồng)	1.623.935	1.817.271
- Dư nợ cho vay khách hàng (Tỷ đồng) (Tổng dư nợ cho vay nền kinh tế)	1.443.264	1.550.247
- Doanh số thu nợ khách hàng (Tỷ đồng)	1.894.976	2.096.100
- Nợ quá hạn (Tỷ đồng)	61.344	61.060
- Nợ xấu (Nợ khó đòi) (Tỷ đồng)	26.064	28.720
- Hệ số sử dụng vốn (Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung và dài hạn)	25,18%	23,12%
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0%	0%
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (Dư nợ cho vay khách hàng)	4,25%	3,94%
- Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ (Dư nợ cho vay khách hàng)	1,81%	1,85%
<b>3. Khả năng thanh toán</b>		
- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	16,60%	16,35%
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR)	82,83%	82,38%
Tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày đối với VND	116,24%	183,05%
Tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày đối với ngoại tệ quy đổi USD	160,58%	204,25%

(Nguồn: Agribank)

#### 11.2. Chỉ tiêu khác

##### a) Tình hình các tài sản có khác

Hiện nay, Agribank còn một số các khoản phải thu từ các hoạt động đầu tư, cung cấp dịch vụ bảo hiểm, nộp thừa thuế thu nhập doanh nghiệp..., cụ thể như sau:



**Các khoản phải thu (Hợp nhất)**
*Đơn vị: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
Các khoản phải thu	9.971	8.293
Các khoản lãi, phí phải thu	10.958	13.675
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1	2
Tài sản Có khác	1.873	3.510
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(1.765)	(1.756)
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.038</b>	<b>23.724</b>

*(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)*
**Các khoản phải thu (Công ty mẹ)**
*Đơn vị: Tỷ đồng*

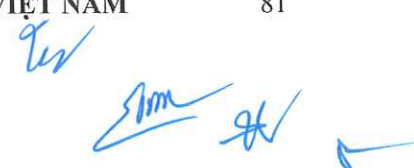
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
Các khoản phải thu	9.462	7.623
Các khoản lãi, phí phải thu	10.896	13.589
Tài sản có khác	1.310	2.988
Các khoản dự phòng rủi ro khác	(1.295)	(1.296)
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.373</b>	<b>22.904</b>

*(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023)*
**b) Tình hình công nợ**

Agribank thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản công nợ phải trả và bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Chi tiết tình hình công nợ phải thu và phải trả như sau:

**Công nợ các khoản phải trả (Hợp nhất)**
*Đơn vị: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
Các khoản lãi, phí phải trả	28.709	39.837
Tài sản thuế TNDN hoãn lại phải trả	6	6
Các khoản phải trả và công nợ khác	13.363	17.333
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.078</b>	<b>57.176</b>

*(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)*


Công nợ các khoản phải trả (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chi tiêu	31/12/2022	31/12/2023
Các khoản lãi, phí phải trả	28.758	39.869
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	2	2
Các khoản phải trả và công nợ khác	11.060	14.812
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.820</b>	<b>54.683</b>

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023)

c) Trái Phiếu chưa đáo hạn

Đến thời điểm hiện tại, tổng dư nợ Trái Phiếu do Agribank đã phát hành nhưng chưa đáo hạn là 50.928.877 triệu đồng theo mệnh giá, bao gồm cả Trái Phiếu phát hành riêng lẻ và ra công chúng.

Toàn bộ Trái Phiếu đã phát hành của Agribank đều là Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 theo quy định của NHNN (được gọi là Trái Phiếu tăng vốn).

Thông tin chi tiết về các Trái Phiếu chưa đáo hạn của Agribank như sau:

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Mệnh giá (đồng)	Giá trị mệnh giá (triệu đồng)	Đặc điểm, loại Trái Phiếu
<b>I</b>	<b>Trái Phiếu phát hành ra công chúng</b>					
1.	Agribank182801	25/12/2018	10 năm	1.000.000	3.961.937	Trái Phiếu tăng vốn
2.	Agribank192601	24/09/2019	07 năm	1.000.000	4.997.673	Trái Phiếu tăng vốn
3.	Agribank202703	24/12/2020	07 năm	1.000.000	4.617.921	Trái Phiếu tăng vốn
4.	VBA121033	31/12/2021	07 năm	1.000.000	1.769.146	Trái Phiếu tăng vốn
5.	VBA122001	30/12/2022	08 năm	100.000	10.000.000	Trái Phiếu tăng vốn
6.	VBA123036	05/12/2023	08 năm	100.000	10.000.000	Trái Phiếu tăng vốn
<b>Tổng cộng</b>					<b>35.346.677</b>	
<b>II</b>	<b>Trái Phiếu phát hành riêng lẻ</b>					
1.	AGRIBANK BOND-15	02/12/2015	10 năm	1.000.000.000	4.350.000	Trái Phiếu tăng vốn
2.	Agribank2027012	24/09/2020	07 năm	1.000.000.000	2.000.000	Trái Phiếu tăng vốn
3.	Agribank2027021	30/10/2020	07 năm	500.000.000	76.500	Trái Phiếu tăng vốn
4.	Agribank2027022	30/10/2020	07 năm	1.000.000.000	387.000	Trái Phiếu tăng vốn
5.	Agribank2027041	15/12/2020	07 năm	500.000.000	117.000	Trái Phiếu tăng vốn

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Mệnh giá (đồng)	Giá trị mệnh giá (triệu đồng)	Đặc điểm, loại Trái Phiếu
6.	Agribank2027042	15/12/2020	07 năm	1.000.000.000	630.000	Trái Phiếu tăng vốn
7.	VBA12101	08/04/2021	07 năm	500.000.000	300.000	Trái Phiếu tăng vốn
8.	VBA12102	08/04/2021	07 năm	1.000.000.000	1.489.000	Trái Phiếu tăng vốn
9.	VBA12127	30/08/2021	10 năm	100.000.000	1.200.000	Trái Phiếu tăng vốn
10.	VBA12103	28/10/2021	07 năm	100.000.000	1.000.000	Trái Phiếu tăng vốn
11.	VBA12104	30/11/2021	07 năm	100.000.000	1.057.700	Trái Phiếu tăng vốn
12.	VBA12105	22/12/2021	07 năm	100.000.000	600.000	Trái Phiếu tăng vốn
13.	VBA12206	15/04/2022	07 năm	100.000.000	1.140.000	Trái Phiếu tăng vốn
14.	VBA12207	30/06/2022	10 năm	1.000.000.000	200.000	Trái Phiếu tăng vốn
15.	VBA12208	10/08/2022	10 năm	1.000.000.000	600.000	Trái Phiếu tăng vốn
16.	VBA12209	16/09/2022	10 năm	1.000.000.000	435.000	Trái Phiếu tăng vốn
<b>Tổng cộng</b>					<b>15.582.200</b>	

Đối với Trái Phiếu chưa đáo hạn nói trên, Agribank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành Trái Phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn với tiền gốc, lãi Trái Phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

#### d) Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản thuế và nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật hiện hành đã được Agribank thực hiện kê khai và thanh toán cho các cơ quan thuế đầy đủ và đúng hạn, bảo đảm tuân thủ và phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	01/01/2023 Phải trả	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	Biến động khác	31/12/2023 Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	58	611	(609)	-	61
Thuế thu nhập doanh nghiệp	503	5.058	(3.082)	1.714	2.482
Các loại thuế khác	101	1.239	(1.222)	-	118
<b>Tổng</b>	<b>662</b>	<b>6.908</b>	<b>(4.913)</b>	<b>1.714</b>	<b>2.661</b>

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023)

#### e) Trích lập các quỹ

Agribank tuân thủ và thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ được Agribank sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng. Tình hình trích lập các quỹ trong 02 năm gần

74-C  
HÀNG  
NGHIỆP  
PHÁT TRIỂN  
NÔNG THÔN  
VIỆT NAM  
TP. HÀ

nhất của Agribank:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Lợi nhuận chưa phân phối (năm 2022)	Lợi nhuận chưa phân phối (năm 2023)
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>8.864</b>	<b>19.456</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>17.899</b>	<b>20.541</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	17.899	20.541
Điều chỉnh quỹ trong năm		
Tăng khác		
<b>Giảm trong năm</b>	<b>(7.307)</b>	<b>(25.751)</b>
Công ty con tăng vốn điều lệ từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức		(110)
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu		(11.748)
Trích quỹ của các công ty con	(90)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(6.530)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi công ty con	(50)	
Trích quỹ thưởng ban quản lý, điều hành		(5)
Thoái vốn công ty con		
Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước	15	
Chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước ("NSNN") trong năm	(6.739)	(7.370)
Quyết toán khoản tạm chuyển lợi nhuận về NSNN năm trước	(453)	
Biến động khác	10	12
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>19.456</b>	<b>14.246</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)

**f) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

Kinh tế Việt Nam năm 2023 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp. Tình hình hình thế giới biến động khó lường, ảnh hưởng sau đại dịch Covid-19 và xung đột giữa các quốc gia, lạm phát tăng cao trên toàn cầu, chính sách thắt chặt tiền tệ của một số nước. Nền kinh tế nước ta chịu nhiều ảnh hưởng do có độ mở lớn, phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu, nhập khẩu. Bên cạnh đó, vốn của nền kinh tế lại phụ thuộc vào ngân hàng, tỷ lệ tín dụng/GDP đã ở mức cảnh báo, tăng trưởng kinh tế nửa đầu năm chậm lại. Việc điều hành chính sách tiền tệ cũng không nằm ngoài thách thức đó.

Bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đồng thời theo dõi sát diễn biến kinh tế vĩ mô, NHNN đã lãnh đạo, chỉ đạo toàn hệ thống thực hiện quyết liệt nhiều giải pháp để kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối.

Là Ngân hàng thương mại Nhà nước luôn giữ vai trò đi đầu trong việc thực hiện các mục tiêu, chính sách của Chính phủ, cung ứng vốn cho nền kinh tế, đến nay, Agribank có hơn 3 triệu khách hàng là hộ gia đình, cá nhân và doanh nghiệp vay vốn với tổng dư nợ gần 1,5 triệu tỷ đồng. Dư nợ cho vay của Agribank tại khu vực Hà Nội đạt 134 ngàn tỷ đồng. Đối tượng khách hàng của Agribank trên địa bàn chủ yếu là khách hàng cá nhân, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa với quy mô hoạt động không lớn, do đó, chịu nhiều tác động, ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh những tháng vừa qua. Hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ đều hoạt động cầm chừng, rất hạn chế mở rộng quy mô, hoạt động giảm hiệu quả...

Trên cơ sở bám sát định hướng chỉ đạo của Chính phủ, NHNN, trong thời gian qua, Agribank đã chủ động triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp hỗ trợ nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp trên địa bàn Thủ đô nói riêng, chủ động giảm lãi suất huy động để có điều kiện giảm lãi suất cho vay; cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ; triển khai các chương trình tín dụng ưu đãi lãi suất với tổng quy mô hơn 60.000 tỷ đồng dành cho nhiều đối tượng khách hàng: doanh nghiệp nhỏ và vừa, lĩnh vực lâm thủy sản, khách hàng xuất nhập khẩu, bất động sản... Lãi suất cho vay của Agribank hiện nay ở mức cạnh tranh và thấp nhất trên thị trường. Đối với nhu cầu vay mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, mức lãi suất cho vay ngắn hạn chỉ từ 5%/năm, lãi suất cho vay trung dài hạn chỉ từ 6,7%/năm.

Mặc dù đã tích cực triển khai nhiều giải pháp nhưng tín dụng của Agribank nói riêng cũng như toàn ngành ngân hàng vẫn tăng trưởng hạn chế so với cùng kỳ năm trước, phản ánh khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế, khó khăn của doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm, mở rộng sản xuất kinh doanh.

**12. Hội đồng thành viên, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng**

**12.1. Hội đồng thành viên**

Họ và tên	Chức vụ
• Ông Phạm Đức Ân	Chủ tịch HĐQT
• Ông Phạm Toàn Vượng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
• Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên HĐQT

*(Handwritten signatures and stamps)*

Họ và tên	Chức vụ
• Ông Trần Văn Dũng	Thành viên HĐQT
• Bà Nguyễn Tuyết Dương	Thành viên HĐQT
• Bà Nguyễn Thị Thảo	Thành viên HĐQT
• Ông Nguyễn Minh Phương	Thành viên HĐQT
• Ông Lê Xuân Trung	Thành viên HĐQT
• Bà Từ Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT
• Ông Phạm Đức Tuấn	Thành viên HĐQT

➤ **Chủ tịch Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Phạm Đức Ân**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/02/1970

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 040070000255, Ngày cấp: 25/04/2021, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nghệ An

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1994 – 2000	Cán bộ Pháp chế Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam
Từ 2000 – 2001	Phó Trưởng phòng Pháp chế Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam
Từ 2001 – 2004	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Pháp chế Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam
Từ 2004 – 2006	Trưởng phòng Pháp chế Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam
Từ 2006 – 2009	Giám đốc Ban Pháp chế Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam
Từ 2009 – 2011	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh tỉnh Hưng Yên
Từ 2011 – 2014	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam
Từ 2014 – 2017	Phó Chủ tịch HĐQT Agribank
Từ 8/2017 –	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank

*Handwritten signatures and stamps in blue ink.*

317  
 I HÀ  
 NG  
 AT T  
 G TH  
 T NA  
 H - T  
 T.C  
 Y  
 N  
 AN  
 IK  
 P



Thời gian	Quá trình công tác
12/2018	
Từ 1/2019 – 4/2020	Chánh Văn phòng NHNN
Từ 5/2020 – 7/2022	Chủ tịch HĐQT Agribank
Từ 07/2020 – nay	Chủ tịch HĐQT Agribank, Đại biểu Quốc hội khóa XV
Từ 03/2021 – nay	Chủ tịch HĐQT Agribank, Chủ tịch Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam nhiệm kỳ VII, Thành viên Hội đồng Hiệp hội ngân hàng Quốc gia Asean
Từ 09/2021 – nay	Chủ tịch HĐQT Agribank, Thành viên Hội đồng Quản trị Hiệp hội Ngân hàng Châu Á nhiệm kỳ 2021 – 2023
Từ 06/2022 – 8/2022	Chủ tịch HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự
Từ 07/2022 – nay	Chủ tịch HĐQT Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Chủ tịch HĐQT Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng Quản trị Hiệp hội Ngân hàng Châu Á, Thành viên Hội đồng Hiệp hội Ngân hàng Quốc gia Asean, Chủ tịch Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam nhiệm kỳ VII, Đại biểu Quốc hội khóa XV, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Phạm Toàn Vượng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/5/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036076006776, Ngày cấp: 31/12/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam



Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1999 - 2000	Chuyên viên Ban Quan hệ quốc tế Agribank
Từ 2000 - 2002	Chuyên viên Ban Thư ký pháp chế Agribank
Từ 2002 - 2004	Chuyên viên Phòng Kinh doanh Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank
Từ 2004 - 2005	Tổ phó phụ trách Tổ kiểm tra, kiểm toán nội bộ Agribank Chi nhánh Quảng An
Từ 2005 - 2006	Phó phòng phụ trách phòng Nguồn vốn và Kế hoạch tổng hợp Agribank Chi nhánh Quảng An
Từ 2006 - 2007	Trưởng phòng Nguồn vốn và Kế hoạch tổng hợp Agribank Chi nhánh Quảng An
Từ 2007 - 2008	Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Hồng Hà
Từ 2008 - 2012	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Mỹ Đình
Từ 2013 - 2015	Giám đốc Agribank Chi nhánh Mỹ Đình
Từ 06/2015 - 10/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 01/2017 - nay	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam
Từ 05/2021 - 10/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và giám sát tuân thủ
Từ 10/2022 - 11/2022	Phó Tổng Giám đốc phụ trách ban điều hành Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và giám sát tuân thủ
Từ 12/2022 - 02/2023	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và giám sát tuân thủ
Từ 02/2023 - nay	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày



17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Nguyễn Minh Trí**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/12/1963

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 079063028666, Ngày cấp: 14/03/2022, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1985 – 1988	Cán bộ Tín dụng NHNN Chi nhánh Thị xã Vĩnh Long, Tỉnh Cửu Long
Từ 1988 – 1992	Cán bộ Tín dụng Agribank Chi nhánh Tỉnh Cửu Long
Từ 1992 – 1994	Phó Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Agribank Chi nhánh Tỉnh Trà Vinh
Từ 1995 – 1998	Kinh tế viên Văn phòng Đại diện Agribank khu vực miền Nam
Từ 1998 – 2001	Trưởng phòng Công ty cho thuê tài chính II Agribank (ALCII)
Từ 2001 – 2002	Phó Giám đốc ALC II kiêm Giám đốc ALC II tại Đà Nẵng
Từ 2002 – 2003	Phó Giám đốc ALC II
Từ 2003 – 2010	Giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý TP. Hồ Chí Minh, Agribank
Từ 2010 – 2012	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý TP HCM và Chủ tịch Hội đồng Quản trị ALC II
Từ 2012 – 2019	Thành viên Hội đồng thành viên Agribank
Tháng 06/2019	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank
Từ 06/2019 – 07/2019	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank, phụ trách Văn Phòng Đại diện Agribank Khu vực Miền Nam.
Từ 7/2019 – 02/2020	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư, Trưởng Văn Phòng Đại diện Khu vực Agribank Miền Nam
Từ 02/2020 – 05/2020	Thành viên HĐQT, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư, Trưởng Văn Phòng Đại diện Agribank Khu vực Miền Nam
Từ 05/2020 – nay	Thành viên HĐQT, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro Agribank, Trưởng Văn Phòng Đại diện Agribank Khu vực Miền Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Thành viên HĐQT, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro, Trưởng Văn Phòng Đại diện Khu vực Miền Nam Agribank



Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Trần Văn Dũng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 06/12/1966

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 042066000202, Ngày cấp: 30/10/2017, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kinh tế

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1994 – 2001	Cán bộ Ban Thư ký pháp chế Agribank
Từ 2001 – 2004	Cán bộ Ban Quan hệ quốc tế Agribank
Từ 2004 – 2005	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Quản lý rủi ro Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 2005 – 2009	Trưởng phòng Quản lý rủi ro Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 2009 – 2014	Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 01/2014 – 10/2014	Trưởng ban Thư ký HĐQT Agribank
Từ 10/2014 – 08/2022	Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 01/09/2022 – nay	Thành viên HĐQT Agribank
Từ 05/09/2022 – nay	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Thành viên HĐQT kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Nguyễn Tuyết Dương**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 25/12/1968

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001168002410, Ngày cấp: 10/3/2015, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1995 – 1997	Chuyên viên tập sự Vụ Pháp chế NHNN
Từ 1997 – 2003	Chuyên viên Vụ Pháp chế NHNN
Từ 2003 – 2005	Phó Trưởng phòng Vụ Pháp chế NHNN
Từ 2005 – 2008	Trưởng phòng Vụ Pháp chế NHNN
Từ 02/2008 – 12/2018	Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế NHNN
Từ 01/2019 – nay	Thành viên HĐQT Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐQT Agribank  
 Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các



quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Thảo**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 10/10/1979

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 037179001768, Ngày cấp: 10/10/2017, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Ninh Bình

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2001 – 2007	Cán bộ phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Láng Hạ
Từ 2007 – 2012	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Láng Hạ
Năm 2012	Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Láng Hạ
Từ 2012 – 2013	Trưởng phòng Thẩm định Agribank Chi nhánh Láng Hạ
Từ 2013 – 2016	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Láng Hạ
Từ 09/2016 – 04/2019	Giám đốc Agribank Chi nhánh Láng Hạ
Từ 04/2019 – 08/2022	Phó Chủ nhiệm chuyên trách Ủy ban Nhân sự Agribank
Từ 01/9/2022 – nay	Thành viên HĐQT Agribank
Từ 05/09/2022 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank
Từ 03/2023 – nay	Thành viên HĐQT, Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐQT Agribank, Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

*Tax*

*Sim H R*



➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Nguyễn Minh Phương**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 20/11/1968

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 025068000023, Ngày cấp: 26/12/2022, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Phú Thọ

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1988 – 1996	Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phú
Từ 1997 – 1998	Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Phú Thọ
Từ 1998 – 2001	Chuyên viên Ban Hạch toán kinh doanh Agribank
Từ 2001 – 2002	Phó Trưởng phòng Tổng hợp Trung tâm thanh toán Agribank
Từ 2002 – 2003	Trưởng phòng Tổng hợp Trung tâm thanh toán Agribank
Từ 2003 - 2003	Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 2003 - 2004	Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 2004 - 2014	Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank
Từ 10/2014 – 11/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 01/2015 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS)
Từ 11/2018 - 11/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Thành viên Hội đồng quản trị ALCI
Từ 12/2022 – 10/2023	Thành viên HĐQT Agribank; Thành viên HĐQT ALCI
Từ 08/2023 – 10/2023	Thành viên HĐQT Agribank kiêm Thành viên HĐQT ALCI, Chủ nhiệm Ủy ban Đầu Tư Agribank
Từ 11/2023 – 02/2024	Thành viên HĐQT Agribank, Thành viên phụ trách HĐQT ALCI.
Từ 08/2023 – nay	Thành viên HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư

*Ghi chú: Hội đồng thành viên Agribank đã có Nghị quyết thôi kiêm nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị ALC I đối với ông Nguyễn Minh Phương, ALC I đang báo cáo NHNN theo quy định.*

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Thành viên HĐQT Agribank, Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thành viên phụ trách Hội đồng quản trị ALCI, Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS)

Tu

mm 20/8

86  
AN  
VG  
PHÁ  
ÔNG  
VIỆ  
ĐINH

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Lê Xuân Trung**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 09/12/1970

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001070001885, Ngày cấp: 20/7/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1994 - 1994	Cán bộ phòng Tín dụng Quốc doanh Trung tâm Điều hành Agribank
Từ 1994 - 1996	Cán bộ phòng Dự án lớn, Khối Tín dụng Trung tâm Điều hành Agribank
Từ 1996 - 1998	Cán bộ phòng Tín dụng Nông nghiệp Khối Tín dụng Trung tâm Điều hành Agribank
Từ 1998 - 2001	Cán bộ Tín dụng Doanh nghiệp Agribank
Từ 2001 - 2007	Cán bộ Ban Tín dụng Agribank
Từ 2007 - 2009	Phó Chánh Văn phòng Trụ sở chính Agribank
Từ 2009 - 2012	Phó Trưởng ban Thư ký Hội đồng Quản trị (nay là Ban Thư ký HĐQT) Agribank
Từ 2012 - 2014	Phó Trưởng ban Tín dụng doanh nghiệp (sau là Ban Khách hàng doanh nghiệp) Agribank
Năm 2014	Quyền Trưởng ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank
Từ 2014 - 2015	Trưởng ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank
Từ 2016 - 2017	Trưởng ban Khách hàng lớn Agribank
Từ 2017 - 11/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 04/2018 - 06/2021	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank





Thời gian	Quá trình công tác
Từ 6/2021 - 3/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank, kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Tây Hồ
Từ 3/2022 - 5/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank
Từ 01/12/2022 - nay	Thành viên HĐQT Agribank
Từ 01/6/2023 - nay	Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐQT Agribank, Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Từ Thị Kim Thanh**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 20/11/1972

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001172008280, Ngày cấp: 04/7/2016, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 5/1995 - 10/1998	Chuyên viên Vụ Quản lý các Tổ chức tín dụng hợp tác
Từ 10/1998 - 6/2005	Chuyên viên Văn phòng NHNN




NG  
 HIỆP  
 RIỂN  
 ION  
 M  
 P. HA

<b>Thời gian</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Từ 6/2005 - 9/2008	Phó Trưởng phòng Tổng hợp – Văn phòng NHNN
Từ 9/2008 - 11/2011	Trưởng phòng Tổng hợp thuộc Văn phòng NHNN
Từ 11/2011 - 11/2022	Phó Chánh văn phòng NHNN
Từ ngày 01/12/2022 - nay	Thành viên HĐQT Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐQT Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: **Phạm Đức Tuấn**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 25/7/1969

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036069000002, Ngày cấp: 12/10/2012, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

<b>Thời gian</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Từ 1992 – 1994	Cán bộ phòng Quan hệ quốc tế Agribank
Từ 1994 – 1999	Cán bộ Sở kinh doanh hối đoái Agribank
Từ 1999 – 2004	Trưởng phòng SWIFT Sở giao dịch hối đoái (Sở giao dịch) Agribank
Từ 2004 - 2005	Trưởng phòng SWIFT Sở Quản lý kinh doanh vốn và ngoại tệ Agribank
Từ 2005 – 2007	Trưởng phòng Ủy ban Quản lý Tài sản Có – Tài sản Nợ Agribank
Năm 2007	Cán bộ phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank.



Từ 2007 – 2008	Phó Trưởng phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank
Từ 2008 – 2009	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank
Từ 2009 – 2013	Trưởng phòng, Trưởng ban Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank
Từ 2013 – 2015	Trưởng ban Kế hoạch nguồn vốn Agribank
Năm 2015	Trưởng ban Định chế tài chính Agribank
Từ 2015 - 2016	Trưởng ban Tổ chức Lao động và Tiền lương kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank
Từ 2016 - 2017	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Tổ chức Lao động và Tiền lương kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank
Từ 03/2017 – 05/2020	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 12/2019 – nay	Phó Chủ tịch Hiệp hội Thị trường Trái Phiếu Việt Nam (VBMA)
Từ 06/2020 – 12/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC)
Từ 12/2022 – 08/2023	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 08/2023 - nay	Thành viên HĐQT Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐQT Agribank  
 Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Chủ tịch Hiệp hội Thị trường Trái Phiếu Việt Nam (VBMA)  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không  
 Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

### 12.2. Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
• Ông Trần Trọng Dương	Trưởng Ban kiểm soát
• Ông Bùi Hồng Quảng	Thành viên Ban kiểm soát
• Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên Ban kiểm soát
• Ông Nguyễn Xuân Hùng	Thành viên Ban kiểm soát



➤ **Trưởng Ban Kiểm soát**

Họ và tên: **Trần Trọng Dưỡng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 10/11/1964

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 037064006839, Ngày cấp: 10/5/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Ninh Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1985 – 1987	Cán bộ Kế hoạch Chi nhánh NHNN huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải
Từ 1988 – 1990	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Agribank Chi nhánh Huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải
Từ 1990 – 1992	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải
Từ 1993 – 1995	Trưởng phòng Kinh doanh Agribank Chi nhánh Khu vực Bình Minh, Huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải
Năm 1996	Trưởng phòng Tín dụng Ngân hàng phục vụ người nghèo Thị xã Cà Mau, Tỉnh Minh Hải
Năm 1997	Phó Trưởng phòng Kinh doanh Agribank Chi nhánh Tỉnh Bạc Liêu
Từ 1997 – 2001	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Tỉnh Bạc Liêu
Từ 2001 – 2008	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Tỉnh Bạc Liêu
Từ 2008 – 2011	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Hùng Vương, Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 2011 – 2012	Phó Giám đốc Phụ trách Agribank Chi nhánh Bình Chánh
Từ 2012 – 2015	Giám đốc Agribank Chi nhánh Bình Chánh
Từ 10/2015 – 08/2017	Giám đốc Agribank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 08/2017 – nay	Trưởng Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Trưởng Ban Kiểm soát Agribank

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*

617  
N HÀ  
NGH  
IÁT TI  
IG TH  
T NA  
H - TR

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên: **Bùi Hồng Quảng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 31/08/1970

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 017070000097, Ngày cấp: 18/12/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hòa Bình

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1994 - 2001	Cán bộ phòng Kế toán Ban Hạch toán kinh doanh Trung tâm Điều hành Agribank
Từ 2001 - 2003	Phó Trưởng phòng Kế toán Ngân quỹ Agribank Chi nhánh Bắc Hà Nội
Từ 2003 - 2007	Giám đốc Agribank Chi nhánh Kim Mã thuộc Agribank Chi nhánh Bắc Hà Nội
Từ 2007 - 2014	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Bắc Hà Nội
Từ 05/2014 - 09/2014	Trưởng Kiểm toán nội bộ thuộc Ban Kiểm soát Agribank
Từ 10/2014 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: - Không



NG  
HIỆP  
HIỂN  
ÔN  
W  
HÀ N

Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trường BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên: **Hoàng Văn Thắng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 04/7/1966

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 038066001130, Ngày cấp: 10/07/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1990 - 1991	Cán bộ Phòng đại diện Bim Sơn, NHNN Chi nhánh Tỉnh Thanh Hóa
Từ 1992 - 1993	Cán bộ phòng Kế toán Ngân hàng Công thương Chi nhánh Bim Sơn, Tỉnh Thanh hóa
Từ 1993 - 1997	Cán bộ phòng Kế toán Ngân hàng Công thương Chi nhánh Tỉnh Thanh Hóa
Từ 1997 - 1999	Cán bộ phòng Giám sát và phân tích, Vụ Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 1999 - 2006	Thanh tra viên, phòng Giám sát và phân tích Vụ Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 2006 - 2008	Thanh tra viên chính, phòng Giám sát và phân tích Vụ Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 2008 - 2009	Phó Trưởng phòng Giám sát và phân tích, Vụ Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 2009 - 2012	Trưởng phòng Tổng hợp và thu thập, xử lý thông tin Vụ Giám sát Ngân hàng, Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



Thời gian	Quá trình công tác
Từ 12/2012 - 09/2014	Phó Vụ trưởng Vụ Giám sát Ngân hàng, Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ 10/2014 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank  
 Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên: **Nguyễn Xuân Hùng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 11/10/1974

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 024074000385, Ngày cấp: 24/08/2022, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 10/1998 - 2001	Cán bộ tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Như Xuân Thanh Hóa
Từ 2001 - 2003	Phó Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Như Xuân Thanh Hóa
Từ 2005 - 10/2006	Phó giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Như Xuân Thanh Hóa
Từ 10/2006 - 9/2015	Cán bộ Ban Kiểm tra, kiểm soát nội bộ
Từ 10/2015 - 7/2017	Cán bộ Ban thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo xử lý nợ Agribank
Từ 8/2017 - 11/2019	Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank
Từ 11/2019 - 3/2020	Phó Tổng giám đốc phụ trách điều hành Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank



886  
 AN  
 VG I  
 PHA  
 ONG  
 VIET  
 DINH  
 T.T.  
 Y  
 N  
 DA  
 IK  
 P

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 3/2020 - 11/2022	Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank
Từ 01/12/2022 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank  
 Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

### 12.3. Ban Điều hành

Họ và tên	Chức vụ
• Ông Phạm Toàn Vượng	Tổng Giám đốc
• Bà Nguyễn Thị Phụng	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Hoàng Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Lê Hồng Phúc	Phó Tổng Giám đốc
• Bà Phùng Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Tô Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Trần Văn Dự	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Nguyễn Quang Hùng	Phó Tổng Giám đốc
• Ông Đoàn Ngọc Lưu	Phó Tổng Giám đốc

➤ **Tổng Giám đốc**

Đã trình bày tại Mục 12.1 phần IV.

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Phụng**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 29/3/1968

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001168015074, Ngày cấp: 27/12/2018, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.





Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Năm 1992	Nhân viên tập sự tại phòng Quan hệ quốc tế Agribank
Từ 1992 - 1994	Nhân viên phòng Kinh doanh đối ngoại Agribank
Từ 1994 – 1999	Nhân viên Sở kinh doanh hối đoái Agribank
Từ 1999 – 2001	Phó Trưởng phòng Thanh toán quốc tế Sở giao dịch Agribank
Từ 2001 – 2002	Trưởng phòng Thanh toán quốc tế Sở giao dịch Agribank
Từ 2002 – 2004	Phó Ban Quan hệ quốc tế Agribank
Từ 2004 – 2006	Trưởng Ban Quan hệ quốc tế Agribank
Từ 2006 - 2011	Phó Giám đốc Sở giao dịch Agribank
Từ 2011 - 2014	Giám đốc Sở giao dịch Agribank
Từ 06/2014 – 07/2020	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 07/2020 – 05/2021	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng ban Truyền Thông
Từ 05/2021 – 03/2023	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng khối Truyền thông và phát triển thương hiệu Agribank
Từ 03/2023 – nay	Phó Tổng Giám đốc, Trưởng khối Truyền thông và Phát triển thương hiệu

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Phó Tổng Giám đốc, Trưởng khối Truyền thông và Phát triển thương hiệu

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Agribank:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:

Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Hoàng Minh Ngọc**



C.T.Đ.  
 G.Đ.P.  
 I.Đ.N.  
 H.A.N.

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 27/04/1977.

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 042077000267, ngày cấp: 17/8/2022, nơi cấp: Cục CS quản lý hành chính về TTXH.

Dân tộc: Kinh.

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 01/2001 – 02/2004	Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh tỉnh Gia Lai
Từ 02/2004 – 5/2005	Nhân viên Tín dụng Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 5/2005 – 4/2008	Trưởng phòng giao dịch số 16 Khu Công nghiệp Thăng Long thuộc Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 5/2008 – 10/2010	Giám đốc Phòng giao dịch số 16 Khu Công nghiệp Thăng Long thuộc Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 10/2010 – 4/2013	Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 5/2013 – 4/2014	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 5/2014 – 6/2014	Quyền Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 6/2014 – 4/2023	Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm
Từ 4/2023 - nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 11/2023 – nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm  
Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

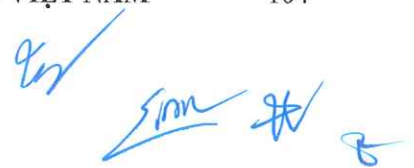
Các khoản nợ đối với Agribank:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:

Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trường BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.



**➤ Phó Tổng Giám đốc**
**Họ và tên: Lê Hồng Phúc**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/12/1976.

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 030076006999, ngày cấp: 12/4/2022, nơi cấp: Cục CS quản lý hành chính về TTXH..

Dân tộc: Kinh.

Nơi sinh: Hải Dương.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ.

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 11/1998 – 12/1998	Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương
Từ 01/1999 – 10/2001	Nhân viên Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương
Từ 10/2001 – 4/2003	Phó Trưởng phòng Tín dụng thuộc Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương
Từ 5/2003 – 4/2005	Giám đốc Phòng giao dịch Ngũ Hành thuộc Agribank Chi nhánh Thanh Miện Hải Dương
Từ 4/2005 – 02/2008	Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương
Từ 02/2008 – 11/2009	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương
Từ 12/2009 – 3/2010	Quyền Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Ninh Giang, Hải Dương
Từ 4/2010 – 10/2015	Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Ninh Giang, Hải Dương
Từ 11/2015 – 9/2017	Phó Chánh Văn phòng Trụ sở chính Agribank
Từ 10/2017 – 12/2018	Giám đốc Agribank Chi nhánh Hải Dương II
Từ 01/2019 – 4/2023	Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Hải Dương
Từ 4/2023 - nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số



2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Phùng Thị Bình**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 08/03/1977.

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036177011959, ngày cấp: 29/7/2022, nơi cấp: Cục CS quản lý hành chính về TTXH

Dân tộc: Kinh.

Nơi sinh: Nam Định.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ.

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 12/1998 – 3/2000	Nhân viên phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Nam Sài Gòn
Từ 3/2000 – 6/2005	Nhân viên phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Sở giao dịch
Từ 6/2005 – 3/2013	Phó Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Sở giao dịch
Từ 3/2013 – 10/2014	Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Sở giao dịch
Từ 10/2014 – 12/2015	Phó Trưởng ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank
Từ 01/2016 – 01/2016	Phó Trưởng ban phụ trách điều hành ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank
Từ 02/2016 – 02/2017	Phó Trưởng ban Tín dụng Agribank
Từ 3/2017 – 8/2017	Phó Trưởng ban Khách hàng lớn Agribank
Từ 8/2017 – 02/2018	Phó Trưởng ban phụ trách điều hành ban Khách hàng lớn Agribank
Từ 3/2018 – 9/2019	Phó Trưởng ban Khách hàng lớn Agribank
Từ 10/2019 – 8/2021	Giám đốc Trung tâm quản lý rủi ro Agribank
Từ 8/2021 – 4/2023	Trưởng ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng Agribank
Từ 4/2023 - nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank  
 Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

*Handwritten signatures and stamps in blue ink.*

8617  
 NH H  
 G NG  
 HÁT  
 NG T  
 IỆT N  
 NH - T

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Tô Đình Tôn**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 17/8/1963

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 034063000037, Ngày cấp: 19/3/2014, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1987 – 1996	Cán bộ Trường Cao cấp nghiệp vụ Ngân hàng (nay là Học viện Ngân hàng)
Từ 1996 – 1998	Cán bộ Xây dựng cơ bản Agribank
Từ 1998 – 1999	Phó Trưởng phòng Xây dựng cơ bản thuộc ban Quản trị Agribank
Từ 1999 – 2001	Trưởng phòng Xây dựng cơ bản thuộc Ban Quản trị Agribank
Từ 2001- 2005	Phó Trưởng ban Xây dựng cơ bản Agribank
Từ 2005 - 07/2016	Trưởng ban Xây dựng cơ bản (nay là Ban Quản lý đầu tư nội ngành)
Từ 07/2016 - 11/2020	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 11/2020 – 12/2021	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Quản lý Tài sản phức lợi Agribank
Từ 01/2022 – nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Trần Văn Dự**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/11/1964

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001064012222, Ngày cấp: 21/08/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1985 - 1992	Cán bộ Tín dụng Agribank Chi nhánh Mỹ Đức, Hà Tây
Từ 1992 - 1994	Cán bộ Kế hoạch Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 1994 - 1994	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 1994 - 1998	Trưởng phòng Điện toán Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 1998 - 2003	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 2003 - 2004	Phó Giám đốc phụ trách Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 02/2004 - 08/2017	Giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Tây
Từ 08/2017 - nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: **Không**

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Nguyễn Quang Hùng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 18/12/1967

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 027067011597, Ngày cấp: 01/09/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Bắc Ninh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1987 – 1988	Cán bộ NHNN Chi nhánh huyện Lục Nam, tỉnh Hà Bắc
Từ 1988 – 1991	Nhập ngũ tham gia quân đội tại E 445 – Quân khu I
Từ 1991 – 1993	Cán bộ Kế toán Agribank Chi nhánh huyện Quế Võ Hà Bắc
Từ 1993 – 1996	Phó Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ Agribank Chính nhánh huyện Quế Võ Hà Bắc
Từ 1996 – 1997	Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ Agribank Chi nhánh huyện Quế Võ Hà Bắc
Năm 1997	Cán bộ Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh
Từ 1997 – 2003	Phó Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh
Từ 07/2003 – 09/2010	Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh
Từ 10/2010 – 12/2013	Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh
Từ 01/2014 – 08/2022	Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh
Từ 09/2022 – 10/2022	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Agribank chi nhánh tỉnh Bắc Ninh
Từ 11/2022 – 02/2023	Phó Tổng Giám đốc Agribank
Từ 02/2023 – nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và Giám sát tuân thủ Agribank



0068  
 GẤM  
 NG  
 PHÁ  
 ÔNG  
 VIỆT  
 ĐINH

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và Giám sát tuân thủ Agribank  
 Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Đoàn Ngọc Lưu**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/8/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036076009576, Ngày cấp: 23/09/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
09/1998 - 04/2004	Kiểm toán viên, Kiểm toán viên chính - Công ty TNHH kiểm toán Việt Nam VACO (Nay là Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam)
04/2004 - 04/2008	Giảng viên Khoa kế toán - Học viện Tài chính
05/2008 - 05/2009	Phó Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)
06/2009 - 09/2013	Thành viên Ban kiểm soát PVFC, Trưởng kiểm toán nội bộ - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)
10/2013 - 06/2016	Trưởng kiểm toán nội bộ Pvccombank






Thời gian	Quá trình công tác
07/2016 - 06/2017	Phó Trưởng kiểm toán nội bộ, Agribank
12/2016 - 06/2017	Tham gia Lãnh đạo Ban Kế hoạch - Nguồn vốn, Agribank
06/2017 - 05/2018	Giám đốc Agribank Chi nhánh Bắc Nam Định
06/2018 - 05/2020	Trưởng Ban Kế hoạch Nguồn vốn Agribank
06/2020 - 02/2022	Giám đốc Agribank Chi nhánh Thăng Long
03/2022 - 01/2024	Phó Vụ trưởng Vụ kiểm toán nội bộ, Ngân hàng Nhà nước;
02/2024 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc  
 Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

**12.3.1. Kế toán trưởng**

Họ và tên: **Phùng Văn Hưng Quang**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/02/1965

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 026065003963, Ngày cấp: 10/5/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Vĩnh Phúc

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1988 - 1992	Nhân viên Agribank Chi nhánh Đoàn Hùng, Tỉnh Vĩnh Phú



Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1992 - 1993	Nhân viên phòng Kế toán thanh toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phú
Từ 1993 - 1996	Phó Trưởng phòng Kế toán thanh toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phú
Từ 1997 - 2000	Trưởng phòng Kế toán Ngân quỹ Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phúc
Từ 2001 - 2002	Trưởng phòng Kế toán Sở giao dịch Agribank
Từ 2002 - 2005	Phó ban Tài chính Kế toán Agribank
Từ 2005 - 2007	Phó ban Tín dụng doanh nghiệp Nhỏ và vừa Agribank
Từ 2007 - 2009	Trưởng ban Quản lý dự án cổ phần hóa Agribank
Từ 2009 - 2014	Trưởng ban Thống kê và dự báo kinh tế Agribank
Năm 2014	Trưởng ban Tài chính kế toán và ngân quỹ Agribank
Từ 10/2014 - 04/2021	Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban Tài chính kế toán Agribank
Từ 04/2021 - Nay	Kế toán trưởng Agribank

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Kế toán trưởng Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

### 13. Tài sản

#### 13.1. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tài sản cố định hữu hình hợp nhất tại thời điểm 31/12/2023 như sau:

#### Tài sản cố định hữu hình của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa và vật kiến trúc	11.361	5.565	48,983%
Máy móc thiết bị	3.888	749	19,264%
Phương tiện vận tải	3.300	1.032	31,273%

*(Handwritten signatures and initials)*

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5.392	1.116	20,697%
Tài sản cố định hữu hình khác	643	323	50,233%
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.584</b>	<b>8.785</b>	<b>35,735%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)

Chi tiết tình hình tài sản cố định hữu hình riêng tại thời điểm 31/12/2023 như sau:

**Tài sản cố định hữu hình của Agribank (Công ty mẹ)**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa và vật kiến trúc	11.259	5.515	48,983%
Máy móc thiết bị	3.665	683	18,636%
Phương tiện vận tải	3.169	999	31,524%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5.362	1.110	20,701%
Tài sản cố định hữu hình khác	638	323	50,627%
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.093</b>	<b>8.630</b>	<b>35,820%</b>

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023)

**13.2. Tài sản cố định thuê tài chính**

Chi tiết tình hình tài sản cố định thuê tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2023 như sau:

**Tài sản cố định thuê tài chính của Agribank (Hợp nhất)**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phương tiện vận tải	19	1	5,263%
<b>Tổng cộng</b>	<b>19</b>	<b>1</b>	<b>5,263%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)

Chi tiết tình hình tài sản cố định thuê tài chính riêng tại thời điểm 31/12/2023 như sau:

**Tài sản cố định thuê tài chính của Agribank (Công ty mẹ)**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phương tiện vận tải	19	1	5,263%
<b>Tổng cộng</b>	<b>19</b>	<b>1</b>	<b>5,263%</b>

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023)

**13.3. Tài sản cố định vô hình**

Chi tiết tình hình tài sản cố định vô hình hợp nhất tại thời điểm 31/12/2023 như sau:

**Tài sản cố định vô hình của Agribank (Hợp nhất)**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	2.451	2.162	88,209%
Phần mềm máy vi tính	1.646	266	16,160%
Tài sản vô hình khác	61	52	85,246%
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.158</b>	<b>2.480</b>	<b>59,644%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)

Chi tiết tình hình tài sản cố định vô hình riêng tại thời điểm 31/12/2023 như sau:

**Tài sản cố định vô hình của Agribank (Công ty mẹ)**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	2.132	1.897	88,977%
Phần mềm máy vi tính	1.585	238	15,016%
Tài sản vô hình khác	62	52	83,871%
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.779</b>	<b>2.187</b>	<b>57,872%</b>

(Nguồn: Agribank)

**14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2023**
**14.1. Các chỉ tiêu kế hoạch**

Chỉ tiêu	Năm 2024		% tăng/giảm so với 2023	Năm 2025
	Kế hoạch	Số liệu dự kiến		
Tổng tài sản	Tăng trưởng phù hợp với tăng trưởng nguồn vốn (bao gồm cả nguồn vốn thị trường 1 và thị trường 2)			Tại thời điểm lập Bản cáo bạch này Agribank chưa xây dựng kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận cho năm 2025
Vốn chủ sở hữu	123.056 tỷ đồng	123.056 tỷ đồng		
Vốn huy động thị trường I	Tăng từ 5% - 8%, có điều chỉnh phù hợp với tăng trưởng dư nợ	1.980.600 tỷ đồng – 2.037.200 tỷ đồng	5% - 8%	
Dư nợ cho vay nền kinh tế	Tăng từ 7% - 10% và phù hợp với kế hoạch được NHNN phê duyệt	1.658.900 tỷ đồng – 1.705.400 tỷ đồng	7% - 10%	
Tỷ trọng cho vay nông nghiệp, nông thôn	Phần đầu 65%	Phần đầu 65%		
Tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN	Dưới 2%	Dưới 2%		
Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn	Dưới 2% Phần đầu dưới 1,5%	Dưới 2% Phần đầu dưới 1,5%		
Thu dịch vụ	8.400 tỷ đồng	8.400 tỷ đồng		

Chỉ tiêu	Năm 2024		% tăng/giảm so với 2023	Năm 2025
	Kế hoạch	Số liệu dự kiến		
Thu nợ đã xử lý rủi ro	Tối thiểu 10.000 tỷ đồng	10.000 tỷ đồng		
Trích lập dự phòng rủi ro	Dự kiến 20.000 tỷ đồng	20.000 tỷ đồng		
Tổng thu nhập	Tối thiểu 165.000 tỷ đồng	165.000 tỷ đồng	117%	
Lợi nhuận trước thuế	Tăng tối thiểu 6% so với năm 2023 và không thấp hơn mức lợi nhuận kế hoạch được NHNN phê duyệt	27.411	6%	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	Tối thiểu 19%	19%	-8%	
Các tỷ lệ an toàn hoạt động	Đảm bảo theo quy định NHNN			

(Nguồn: Nghị quyết Hội đồng thành viên số 01/NQ-HĐTV ngày 05/01/2024 về chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2024)

**14.2. Các giải pháp chủ yếu**

- Có giải pháp nâng cao khả năng tăng trưởng tín dụng ngay từ những tháng đầu năm; tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách tín dụng theo hướng tập trung hơn nữa thẩm quyền phê duyệt tại Trụ sở chính, cải tiến quy trình, thủ tục cấp tín dụng phù hợp với từng sản phẩm tín dụng gắn với cơ cấu lại tài sản có tổng thể trên cơ sở nâng cao hiệu quả và cạnh tranh; hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn; khuyến khích khách hàng ứng dụng công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ môi trường.
- Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả các biện pháp kiểm soát nợ tiềm ẩn, phòng ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu phát sinh, xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro.
- Điều hành huy động vốn linh hoạt, kết hợp đồng bộ với công tác kế hoạch và điều hành tăng trưởng tín dụng nhằm tối ưu hóa cân đối vốn, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định; nâng cao năng lực phân tích, dự báo hỗ trợ có hiệu quả cho công tác điều hành lãi suất.
- Xây dựng chính sách, giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đa dạng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Tiếp tục xác định đầu tư vào công nghệ thông tin, chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 và các năm tiếp theo; tập trung nguồn lực triển khai các giải pháp thuộc Đề án chiến lược phát triển công nghệ thông tin và kế hoạch chuyển đổi số, đặc biệt là các giải pháp nền tảng và giải pháp hỗ trợ mục tiêu tuân thủ, đáp ứng có hiệu quả yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh và công tác quản trị, điều hành.

*(Handwritten signatures and stamps)*

- Nâng cao ý thức trách nhiệm, siết chặt kỷ cương, kỷ luật đảm bảo tuân thủ các quy trình, thủ tục nội bộ; nâng cao năng lực, hiệu quả, vai trò của kiểm toán nội bộ, công tác giám sát, kiểm tra từ Trụ sở chính đến chi nhánh, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các tồn tại, rủi ro trong quá trình hoạt động; xử lý quyết liệt, nhanh chóng, nghiêm minh các tồn tại, yếu kém, sai phạm, tiêu cực được phát hiện.
- Triển khai có hiệu quả Phương án cơ cấu lại Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025; các biện pháp nâng cao năng lực tài chính; hiệu quả kinh doanh, tuân thủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động.
- Tập trung nghiên cứu xu thế hoạt động ngân hàng trong tương lai để có chiến lược, giải pháp phù hợp về mạng lưới, hoạt động và nhân sự của các chi nhánh; rà soát, xây dựng lộ trình cơ cấu lại mạng lưới và hoạt động các chi nhánh, đặc biệt trên địa bàn thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.
- Triển khai đồng bộ các giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đổi mới, hoàn thiện các cơ chế tiền lương, chính sách để tạo động lực cho người lao động
- Xây dựng đề án, giải pháp phát triển văn hóa, thương hiệu Agribank phù hợp với yêu cầu, điều kiện mới; khẩn trương hoàn thiện và triển khai Đề án triển khai tiêu chuẩn môi trường – xã hội – quản trị (ESG) trong hệ thống Agribank phù hợp với thực tiễn hoạt động và đáp ứng được xu hướng thiết lập những chuẩn mực mới về phát triển bền vững.

#### 14.3. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Ngày 25/09/2023, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 1118/QĐ-TTg ban hành Quyết định Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Theo đó, trong năm 2024, Agribank sẽ được bổ sung vốn điều lệ tối đa 10.347 tỷ đồng từ nguồn ngân sách Nhà nước.

Ngày 25/03/2024, NHNN có Công văn số 2295/NHNN – TCKT gửi Bộ Tài chính về việc đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho Agribank. Tại Công văn, NHNN yêu cầu Bộ Tài chính thực hiện triển khai các thủ tục xin cấp bổ sung 10.347 tỷ đồng vốn điều lệ cho Agribank theo đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, dự kiến đến cuối năm 2024, sau khi hoàn tất thủ tục bổ sung vốn điều lệ, vốn điều lệ của Agribank là 51.309.923.001.584 đồng.

#### 14.4. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được Hội đồng thành viên thông qua

Hội đồng thành viên đã phê duyệt danh mục và kế hoạch vốn dự án hạ tầng Công nghệ thông tin năm 2023 và thời gian thực hiện cụ thể như sau:

STT	Tên dự án	Thời gian phê duyệt chủ trương dự án	Thời gian triển khai dự kiến
1	Bổ sung máy chủ và thiết bị lưu trữ dự phòng cho các hệ thống an toàn thông tin	19/04/2023	12 tháng kể từ ngày phê duyệt dự án
2	Đầu tư thay thế máy chủ, tủ đĩa thuộc trung tâm phục hồi thảm họa	19/04/2023	12 tháng kể từ ngày phê duyệt dự án
3	Xây dựng hệ thống kiểm thử an ninh bảo mật ứng dụng của Agribank (*)	19/04/2023	10 tháng kể từ ngày phê duyệt dự án
4	Nâng cấp, mở rộng hệ thống xác thực mật khẩu một lần (OTP) của Agribank	19/04/2023	18 tháng kể từ ngày phê duyệt dự án
5	Đầu tư thay thế thiết bị tường lửa mạng (**)	19/04/2023	12 tháng kể từ ngày phê duyệt dự án
6	Ứng dụng AI trong chăm sóc khách hàng (Virtual e-banker)	22/09/2023	04/2024 – 12/2026

(Nguồn: Agribank)

(\*): Dự án đã được phê duyệt vào ngày 19/01/2024 và đang tổ chức lựa chọn nhà thầu.

(\*\*): Dự án đã được phê duyệt vào ngày 24/11/2023 và đang tổ chức lựa chọn nhà thầu.

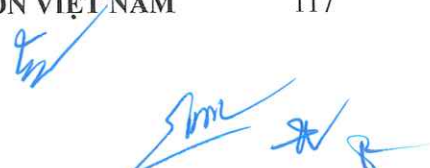
#### 15. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Agribank được dựa trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Agribank nói riêng. Trên cơ sở các kết quả tích cực đã đạt được, hoạt động kinh doanh có lãi trong nhiều năm qua, cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay của Agribank, Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2023 của Agribank là có tính khả thi, nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng và phát sinh các biến động lớn có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh tế vĩ mô, chu kỳ tăng trưởng và hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng.

Agribank dự kiến sử dụng nguồn thu được từ phát hành Trái Phiếu Ra Công Chúng, nguồn vốn tích lũy của Agribank, nguồn vốn huy động khác, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của Agribank sau khi trừ đi các khoản phải nộp cho các cơ quan thuế, nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, các khoản thanh toán đến hạn và chi phí hoạt động của Agribank, bảo đảm đủ để thanh toán lãi và gốc của Trái Phiếu đăng ký chào bán.

Trên cơ sở những thông tin đã thu thập được và sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về thực trạng hoạt động kinh doanh của Agribank – một Ngân hàng có vị thế và uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Tổ Chức Tư Vấn cho rằng các chiến lược kinh doanh, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu của Agribank có thể thực hiện được và có tính khả thi, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng làm ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ của một



tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, căn cứ vào các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán, cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân hàng. Do vậy, các đánh giá và nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào Trái Phiếu của Agribank.

**16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có

**17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Theo sự đánh giá và tin tưởng tốt nhất của Agribank thì không phát sinh vụ việc tranh chấp, kiện tụng nào có ảnh hưởng đáng kể đến giá hay khả năng thanh toán Trái Phiếu của Agribank.




861  
N H  
3 NC  
IÁT  
IG T  
T N  
'H -

AGP  
C  
CH  
DÓN



## V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT

### 1. Mã Trái Phiếu

Mã Trái Phiếu là: VBA123036.

### 2. Loại Trái Phiếu

Là Trái Phiếu không chuyển đổi, không được đảm bảo bằng tài sản của Agribank, không kèm chứng quyền, thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật.

### 3. Số lượng Trái Phiếu phát hành

Số lượng Trái Phiếu phát hành là: 100.000.000 trái phiếu (*Một trăm triệu trái phiếu*).

### 4. Tổng giá trị theo mệnh giá

Tổng giá trị theo mệnh giá là: 10.000.000.000.000 đồng (*Mười nghìn tỷ đồng*).

### 5. Ngày phát hành

Ngày phát hành là: 05/12/2023.

### 6. Ngày đáo hạn

Ngày đáo hạn là: 05/12/2031.

### 7. Thời hạn Trái Phiếu

Thời hạn Trái Phiếu là 08 (tám) năm.

### 8. Mệnh giá

Mệnh giá Trái Phiếu là: **100.000 VNĐ/Trái Phiếu** (*Một trăm nghìn đồng/Trái Phiếu*)

### 9. Mục đích phát hành Trái Phiếu

- Tăng vốn cấp 2 để đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động của Agribank theo quy định của NHNN;
- Tăng quy mô vốn hoạt động, đáp ứng nhu cầu cho vay nền kinh tế nói chung, tập trung vào các dự án đầu tư trung dài hạn.

### 10. Nguồn thanh toán Trái Phiếu

Nguồn vốn để trả nợ gốc Trái Phiếu từ các nguồn sau:

- Nguồn thu nợ của các khoản cho vay từ nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu ra công chúng năm 2023 của Agribank;
- Nguồn vốn tự tích lũy của Agribank;
- Nguồn vốn huy động khác;
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Agribank.

### 11. Tổng số Trái Phiếu niêm yết

Tổng số Trái Phiếu niêm yết là: 100.000.000 **Trái Phiếu**, tương đương 100% tổng số lượng Trái Phiếu đã phát hành.




74-  
 ANG  
 HIỆ  
 TRIỆ  
 HỒN  
 AM  
 TP. H

1  
 Ô  
 Ô  
 UN  
 GI  
 E

## 12. Lãi suất

Lãi suất của Trái Phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2023 (“Lãi Suất”) là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi Suất Trái Phiếu} = \text{LSTC} + \text{Biên độ}$$

Trong đó:

- **Biên độ:** 2,0%/năm.
- **LSTC:** là lãi suất tham chiếu dùng để xác định lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) NHTM Việt Nam bao gồm: BIDV, Vietinbank, Agribank và Vietcombank (mỗi ngân hàng này được gọi là “Ngân Hàng Tham Chiếu”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Nếu không phải là số nguyên sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân. **Việc xác định Lãi Suất Tham Chiếu theo các quy định sau:**
  - Trường hợp một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) trang thông tin điện tử chính thức của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất, thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại tại Ngày Xác Định Lãi Suất đó. Khi đó, Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền sẽ in bằng chứng để chứng minh việc trang thông tin điện tử chính thức của các Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động/không công bố lãi suất nêu trên.
  - Trường hợp trang thông tin điện tử chính thức của cả 04 Ngân hàng Tham Chiếu đều không hoạt động hoặc không công bố lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất, thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền bằng văn bản. Khi đó, Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền sẽ in bằng chứng để chứng minh việc trang thông tin điện tử chính thức của các Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động/không công bố lãi suất nêu trên;



- Trường hợp Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền không lấy được lãi suất mà lý do không phải xuất phát từ phía Ngân Hàng Tham Chiếu thì Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền có trách nhiệm thay thế bằng cách lấy xác nhận lãi suất tại Ngày Xác Định Lãi Suất bằng văn bản từ các Ngân Hàng Tham Chiếu tương ứng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh TP Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch);
  - Mức lãi suất của kỳ hạn tương đương chỉ được áp dụng khi Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố mức lãi suất cho kỳ hạn 12 tháng đáp ứng được điều kiện nêu trên. Mức lãi suất của kỳ hạn tương đương là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam của kỳ hạn tính bằng ngày gần với kỳ hạn 12 tháng nhất. Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất, có 02 (hai) mức lãi suất tương đương thì áp dụng mức lãi suất tương đương của kỳ hạn ngắn hơn;
  - Tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền xác định lãi suất sẽ gửi thông báo kết quả xác định Lãi suất cho Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) đồng thời thông báo trên trang thông tin điện tử của tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền theo phương thức quy định trong Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu ít nhất 02 (hai) Ngày Làm Việc trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi;
  - Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý rằng kết quả xác định Lãi Suất của tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng:
- **“Ngày Xác Định Lãi Suất”**: là Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của mỗi Kỳ Tính Lãi.
  - Nếu tại Ngày Xác Định Lãi suất của bất kỳ Kỳ Tính Lãi nào mà có quy định của pháp luật về mức lãi suất trần và quy định đó có hiệu lực bắt buộc đối với Trái Phiếu khi xác định lãi suất như vậy thì Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi đó là mức lãi suất được xác định theo công thức trên (nếu mức lãi suất áp dụng theo công thức này chưa vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định), hoặc là mức lãi suất trần đó (nếu mức lãi suất được xác định theo công thức trên vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định).

### 13. Kỳ trả lãi

Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, định kỳ 01 (một) năm trả một lần vào **“Ngày Thanh Toán Lãi”** là mỗi ngày tròn 01 năm kể từ Ngày Phát Hành, riêng tiền lãi cho Kỳ Thanh Toán Lãi cuối cùng của Trái Phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào ngày đáo hạn. Nếu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì

*Handwritten signatures and stamps are present in the bottom right corner of the page.*

Ngày Thanh Toán Lãi kỳ cuối cùng của Trái Phiếu và tiền lãi của kỳ đó sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.

**14. Mua lại Trái Phiếu**

Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn 100% khối lượng Trái Phiếu đã phát hành tại thời điểm tròn 03 (ba) năm kể từ Ngày Phát Hành trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, giá mua lại bằng mệnh giá của Trái Phiếu.

Tổ chức phát hành có quyền mua lại Trái Phiếu theo thỏa thuận: trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, Agribank có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu vào bất kỳ lúc nào bằng bất kỳ phương thức nào và với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi người sở hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái Phiếu của mình cho Agribank hay không. Việc chào mua lại Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả người sở hữu Trái Phiếu.

HĐTV quyết định việc mua lại Trái Phiếu trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của Tổng Giám đốc:

- Mục đích mua lại: Giảm nghĩa vụ nợ, cơ cấu lại nợ Trái Phiếu. Việc mua lại phải đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định và không ảnh hưởng đến các quy định hiện hành khác, hoặc nếu trường hợp không mua lại sẽ ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu của Agribank.
- Nguồn vốn mua lại: Từ nguồn vốn kinh doanh của Agribank và các nguồn vốn khác quy theo quy định của NHNN.

**15. Các đặc điểm pháp lý khác của Trái Phiếu**

- Là Trái Phiếu mà trong mọi trường hợp, nhà đầu tư chỉ được thanh toán sau khi Agribank đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có đảm bảo và không có đảm bảo khác (nợ thứ cấp).
- Không được đảm bảo bằng tài sản của Agribank.
- Agribank được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ.
- Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người sở hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.

**16. Số lượng Trái Phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**

Không có

**17. Xếp hạng tín nhiệm**

Không có.

686  
IÂN H  
NG N  
PHÁT  
ÔNG T  
VIỆT N  
/INH -

7  
/Y  
N  
/Á  
/K  
/P

**18. Phương pháp tính giá**

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi Nhà Đầu tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

- Trong đó:
- PV: là Giá của Trái Phiếu
  - FV: là mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu
  - CF<sub>i</sub>: là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ trả lãi thứ i
  - n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu
  - k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá Trái Phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác.

**19. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn**

Lợi suất đáo hạn – YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ Trái Phiếu từ khi mua và nắm giữ Trái Phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lợi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ Trái Phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa: Giá sử một Trái Phiếu mệnh giá 100.000 đồng, thời gian đáo hạn là 08 năm, lãi suất Trái Phiếu 10%/năm, kỳ trả lãi 01 năm/lần, hiện đang được bán với giá 103.000 đồng.

Lợi suất Trái Phiếu khi đáo hạn sẽ được tính như sau:

$$103.000 = \frac{10.000}{(1+k)^1} + \frac{10.000}{(1+k)^2} + \frac{10.000}{(1+k)^3} + \frac{10.000}{(1+k)^4} + \frac{10.000}{(1+k)^5} + \frac{10.000}{(1+k)^6} + \frac{10.000}{(1+k)^7} + \frac{110.000}{(1+k)^8}$$

Áp dụng phương pháp nội suy: k = 9,6%. Do đó YTM = 9,6%/năm.

**20. Phương thức thực hiện quyền**

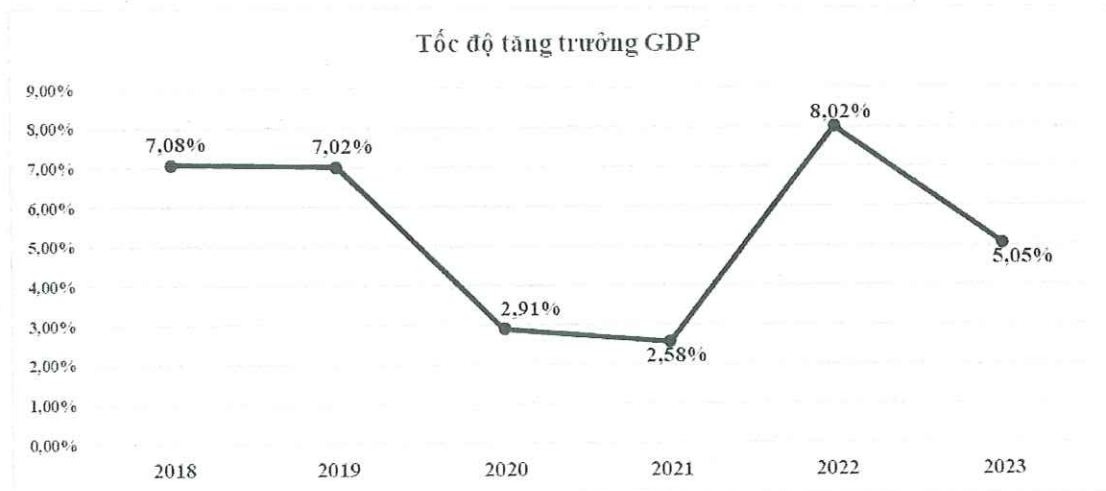
Không có, vì Trái Phiếu đăng ký niêm yết là loại Trái Phiếu không chuyển đổi.

**21. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với Trái Phiếu niêm yết**

Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm; lạm phát

đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công thế giới đã tăng lên mức kỷ lục, xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na phức tạp hơn, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng gia tăng. Tại thời điểm cuối năm 2023, các tổ chức quốc tế đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu so với dự báo trước đây theo các hướng khác nhau nhưng hầu hết các dự báo đều thấp hơn tốc độ tăng trưởng năm 2022.

Kinh tế Việt Nam năm 2023 mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động, linh hoạt, quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương cùng với sự đoàn kết, tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế, nhờ đó kinh tế nước ta vẫn đạt được kết quả khả quan cho thấy nền kinh tế tiếp tục có xu hướng phục hồi mới mức tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước. Năm 2023, tăng trưởng kinh tế ước đạt 5,05% (Quý I tăng 3,41%; quý II tăng 4,25%; quý III tăng 5,47%; quý IV tăng 6,72%). CPI bình quân năm 2023 tăng 3,25% so với năm 2022. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2023 tăng 4,16% so với năm 2022, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung (tăng 3,25%).



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Trong năm 2024 dự báo kinh tế Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Tác động từ sự suy giảm của nền kinh tế thế giới dồn nén từ thời đại dịch tới nay nhiều khả năng vẫn sẽ tiếp tục tác động đến nền kinh tế Việt Nam ít nhất trong nửa đầu năm 2024 trước khi đón nhận những dấu hiệu tích cực, khả quan hơn. Tuy vậy, kinh tế Việt Nam sẽ vẫn có cơ hội phục hồi tích cực hơn nếu các chính sách hỗ trợ được ban hành trong năm 2023 sẽ có tác động rõ nét hơn vào nền kinh tế; các động lực về đầu tư (bao gồm cả đầu tư tư nhân, FDI, đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước), tiêu dùng, du lịch và xuất khẩu tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ; các vấn đề tồn đọng, bất cập kéo dài được tập trung tháo gỡ, chuyển biến tích cực hơn

*(Handwritten signatures and stamps)*

trong năm 2024, nhất là vương mắc của doanh nghiệp, dự án đầu tư, thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp...

## 22. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo

Không có, Trái Phiếu đăng ký niêm yết là loại Trái Phiếu không có tài sản bảo đảm.

## 23. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 21/12/2020 và Điều lệ của Agribank không giới hạn về tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu đối với nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam trong tương lai, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, và khi đó có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng Trái Phiếu từ nhà đầu tư trong nước cho nhà đầu tư nước ngoài.

## 24. Các loại thuế liên quan

Các loại thuế liên quan đến Trái Phiếu được xác định dựa trên các quy định Pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phát sinh các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu. Những nội dung tóm tắt dưới đây là những phân tích dựa trên các quy định Pháp luật có hiệu lực tại Ngày Phát Hành, không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư. Một số nhà đầu tư phải tuân theo các quy định riêng. Vì vậy, các nhà đầu tư Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia về thuế và các loại thuế có liên quan đến việc sở hữu và chuyển nhượng Trái Phiếu áp dụng riêng đối với từng trường hợp cụ thể.

### 24.1. Thuế thu nhập cá nhân

(a) Đối với thu nhập nhận được từ lãi Trái Phiếu do các tổ chức trong nước phát hành:

Căn cứ Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015, Thu nhập từ lãi Trái Phiếu là thu nhập từ đầu tư vốn, nhà đầu tư cá nhân nắm giữ sẽ chịu mức thuế suất 5% (năm phần trăm) trên số tiền lãi nhận được, áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

(b) Đối với thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu:

Căn cứ Khoản 9, 10, Điều 2, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu là thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán chịu mức thuế suất 0,1% (không phải một phần trăm) trên giá bán chứng khoán từng lần áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

(c) Đối với thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng Trái Phiếu:



Căn cứ Điều 16 và Điều 23 Thông tư số 68/VBHN-BTC ngày 19/12/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện luật thuế thu nhập cá nhân, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ và các Nghị định khác, thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng Trái Phiếu chịu mức thuế suất 10% (mười phần trăm) thu nhập tính thuế áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

#### 24.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp Việt Nam (gồm các doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh được thành lập và hoạt động tại Việt Nam), thì theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 sửa đổi bổ sung thông tư 78/2014/TT-BTC, Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được coi là thu nhập chịu thuế khác của doanh nghiệp và được cộng gộp với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp chung cho doanh nghiệp theo mức thuế suất cụ thể được áp dụng cho doanh nghiệp đó.

Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp nước ngoài (gồm các doanh nghiệp và tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, còn được gọi là nhà thầu nước ngoài hay nhà thầu phụ nước ngoài) thì theo quy định tại thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014:

- (i) Doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập từ lãi Trái Phiếu sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 5% (năm phần trăm) trên lãi nhận được.
- (ii) Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu của doanh nghiệp nước ngoài sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 0,1% (không phải một phần trăm) trên tổng giá trị Trái Phiếu bán ra.

#### 24.3. Thuế Giá Trị Gia Tăng

Hiện tại, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu không là đối tượng chịu thuế Giá trị gia tăng. Trong trường hợp thuế Giá trị gia tăng được áp dụng đối với việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo luật Việt Nam sau Ngày Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ phải nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

#### 24.4. Khấu trừ Thuế Thu Nhập Cá Nhân

- (a) Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ khấu trừ, giữ lại và nộp thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lãi Trái Phiếu trước khi thanh

*Handwritten signatures and initials in blue ink.*



toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký sẽ khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí tính trên giá trị chuyển nhượng cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

(b) Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tập trung tại VSDC: Việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân sẽ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của VSDC.

**VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**

**1. Tổ Chức Kiểm Toán Báo Cáo Tài Chính**

**CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM**

Địa chỉ : Tầng 46, Tòa nhà Keangnam 72, E6 Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.  
 Số điện thoại : 024. 3946 1600  
 Số fax : 024. 3946 1601

**2. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK**

Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.  
 Số điện thoại : 024. 6276 2666  
 Số fax : 024. 6276 5666

74-  
 IANG  
 NGHIỆP  
 TRIỂN  
 THÔN  
 NAM  
 TP. H



**VII. PHỤ LỤC**

1. Phụ lục 1: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy phép hoạt động ngân hàng.
2. Phụ lục 2: Điều lệ của Agribank.
3. Phụ lục 3: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Agribank.
4. Phụ lục 4: Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2022; Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2023.
5. Phụ lục 5: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật.



*[Handwritten signatures and initials in blue ink]*

VIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2024

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



PHẠM TOÀN VƯỢNG

PHẠM ĐỨC AN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN TRỌNG DƯỠNG

PHÙNG VĂN HƯNG QUANG

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ SƠN TÙNG

